

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

DƯƠNG THỊ ÁNH NGUYỆT

**KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN
PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI
AN HƯNG**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN

HÀ NỘI - 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

DƯƠNG THỊ ÁNH NGUYỆT

**KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN
PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI
AN HÙNG**

Chuyên ngành: Kế toán

Mã số : 60340301

LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. PHẠM ĐỨC CƯỜNG

HÀ NỘI - 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan rằng các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu nào khác, mọi sự trích dẫn đã được chỉ rõ nguồn gốc. Tác giả chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính xác thực và nguyên bản của luận văn.

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

Tác giả

Dương Thị Ánh Nguyệt

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc và chân thành tới TS. Phạm Đức Cường đã chỉ bảo, hướng dẫn và giúp đỡ tôi rất tận tình trong suốt thời gian thực hiện và hoàn thành luận văn.

Tôi xin trân trọng cảm ơn Trường Đại học Lao Động Xã Hội, Khoa Sau Đại học là cơ sở đào tạo, đã tạo mọi điều kiện thuận lợi và giúp đỡ tôi trong suốt thời gian nghiên cứu và hoàn thành luận văn.

Xin gửi lời cảm ơn đến Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng và các cơ quan, cá nhân đã giúp đỡ tôi về nguồn tư liệu phục vụ cho việc thực hiện đề tài.

Cuối cùng xin cảm ơn gia đình, những người thân và bạn bè, đồng nghiệp luôn động viên, ủng hộ, giúp tôi tập trung nghiên cứu và hoàn thành bản luận văn thạc sỹ của mình.

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

Tác giả

Dương Thị Ánh Nguyệt

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	I
LỜI CẢM ƠN	ii
MỤC LỤC	iii
DANH MỤC VIẾT TẮT	viii
DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU	viii
CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU	1
1.1. Lý do chọn đề tài	1
1.2. Tổng quan tài liệu	3
1.3. Mục tiêu nghiên cứu	6
1.4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu	7
1.5. Phương pháp nghiên cứu	7
1.6. Nội dung chi tiết	9
CHƯƠNG 2: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ THUYẾT VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP	10
2.1. Khái quát chung về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.	10
2.1.1. Chi phí sản xuất và phân loại chi phí sản xuất.	10
2.1.1.1. Chi phí sản xuất`	10
2.1.1.2. Phân loại chi phí sản xuất	11
2.1.2. Giá thành sản phẩm và phân loại giá thành sản phẩm	15
2.1.2.1. Giá thành sản phẩm	15
2.1.2.2. Phân loại giá thành sản phẩm.....	15
2.1.3. Mối quan hệ chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm	17
3.1.4. Yêu cầu, nhiệm vụ và vai trò của kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.....	18

2.2. Những quy định trong chuẩn mực kế toán chi phối đến kế toán chi phí và tính giá thành sản xuất	19
2.2.1. Chuẩn mực kế toán số 01 (VAS 01) Chuẩn mực chung	19
2.2.2. Chuẩn mực kế toán số 02 (VAS 02) Kế toán hàng tồn kho	21
2.2.3. Chuẩn mực kế toán số 03 (VAS 03) Tài sản cố định.....	23
2.3. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm và kỳ tính giá thành sản phẩm.....	25
2.3.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất.....	25
2.3.2. Đối tượng tính giá thành sản phẩm	25
2.3.3. Kỳ tính giá thành sản phẩm	26
2.4. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất.....	26
2.4.1. Phương pháp tập hợp trực tiếp.....	26
2.4.2. Phương pháp phân bổ gián tiếp.....	26
2.5. Kế toán chi phí sản xuất theo hệ thống kê khai thường xuyên	27
2.5.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	27
2.5.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp	29
2.5.3. Kế toán chi phí sản xuất chung.....	30
2.5.4. Kế toán chi phí sản xuất, kiểm kê và đánh giá SPDD	32
2.5.4.1. Kế toán chi phí sản xuất.....	32
2.5.4.2. Kiểm kê và đánh giá sản phẩm dở dang.....	33
2.6. Kế toán chi phí sản xuất theo hệ thống kiểm kê định kỳ.....	36
2.6.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	36
2.6.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp	37
2.6.3. Kế toán chi phí sản xuất chung.....	37
2.6.4. Kế toán chi phí sản xuất.....	37
2.7. Phương pháp tính giá thành sản phẩm	38
2.7.1. Tính giá thành theo phương pháp giản đơn.....	38
2.7.2. Tính giá thành theo phương pháp hệ số	39

2.7.3. Tính giá thành theo phương pháp tỷ lệ.....	39
2.7.4. Tính giá thành theo phương pháp đơn đặt hàng	40
2.7.5. Tính giá thành theo phương pháp phân bước	41
2.7.5.1. Phương án tính giá thành phân bước có tính giá thành bán thành phẩm	41
2.7.5.2. Phương án tính giá thành phân bước không tính giá thành bán thành phẩm	42
2.7.6. Tính giá thành theo phương pháp định mức.....	43
2.8. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm dưới góc độ kế toán quản trị	44
2.8.1. Xác định chi phí sản xuất.....	44
2.8.2. Xác định giá thành sản phẩm sản xuất	45
2.8.3. Lập dự toán chi phí sản xuất	45
2.8.4. Phân tích thông tin về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phục vụ cho việc ra quyết định sản xuất kinh doanh	46
2.8.5. Tổ chức báo cáo, phân tích và ra quyết định về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.....	46
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	47
CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI AN HƯNG.....	48
3.1. Giới thiệu chung về công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng.	48
3.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty.....	48
3.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng.....	50
3.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng	52

3.1.4. Tổ chức kế toán của công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng.	55
3.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán.....	55
3.1.4.2. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty.....	57
3.2.2. Đối tượng tính giá thành sản phẩm.....	59
3.2.3. Kỳ tính giá thành sản phẩm.....	59
3.3. Phương pháp tập hợp, phân bổ chi phí sản xuất.....	59
3.4. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng.....	60
3.4.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....	60
3.4.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp.....	70
3.4.3. Kế toán chi phí sản xuất chung.....	81
3.4.4. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất, kiểm kê và đánh giá SPDD.....	88
3.4.4.1. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất.....	88
3.4.4.2. Kiểm kê và đánh giá sản phẩm dở dang.....	88
3.5. Tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng.....	90
3.6. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng dưới góc độ kế toán quản trị.....	92
CHƯƠNG 4: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI AN HƯNG.....	93
4.1. Thành tựu và hạn chế kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng.....	93
4.1.1. Thành tựu.....	93
4.1.2. Hạn chế của công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An dưới góc độ tài chính	96

4.2. Phương hướng và giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng.....	100
4.2.1. Phương hướng hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng	100
4.2.2. Giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng dưới góc độ tài chính.	102
4.2.3. Giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng dưới góc độ quản trị.....	112
4.3. Điều kiện để thực hiện giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng.....	116
KẾT LUẬN CHƯƠNG 4	120
KẾT LUẬN.....	121
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	123
PHỤ LỤC.....	124

DANH MỤC VIẾT TẮT

Ký tự	Diễn Giải
CCDC	Công cụ dụng cụ
CPSX	Chi phí sản xuất
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
GTGT	Giá trị gia tăng
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
NTP	Nửa thành phẩm
SXKD	Sản xuất kinh doanh
SPDD	Sản phẩm dở dang
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU

Sơ đồ 3.1: Tổ chức sản xuất	50
Sơ đồ 3.2. Quy trình sản xuất sản phẩm quạt.....	51
Sơ đồ 3.3. Cơ cấu tổ chức công ty	53
Sơ đồ 3.4. Quy trình luân chuyển chứng từ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	63
Sơ đồ 3.5. Quy trình luân chuyển chứng từ nhân công trực tiếp	72
Bảng 4.1: Giá thành định mức sản xuất 1 chiếc quạt công nghiệp	104
Bảng 4.2: So sánh chi phí sản xuất thực tế với chi phí theo định mức	106
Bảng 4.3: Tính giá thành nửa thành phẩm phân xưởng cơ khí.....	108
Bảng 4.4: Tính giá thành nửa thành phẩm phân xưởng Sơn.....	109
Bảng 4.5: Tính giá thành thành phẩm phân xưởng lắp ráp.....	110
Bảng 4.6: Phân loại chi phí theo ứng xử.....	114
Bảng 4.7: Dự toán tiêu thụ Quý II/2016	115
Bảng 4.8: Dự toán thu tiền quý II/2016	115
Bảng 4.9: Dự toán sản lượng sản xuất quý II/2016.....	116

CHƯƠNG 1

GIỚI THIỆU ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

1.1. Lý do chọn đề tài

Đối với các doanh nghiệp sản xuất thì mục tiêu làm sao để đạt được lợi nhuận cao nhất luôn được các doanh nghiệp theo đuổi. Trong nền kinh tế thị trường luôn có sự cạnh tranh gay go, khốc liệt thì việc tạo ra sản phẩm với giá thành hợp lý mà vẫn đảm bảo yêu cầu chất lượng chính là con đường đúng đắn để các doanh nghiệp phát triển bền vững.

Việc sử dụng các yếu tố như tư liệu lao động, đối tượng lao động và sức lao động là một quá trình mà doanh nghiệp phải bỏ ra những chi phí sản xuất tương ứng, như việc sử dụng nguyên nhiên vật liệu thì đó là chi phí nguyên nhiên vật liệu, việc sử dụng tài sản cố định thì đó là chi phí khấu hao tài sản cố định, việc sử dụng lao động thì đó là chi phí nhân công... Toàn bộ chi phí về lao động sống và lao động vật hoá mà doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh được gọi là chi phí sản xuất.

Chi phí sản xuất thực chất là việc sử dụng hợp lý, tiết kiệm các loại vật tư, tài sản, lao động, tiền vốn... trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Chi phí sản xuất là cơ sở để tính giá thành sản phẩm, lao vụ, dịch vụ hoàn thành nên việc tiết kiệm chi phí là mục tiêu hạ giá thành sản phẩm.

Giá thành sản phẩm là những khoản chi phí sản xuất đã chi ra cho sản phẩm đã hoàn thành, là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh kết quả sử dụng tài sản, vật tư, lao động, tiền vốn trong quá trình sản xuất. Ngoài ra việc áp dụng những tiến bộ, cải tiến kỹ thuật công nghệ trong sản xuất cũng là giải pháp nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản xuất, hạ thấp chi phí và tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Vì vậy giá thành chính là căn cứ để xác định giá bán và xác định hiệu quả kinh tế của hoạt động sản xuất.

Công tác tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh và tính giá thành sản phẩm có vai trò hết sức quan trọng trong doanh nghiệp. Nếu tổ chức và quản lý tốt việc tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm, không để xảy ra thất thoát thì kết quả kinh doanh có lãi. Ngược lại, nếu quản lý không tốt, tập hợp chi phí sản xuất không đầy đủ sẽ dẫn đến kết quả kinh doanh không chính xác và có thể không có lãi.

Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp phải đảm bảo phản ánh đúng nội dung, đúng phạm vi các khoản chi phí phát sinh cấu thành trong giá thành sản phẩm hoàn thành, tiết kiệm được chi phí, hạ thấp giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận. Như vậy tổ chức công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sẽ có ý nghĩa vô cùng quan trọng và là yêu cầu cần thiết đối với các doanh nghiệp sản xuất trong nền kinh tế thị trường.

Việc quản trị hợp lý các khoản chi phí và phương pháp tính giá thành là vấn đề được rất nhiều nhà quản lý quan tâm vì nó có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Quản lý tốt sẽ đem lại cho doanh nghiệp nhiều lợi nhuận và nhiều cơ hội đầu tư mới và ngược lại. Những năm gần đây ở Việt Nam đã có một số công trình khoa học nghiên cứu về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Các nghiên cứu khoa học đều đưa ra các giải pháp nhằm kiểm soát tốt chi phí kinh doanh trong doanh nghiệp, phương pháp tính giá và đưa ra các quyết định đúng đắn.

Qua tìm hiểu cho thấy công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng còn rất yếu về cách quản lý và chưa lên được kế hoạch chi hợp lý dẫn đến các khoản chi phí lớn, cách tính giá chưa hợp lý làm cho sản phẩm của doanh nghiệp khó cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài và giảm lợi nhuận của công ty.

Ví dụ khâu duyệt dự toán chưa được thực hiện chặt chẽ dẫn đến nhiều khoản chi mua nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất không hợp lý, đã đẩy giá thành sản xuất lên cao hơn so với thực tế. Phương pháp tính giá sản phẩm chưa đúng với tình hình sản xuất thực tế của công ty.

Từ những lý do trên mà tôi đã nghiên cứu và chọn đề tài “Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng” làm đề tài nghiên cứu của mình.

Nhìn chung những đề tài nghiên cứu cho thấy những đóng góp của các tác giả đi trước. Tuy nhiên chưa có đề tài nào nghiên cứu cụ thể về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng. Xuất phát từ thực trạng của đơn vị và thực trạng của các nghiên cứu trước, tác giả chọn đề tài “Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng” để nghiên cứu.

1.2. Tổng quan tài liệu

Công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một vấn đề được các doanh nghiệp hết sức quan tâm, vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh tại các doanh nghiệp đó. Trong những năm gần đây ở Việt Nam đã có một số công trình khoa học và các bài viết của các tác giả nghiên cứu về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Các nghiên cứu khoa học đó đều đưa ra các giải pháp nhằm hướng tới mục tiêu kiểm soát tốt chi phí sản xuất và phương pháp tính giá thành hiệu quả trong doanh nghiệp, giúp nhà quản lý doanh nghiệp có được các thông tin đầy đủ, kịp thời về các loại sản phẩm và dịch vụ trong doanh nghiệp. Các công trình nghiên cứu đã tiếp cận ở nhiều góc độ, phạm vi khác nhau, tuy nhiên đối với lĩnh vực sản xuất quặng công nghiệp thì lại chưa có nhiều đề tài nghiên cứu về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Trước khi nghiên cứu về đề tài trong bài viết này tôi đã tìm hiểu công tác tổ chức tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành thông qua các công trình nghiên cứu luận văn thạc sỹ của một số học viên cao học như:

Luận văn thạc sỹ Nguyễn Thị Khánh Vân (2014), *Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần đầu tư K&K Việt Nam*, Trường Đại học Thương Mại.

Luận văn của tác giả Nguyễn Thị Khánh Vân một mặt đã hệ thống những lý luận chung về kế toán tại chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm các doanh nghiệp sản xuất, mặt khác đã đánh giá một cách tổng quan về đặc điểm tình hình sản xuất quặng công nghiệp tại các công ty điện cơ miền Bắc ảnh hưởng tới kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Và đã nêu bật được thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở công ty cũng như tình hình riêng ở các công ty điện cơ miền Bắc kèm theo nhiều mẫu biểu minh họa phù hợp. Giải pháp đưa ra phù hợp với những tồn tại đã được nêu.

Tuy nhiên trong bài nghiên cứu, khi đề cập đến các nhân tố ảnh hưởng, tác giả không gắn liền với tác động của các nhân tố đó lên chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của các DN này mà chỉ nói đến tác động chung lên các DN sản xuất quặng cây công nghiệp. Đồng thời, bài nghiên cứu cũng chưa nêu rõ được sự khác biệt của các công ty sản xuất quặng công nghiệp miền Bắc (do vị trí địa lý, do các quy định riêng biệt khác...).

Luận văn thạc sỹ Phạm Trường Giang (2014), *Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sứ Hải Dương*, trường Đại học Thương mại. Bài viết đi sâu vào nghiên cứu lý luận chung và thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tập trung chủ yếu vào kế toán tài chính. Thực trạng của kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm chưa được phân tích cụ thể và sâu sắc. Cách tiếp cận lý

thuyết còn nhiều hạn chế, tiếp cận theo cách cũ và lạc hậu, chưa đề cập đến chuẩn mực, chưa khái quát được bằng các sơ đồ. Các giải pháp đưa ra chủ yếu về mặt kế toán tài chính mà chưa đi sâu vào các nhân tố tác động đến việc ra quyết định của nhà lãnh đạo để tập trung vào hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, chưa có những nhận xét khái quát về toàn bộ công tác kế toán tại các công ty.

Luận văn thạc sỹ Nguyễn Thị Thu Thủy (2012), *Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất lắp ráp các loại xe ô tô ở Việt Nam*, Trường Đại học Thương Mại. Luận văn này đã khái quát hoá được những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại các doanh nghiệp sản xuất như: Khái niệm, bản chất, mối quan hệ cũng như phân loại chi phí sản xuất và các phương pháp tập hợp chi phí sản xuất... Tuy nhiên, đề tài chưa thực sự đánh giá một cách tổng quát về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của các doanh nghiệp sản xuất lắp ráp các loại ô tô trong toàn quốc để từ đó đưa ra các giải pháp tối ưu có thể áp dụng được cho tất cả các doanh nghiệp trong ngành, đồng thời việc kết hợp giữa lý thuyết với thực tế còn nhiều khoảng cách do đó các giải pháp nêu ra còn mang nhiều tính lý thuyết. Tác giả chưa trình bày được các quan điểm khác nhau về chi phí sản xuất.

Điều quan trọng nữa là luận văn chưa gắn với các chuẩn mực kế toán, chưa trình bày được các chuẩn mực kế toán có tác động như thế nào tới kế toán tính giá thành tại công ty.

Theo đề tài luận văn thạc sỹ Vũ Thị Thanh Huyền (2011), *Hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại các doanh nghiệp khai thác than trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh*, Trường Đại học kinh tế quốc dân. Đề tài phân tích khá cụ thể về mặt lý luận tác giả đã trình bày và phân tích các quan điểm về chi phí giá thành, phân tích đối tượng tập hợp

chi phí đối tượng tính giá thành tại các doanh nghiệp sản xuất. Về mặt thực tiễn, tác giả đã khái quát thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại một số công ty khai thác than, phân tích và nêu những vấn đề tồn tại về hạch toán chi phí và phương pháp tính giá thành sản phẩm than và đề ra một số giải pháp khắc phục những tồn tại về việc quản lý chi phí, hạch toán phân hành kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Tuy nhiên các giải pháp chưa tập trung giải quyết quy trình hạch toán kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại đơn vị khảo sát. Các giải pháp chưa gắn với phần đánh giá, chưa có lý giải thực tại trong kỳ nghiên cứu, và không có số liệu cụ thể minh chứng.

Nhìn chung, những nghiên cứu trên phần nào đã cho chúng ta thấy được những tồn tại, khó khăn liên quan đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cũng như những ý kiến, giải pháp của tác giả đối với những vấn đề đó. Tuy nhiên chưa có đề tài nghiên cứu nào thực hiện đối với những việc nghiên cứu, phân tích, đánh giá kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty TNHH sản xuất và Thương mại An Hưng, do đó có thể khẳng định đề tài mang tính độc lập và không trùng lặp với các công trình nghiên cứu trước đây.

1.3. Mục tiêu nghiên cứu

- Phân tích những vấn đề lý thuyết về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất.

- Vận dụng lý luận vào thực tiễn để tìm hiểu và đánh giá thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng.

- Đề ra các giải pháp nhằm hoàn thiện chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng.

1.4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu của đề tài là kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp.

- Về mặt không gian: Quá trình nghiên cứu và thực hiện tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng.

- Về mặt thời gian: Nguồn số liệu liên quan tới luận văn được thu thập từ công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng năm 2013, 2014, 2015.

- Về nội dung: Nghiên cứu kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Thương mại và Sản xuất An Hưng dưới góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị.

1.5. Phương pháp nghiên cứu

- **Nguồn dữ liệu:** Sơ cấp và thứ cấp

Dữ liệu sơ cấp: Trong quá trình tìm hiểu thực tế tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng tác giả đã trực tiếp quan sát đồng thời học hỏi quy trình làm việc, cách quản lý, hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm về công tác luân chuyển, xử lý chứng từ tại phòng kế toán của công ty. Để đánh giá thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty và đưa ra các kiến nghị, đề xuất những giải pháp giúp công ty hoàn thiện hơn trong công tác kế toán.

Dữ liệu thứ cấp: Để thực hiện nghiên cứu đề tài tôi đã tìm hiểu thông tin của công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng qua thực tế và trang web của công ty: www.quatcongnghiepanhung.com. Tôi đã thu thập được thông tin tổng quát về quá trình hình thành và phát triển, cơ cấu tổ chức quản lý, bộ máy kế toán và chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận trong công ty

- Phương pháp thu thập dữ liệu

Tài liệu lý thuyết:

Trong quá trình tìm hiểu thực tế tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng tác giả đã trực tiếp quan sát đồng thời học hỏi quy trình làm việc, cách hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm về công tác luân chuyển, xử lý chứng từ tại phòng kế toán của công ty.

Các tài liệu này giúp tác giả có được cơ sở lý luận về công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của công ty.

Tài liệu thực tế:

Nguồn tài liệu của công ty rất đa dạng, đề tài nghiên cứu sử dụng các chứng từ gồm phiếu xuất kho, hóa đơn GTGT, .. các loại sổ cái và sổ chi tiết các tài khoản chi phí và thành phẩm. Phương pháp này cho các kết quả chính xác và đầy đủ về thông tin số liệu của công ty.

- Phương pháp xử lý dữ liệu

Sau khi đã thu thập được các thông tin qua các kênh phỏng vấn, khảo sát, sưu tầm tài liệu trên các sách, báo, web,... Các thông tin sẽ được phân loại và sắp xếp một cách có hệ thống. Những thông tin sau khi đã được lựa chọn, phân loại, sắp xếp là cơ sở cho việc tổng hợp, phân tích, nhận xét, đánh giá thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói chung và kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng tại Công ty và làm sáng tỏ lý luận kế toán có liên quan.

1.6. Nội dung chi tiết

Kết cấu của luận văn gồm có bốn chương:

Chương 1: Giới thiệu đề tài

Chương 2: Những vấn đề lý thuyết về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp

Chương 3: Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng.

Chương 4: Phương hướng và giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng.

CHƯƠNG 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ THUYẾT VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP

2.1. Khái quát chung về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.

2.1.1. Chi phí sản xuất và phân loại chi phí sản xuất.

2.1.1.1. Chi phí sản xuất`

Chi phí sản xuất là số tiền mà một nhà sản xuất hay doanh nghiệp phải chi ra để mua yếu tố đầu vào cần thiết cho quá trình sản xuất hàng hóa nhằm mục đích thu lợi nhuận.

Theo chuẩn mực kế toán số 02: Chi phí sản xuất được định nghĩa như sau:

Chi phí chế biến hàng tồn kho bao gồm những chi phí có liên quan trực tiếp đến sản phẩm sản xuất, như chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên vật, vật liệu, thành phẩm.

Chi phí sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp phát sinh thường xuyên trong suốt quá trình tồn tại và hoạt động của doanh nghiệp. Nhưng để phục vụ cho yêu cầu quản lý chi phí sản xuất kinh doanh phải được tập hợp theo từng thời kỳ: tháng, quý, năm.

Trên góc độ KTQT: Mục đích của kế toán quản trị chi phí là cung cấp thông tin chi phí thích hợp cho việc ra quyết định của nhà quản trị doanh nghiệp. Vì vậy đối với KTQT chi phí không chỉ đơn thuần nhận thức chi phí như KTTC, chi phí còn nhận thức theo phương diện thông tin ra quyết định: Chi phí có thể là phí tổn ước tính để thực hiện dự án, những phí tổn mất đi

khi lựa chọn, so sánh theo mục đích sử dụng, môi trường kinh doanh hơn là chú trọng vào chứng minh các chứng từ.

2.1.1.2. Phân loại chi phí sản xuất

** Phân loại chi phí SXKD theo yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh ở doanh nghiệp.*

Gồm có chi phí ban đầu và chi phí luân chuyển nội bộ:

- **Chi phí ban đầu:** Là các chi phí mà doanh nghiệp phải mua sắm, chuẩn bị từ trước để tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm:

Chi phí nguyên vật liệu: Bao gồm giá mua, chi phí mua của NVL dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ. Yếu tố này bao gồm: Chi phí NVL chính, chi phí NVL phụ, chi phí nhiên liệu, chi phí phụ tùng thay thế, chi phí NVL khác sử dụng vào sản xuất.

Chi phí nhân công: Là các khoản chi phí về tiền lương phải trả cho người lao động, các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn theo tiền lương của người lao động.

Chi phí về CCDC dùng cho sản xuất: Yếu tố này phản ánh giá trị công cụ, dụng cụ cho quá trình sản xuất sản phẩm.

Chi phí khấu hao tài sản cố định: Bao gồm khấu hao của tất cả tài sản cố định dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp.

Chi phí dịch vụ mua ngoài: Là số tiền trả cho các dịch vụ mua ngoài phục vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Chi phí khác bằng tiền: Là các khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh ngoài các yếu tố chi phí nói trên.

- **Chi phí luân chuyển nội bộ:** Là các chi phí phát sinh trong quá trình phân công và hợp tác lao động trong doanh nghiệp.

Ví dụ: Giá trị lao vụ sản xuất phụ cung cấp lẫn nhau trong các phân xưởng.

** Phân loại chi phí SXKD theo hoạt động và công dụng kinh tế*

- *Chi phí sản xuất*: Là toàn bộ hao phí về lao động sống cần thiết, lao động vật hóa và các chi phí cần thiết khác mà doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến việc chế tạo sản phẩm, lao vụ, dịch vụ trong một thời kỳ nhất định. Chi phí sản xuất bao gồm

Chi phí NVL trực tiếp: Là toàn bộ chi phí NVL được sử dụng trực tiếp cho quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm, lao vụ, dịch vụ.

Chi phí nhân công trực tiếp: Gồm tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất và các khoản tính trích theo lương của công nhân trực tiếp sản xuất.

Chi phí sản xuất chung cố định: Là những chi phí sản xuất gián tiếp thường không thay đổi theo số lượng sản phẩm sản xuất như: Chi phí khấu hao, chi phí bảo dưỡng máy móc...và chi phí quản lý hành chính ở các phân xưởng sản xuất.

Chi phí sản xuất chung biến đổi: Là những chi phí sản xuất gián tiếp thường thay đổi trực tiếp hoặc gần như trực tiếp theo số lượng sản phẩm sản xuất như chi phí nguyên liệu, vật liệu gián tiếp, chi phí nhân công gián tiếp.

Chi phí sản xuất chung bao gồm các yếu tố chi phí sản xuất: Chi phí nhân viên quản lý phân xưởng, chi phí vật liệu, chi phí CCDC, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền.

- *Chi phí ngoài sản xuất*:

Chi phí bán hàng: Là chi phí lưu thông và chi phí tiếp thị phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, lao vụ, dịch vụ. Chi phí bán

hàng gồm có chi phí quảng cáo, chi phí giao hàng, chi phí nhân viên bán hàng, hoa hồng bán hàng và chi phí khác gắn liền đến bảo quản và tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa.

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là các khoản chi phí liên quan đến việc phục vụ và quản lý sản xuất kinh doanh có tính chất chung toàn doanh nghiệp như: Chi phí nhân viên quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, khấu hao tài sản cố định phục vụ chung cho toàn doanh nghiệp, các loại thuế...

Chi phí khác: Gồm chi phí hoạt động tài chính như chi phí đầu tư tài chính, chi phí liên doanh, chi phí bất thường như chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, các khoản phạt, truy thu thuế...

** Phân loại chi phí sản xuất kinh doanh theo mối quan hệ của chi phí với các khoản mục trên báo cáo tài chính (theo mối quan hệ giữa chi phí với từng thời kỳ tính kết quả kinh doanh)*

- *Chi phí sản phẩm:* Là những chi phí gắn liền với quá trình sản xuất sản phẩm hay quá trình mua hàng hóa để bán. Đối với doanh nghiệp sản xuất chi phí sản phẩm gồm có: Chi phí NVL trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

- *Chi phí thời kỳ:* Là những chi phí để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, không tạo nên giá trị hàng tồn kho mà ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận trong kỳ phát sinh chi phí. Chi phí thời kỳ gồm có chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Chi phí thời kỳ phát sinh vào thời điểm nào được tính ngay vào kỳ đó và ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của kỳ mà chúng phát sinh và được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh.

** Phân loại chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp hạch toán quy nạp chi phí cho các đối tượng chi phí.*

- *Chi phí trực tiếp:* Là chi phí liên quan trực tiếp đến đối tượng kế

toán tập hợp chi phí như từng loại sản phẩm, công việc, hoạt động, đặt hàng...chúng ta có thể quy nạp trực tiếp cho từng đối tượng chịu chi phí.

- *Chi phí gián tiếp*: Là các loại chi phí có liên quan đến nhiều đối tượng kế toán tập hợp chi phí khác nhau nên không hạch toán trực tiếp được mà hạch toán cho từng đối tượng theo phương pháp phân bổ gián tiếp.

* *Phân loại chi phí sản xuất kinh doanh theo mối quan hệ với quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm và quá trình kinh doanh.*

- *Chi phí cơ bản*: Là các chi phí có liên quan trực tiếp đến quy trình công nghệ chế tạo sản phẩm như: chi phí NVL trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí khấu hao tài sản cố định dùng trực tiếp vào sản xuất sản phẩm.

- *Chi phí chung*: Là các chi phí liên quan đến phục vụ và quản lý sản xuất có tính chất chung như chi phí quản lý ở các phân xưởng sản xuất, chi phí quản lý doanh nghiệp.

* *Phân loại chi phí theo mối quan hệ với mức độ*

- *Biến phí*: Là những khoản mục chi phí mà mức độ lớn của nó có quan hệ tỷ lệ thuận với mức độ của hoạt động: Giá vốn hàng mua, hoa hồng bán hàng...

- *Định phí*: Là những khoản chi phí mà độ lớn của nó không biến động khi mức độ của hoạt động thay đổi: Khấu hao máy móc, chi phí thuê nhà

- *Chi phí hỗn hợp*: Là những chi phí mà bản thân nó bao gồm các yếu tố biến phí và định phí. Ở mức độ hoạt động cơ bản, chi phí hỗn hợp thể hiện đặc điểm của định phí.

* *Phân loại chi phí sản xuất theo thẩm quyền ra quyết định*

- *Chi phí kiểm soát được*: Là chi phí mà một nhà quản trị ở một cấp quản lý nào đó xác định được lượng phát sinh của nó, có thẩm quyền quyết định về sự phát sinh chi phí đó, cấp quản lý đó kiểm soát được chi phí này

- *Chi phí không kiểm soát được*: Là những chi phí mà các nhà quản trị ở một cấp quản lý nào đó không thể dự đoán chính xác sự phát sinh của nó và không có thẩm quyền quyết định với khoản chi phí đó

* Căn cứ vào việc sử dụng chi phí trong quá trình lựa chọn các phương án

- *Chi phí chênh lệch*: Là những khoản chi phí có phương án này nhưng chỉ có một phần hoặc không có phương án khác.

- *Chi phí cơ hội*: Là chi phí bị mất đi vì lựa chọn phương án và hành động này thay vì lựa chọn phương án này hay hành động khác

- *Chi phí chìm*: Là chi phí đã phát sinh, nó có trong tất cả các phương án sản xuất kinh doanh được đưa ra xem xét lựa chọn. Đây là những chi phí mà nhà quản trị phải chấp nhận không có sự lựa chọn. Bởi vậy, chi phí chìm luôn là thông tin thích hợp cho việc xem xét, lựa chọn phương án tối ưu.

2.1.2. Giá thành sản phẩm và phân loại giá thành sản phẩm

2.1.2.1. Giá thành sản phẩm

Giá thành là biểu hiện bằng tiền các chi phí tính cho một khối lượng sản phẩm nhất định đã hoàn thành.

Giá thành sản phẩm là một chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh kết quả của việc sử dụng tài sản, vật tư, lao động và tiền vốn trong quá trình sản xuất kinh doanh. Giá thành còn là căn cứ quan trọng để định giá bán và xác định hiệu quả kinh tế của hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.1.2.2. Phân loại giá thành sản phẩm

* *Phân loại theo thời điểm tính và nguồn số liệu để tính giá thành.*

- Giá thành kế hoạch: Là giá thành do bộ phận kế toán ước tính trên cơ sở chi phí sản xuất kế hoạch và sản lượng sản phẩm sản xuất kế hoạch. Giá thành kế hoạch được xác định trước khi bước vào kinh doanh trên cơ sở giá thành thực tế kỳ trước và các định mức, các dự toán chi phí của kỳ kế hoạch.

- Giá thành định mức: Là loại giá thành tính trước khi bước vào kỳ sản xuất trên cơ sở các định mức chi phí. Loại giá thành này chỉ tính chi đơn vị sản phẩm để kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các định mức chi phí.

- Giá thành thực tế: Là giá thành được xác định trên cơ sở chi phí xuất thực tế và sản lượng sản phẩm sản xuất thực tế.

Cách phân loại này giúp việc quản lý và giám sát chi phí, xác định được các nguyên nhân vượt (hụt) định mức chi phí trong thời kỳ hạch toán, để điều chỉnh định mức phù hợp.

** Phân loại theo phạm vi phát sinh chi phí.*

- *Giá thành sản xuất:* Là giá thành tính toán trên cơ sở những chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất, chế tạo sản phẩm trong phạm vi phân xưởng sản xuất.

** Theo quan điểm kế toán quản trị*

- *Giá thành sản xuất theo biến phí:* Là giá thành chỉ bao gồm các biến phí sản xuất.

$$Z_{bp} = B_p \times Q$$

Trong đó: B_p : biến phí một đơn vị sản phẩm

Q : Sản lượng sản phẩm tiêu thụ

- *Giá thành sản xuất có phân bổ hợp lý chi phí cố định:* Là giá thành sản xuất theo biến phí có phân bổ chi phí hợp lý chi phí cố định trên cơ sở

mức hoạt động thực tế so với mức hoạt động chuẩn.

$$Z_{ht} = \mathbf{Bp} \times \mathbf{Q} + \mathbf{D} \times (\mathbf{n}/\mathbf{N})$$

Trong đó: N: Mức hoạt động chuẩn

n: Mức hoạt động thực tế

2.1.3. Mối quan hệ chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

Chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là 2 mặt biểu hiện của quá trình sản xuất có mối quan hệ với nhau và giống nhau về chất chúng đều là các hao phí về lao động và các khoản chi tiêu khác nhau của doanh nghiệp. Tuy vậy chúng vẫn có sự khác nhau trên các phương diện

- *Về mặt phạm vi:* Chi phí sản xuất bao gồm cả chi phí sản xuất sản phẩm và chi phí cho quản lý doanh nghiệp và tiêu thụ sản phẩm, còn giá thành sản phẩm chỉ bao gồm chi phí sản xuất ra sản phẩm (chi phí sản xuất trực tiếp và chi phí sản xuất chung).

Mặt khác chi phí sản xuất chỉ tính những những chi phí phát sinh trong mỗi kỳ nhất định (tháng, quý, năm) không tính đến chi phí liên quan đến số lượng sản phẩm đã hoàn thành hay chưa. Còn giá thành sản phẩm là giới hạn số chi phí sản xuất liên quan đến khối lượng sản phẩm dịch vụ đã hoàn thành.

- *Về mặt lượng:* Nói đến chi phí sản xuất là xét đến các hao phí trong một thời kỳ còn giá thành sản phẩm liên quan đến chi phí của cả kỳ trước chuyển sang và số chi phí này chuyển sang kỳ sau. Sự khác nhau về mặt lượng và mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm thể hiện ở công thức tính giá thành sản phẩm tổng quát sau:

$$\begin{array}{cccc} \text{Tổng giá} & \text{Chi phí sản} & \text{Tổng chi phí sản} & \text{Chi phí sản} \\ \text{thành sản} & = \text{ xuất dở dang} & + \text{ xuất phát sinh trong} & - \text{ xuất dở dang} \\ \text{phẩm} & \text{đầu kỳ} & \text{kỳ} & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Như vậy, chi phí sản xuất là cơ sở để xác định giá thành sản phẩm còn giá thành là cơ sở để xác định giá bán. Trong điều kiện nếu giá bán không thay đổi thì sự tiết kiệm hoặc lãng phí của doanh nghiệp về chi phí sản xuất có ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành thấp hoặc cao từ đó sẽ tác động tới lợi nhuận. Do đó tiết kiệm chi phí, hạ thấp giá thành là nhiệm vụ quan trọng và thường xuyên của công tác quản lý kinh tế. Nó giúp cho doanh nghiệp cạnh tranh có hiệu quả trên thị trường.

3.1.4. Yêu cầu, nhiệm vụ và vai trò của kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

** Yêu cầu của kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm*

- Phải quản lý chặt chẽ chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm:

Chú trọng áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật tiên bộ, công nghệ mới với vào sản xuất.

Quản lý sử dụng người lao động có hiệu quả, khuyến khích động viên người lao động

Tổ chức quản lý bố trí các khâu sản xuất hợp lý

Quản lý việc sử dụng chi phí hợp lý

** Vai trò và nhiệm vụ của kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.*

- Trước hết cần nhận thức đúng đắn vị trí vai trò của kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm trong toàn bộ hệ thống kế toán doanh nghiệp, mối quan hệ với các bộ phận kế toán có liên quan, trong đó kế toán các yếu

tổ chi phí là tiền đề cho kế toán chi phí và tính giá thành.

- Căn cứ đặc điểm tổ chức kinh doanh, quy trình công nghệ sản xuất, loại hình sản xuất, đặc điểm của sản phẩm. Khả năng hạch toán và yêu cầu quản lý cụ thể của doanh nghiệp để lựa chọn, xác định đúng đắn đối tượng kế toán chi phí sản xuất, phương pháp tập hợp chi phí sản xuất theo các phương án phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp.

- Căn cứ và đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, đặc điểm của sản phẩm, khả năng và yêu cầu quản lý cụ thể của doanh nghiệp để xác định đối tượng tính giá thành cho phù hợp.

- Tổ chức bộ máy kế toán một cách khoa học, hợp lý trên cơ sở phân công rõ trách nhiệm từng nhân viên, từng bộ phận kế toán các yếu tố chi phí.

- Thực hiện tổ chức chứng từ, hạch toán ban đầu, hệ thống tài khoản, sổ kế toán phù hợp với các nguyên tắc chuẩn mực, chế độ kế toán đảm bảo đáp ứng được yêu cầu thu nhận – xử lý – hệ thống hóa thông tin về chi phí giá thành của doanh nghiệp.

- Thường xuyên kiểm tra thông tin về kế toán chi phí, giá thành sản phẩm của các bộ phận kế toán liên quan, bộ phận kế toán chi phí và giá thành sản phẩm.

- Tổ chức lập và phân tích báo cáo về chi phí, giá thành sản phẩm, cung cấp thông tin cần thiết về chi phí, giá thành sản phẩm giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp ra được các quyết định một cách nhanh chóng, phù hợp với quá trình sản xuất tiêu thụ sản phẩm.

2.2. Những quy định trong chuẩn mực kế toán chi phối đến kế toán chi phí và tính giá thành sản xuất

2.2.1. Chuẩn mực kế toán số 01 (VAS 01) Chuẩn mực chung

Việc hạch toán chi phí phải tuân thủ các nguyên tắc quy định như sau:

Việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải phù hợp với nhau. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng với doanh thu gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Chi phí gồm các chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp và các chi phí khác.

Như vậy chuẩn mực đã quy định rõ ràng về các yếu tố chi phí. Và với nghị định 164/2003/TT-BTC quy định chi tiết thi hành luật thuế Thu nhập doanh nghiệp và thông tư 128/2003/TT-BTC hướng dẫn thi hành nghị định 164/2003-NĐ-CP đã cụ thể hóa nguyên tắc chi phí phải phù hợp với doanh thu. Theo đó thì chỉ có các khoản chi phí sản xuất cụ thể bao gồm:

Chi phí khấu hao TSCĐ sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ với mức trích khấu hao được tính vào chi phí hợp lý theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài Chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Chi phí nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hóa sử dụng vào sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ liên quan đến doanh thu và thu nhập chịu thuế trong kỳ tính theo định mức tiêu hao vật tư hợp lý và giá thực tế xuất kho. Theo chuẩn mực kế toán số 02 “Hàng tồn kho”: Khi bán hàng tồn kho, giá gốc của hàng tồn kho đã bán được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ phù hợp với doanh thu liên quan đến chúng được ghi nhận.

Chi phí tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp: tiền ăn ca giữa ca theo quy định của Bộ luật lao động.

Chi phí dịch vụ mua ngoài: Điện nước, điện thoại, tiền thuê thiết kế.

Các khoản chi phí sản xuất ngoài định mức tiêu hao hợp lý không được tính vào chi phí sản xuất để tính giá thành sản phẩm.

Nguyên tắc thận trọng:

Thận trọng là việc xem xét, cân nhắc, phán đoán cần thiết để lập các ước tính kế toán trong điều kiện không chắc chắn. Nguyên tắc thận trọng đòi hỏi:

Phải lập các khoản dự phòng nhưng không lập quá lớn.

Không đánh giá cao hơn giá trị của các tài sản và các khoản thu nhập.

Không đánh giá thấp hơn giá trị của các khoản nợ phải trả và chi phí.

Chi phí phải được ghi nhận khi có bằng chứng về khả năng phát sinh chi phí.

Các khoản chi phí được ghi nhận ngay tại thời điểm phát sinh chi phí. Khi xuất kho nguyên vật liệu, hàng hóa cho sản xuất sản phẩm được ghi nhận vào các tài khoản liên quan cho từng đối tượng cụ thể sử dụng chi phí.

2.2.2. Chuẩn mực kế toán số 02 (VAS 02) Kế toán hàng tồn kho

Chi phí chế biến hàng tồn kho bao gồm những chi phí có liên quan trực tiếp đến sản phẩm sản xuất, như chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu, vật liệu thành thành phẩm.

Chi phí sản xuất chung cố định là những chi phí sản xuất gián tiếp, thường không thay đổi theo số lượng sản phẩm sản xuất như chi phí khấu hao, chi phí bảo dưỡng máy móc thiết bị, nhà xưởng, và chi phí quản lý hành chính ở các phân xưởng sản xuất.

Chi phí sản xuất chung biến đổi là những chi phí sản xuất gián tiếp, thường thay đổi trực tiếp hoặc gần như trực tiếp theo số lượng sản phẩm sản

xuất, như chi phí nguyên liệu, vật liệu gián tiếp, chi phí nhân công gián tiếp.

Chi phí sản xuất chung cố định phân bổ vào chi phí chế biến cho mỗi đơn vị sản phẩm được dựa trên công suất bình thường của máy móc sản xuất.. Công suất bình thường là số lượng sản phẩm đạt được ở mức trung bình trong các điều kiện sản xuất bình thường.

Chi phí sản xuất chung biến đổi được phân bổ hết vào chi phí chế biến cho mỗi đơn vị sản phẩm theo chi phí thực tế phát sinh.

Trường hợp một quy trình sản xuất ra nhiều loại sản phẩm trong cùng một khoảng thời gian mà chi phí chế biến của mỗi loại sản phẩm không được phản ánh một cách tách biệt, thì chi phí chế biến được phân bổ cho các loại sản phẩm theo tiêu thức phù hợp và nhất quán giữa các kỳ kế toán.

Trường hợp có sản phẩm phụ, thì giá trị sản phẩm phụ được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được và giá trị này được trừ (-) khỏi chi phí chế biến đã tập hợp chung cho sản phẩm chính.

Xác định giá thành sản xuất sản phẩm:

Giá thành sản xuất sản phẩm bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến quá trình sản xuất ra sản phẩm như: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu thành thành phẩm.

Chi phí NVLTT sản xuất sản phẩm bao gồm các chi phí NVL xuất kho và chi phí NVL mua ngoài phục vụ cho sản xuất sản phẩm. Chi phí NVL xuất kho chịu sự chi phối bởi phương pháp tính giá trị xuất kho NVL sản phẩm cụ thể mỗi đơn vị áp dụng phân bổ chi phí sản xuất.

Phương pháp trực tiếp: Phương pháp này áp dụng đối với chi phí sản xuất có liên quan trực tiếp đến từng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất chi

phí riêng biệt.

Kế toán ghi chép ban đầu theo đối tượng từ đó tập hợp số liệu từ các chứng từ kế toán theo từng đối tượng và ghi trực tiếp vào các tài khoản chi tiết theo đối tượng.

Phương pháp phân bổ gián tiếp: Phương pháp này áp dụng đối với chi phí sản xuất có liên quan tới nhiều đối tượng tập hợp chi phí sản xuất không tổ chức ghi chép ban đầu riêng theo từng đối tượng tập hợp chi phí.

2.2.3. Chuẩn mực kế toán số 03 (VAS 03) Tài sản cố định

Các tài sản được ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả ba tiêu chuẩn sau:

Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó.

Thời gian sử dụng ước tính trên một năm.

Nguyên giá TSCĐ phải được xác định một cách đáng tin cậy và có giá trị từ 30 triệu đồng trở lên.

TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp gồm: Nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị. Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn. Thiết bị dụng cụ quản lý. Vườn cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm. TSCĐ hữu hình khác. Giá trị khấu hao của TSCĐ hữu hình được phân bổ một cách có hệ thống trong thời gian sử dụng hữu ích của chúng. Phương pháp khấu hao phải phù hợp với lợi ích kinh tế mà tài sản đem lại cho doanh nghiệp.

Các TSCĐ hữu hình dùng vào sản xuất sản phẩm như trang thiết bị, máy móc nhà xưởng Chi phí khấu hao TSCĐ được tính vào chi phí sản xuất chung, nó là một bộ phận cấu thành nên giá thành sản phẩm sản xuất trong

kỳ.

Thời gian sử dụng hữu ích của TSCĐ hữu hình là do doanh nghiệp xác định chủ yếu dựa trên mức độ sử dụng ước tính của tài sản. Tuy nhiên do chính sách quản lý tài sản của doanh nghiệp mà thời gian sử dụng hữu ích của tài sản có thể ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó. Vì vậy, việc ước tính thời gian sử dụng hữu ích của một TSCĐ hữu hình còn phải dựa trên kinh nghiệm của doanh nghiệp đối với các tài sản cùng loại.

Chi phí khấu hao TSCĐ phụ thuộc vào từng phương pháp tính khấu hao cụ thể do đơn vị áp dụng, có ba phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình gồm:

Phương pháp khấu hao theo đường thẳng: Số khấu hao hàng năm không thay đổi trong suốt thời gian sử dụng hữu ích của tài sản

Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần: Số khấu hao hàng năm giảm dần trong suốt thời gian sử dụng hữu ích của tài sản

Phương pháp khấu hao theo số lượng sản phẩm: dựa trên tổng số đơn vị sản phẩm ước tính tài sản có thể tạo ra

Phương pháp khấu hao do doanh nghiệp xác định để áp dụng cho từng TSCĐ hữu hình phải được thực hiện nhất quán, trừ khi có sự thay đổi trong cách thức sử dụng tài sản đó.

Doanh nghiệp không được tiếp tục tính khấu hao đối với những TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

2.3. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm và kỳ tính giá thành sản phẩm.

2.3.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất

Để xác định đúng đắn đối tượng kế toán tập hợp chi phí cần căn cứ vào vào đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, quản lý sản xuất kinh doanh quy trình công nghệ sản xuất, loại hình sản xuất sản phẩm, khả năng, trình độ và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Từ những căn cứ nói trên, đối tượng tập hợp chi phí sản xuất có thể là: Từng phân xưởng, bộ phận, đội sản xuất hoặc toàn doanh nghiệp, từng giai đoạn công nghệ hoặc toàn bộ quy trình công nghệ, từng sản phẩm, đơn đặt hàng, từng nhóm sản phẩm hoặc bộ phận, chi tiết sản phẩm.

Tập hợp chi phí sản xuất theo đúng đối tượng qui định có tác dụng phục lý sản xuất, hạch toán kinh tế nội bộ và giá thành sản phẩm kịp thời chính xác.

2.3.2. Đối tượng tính giá thành sản phẩm

Việc xác định đối tượng tính giá thành cũng cần phải căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất, quản lý sản xuất, quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm, khả năng yêu cầu quản lý cũng như tính chất của từng loại sản phẩm cụ thể.

Do đó đối tượng tính giá thành cụ thể trong các doanh nghiệp là:

- Từng sản phẩm, công việc, đơn đặt hàng đã hoàn thành.
- Từng chi tiết, bộ phận sản phẩm.

Đối tượng tính giá thành là căn cứ để kế toán tổ chức các bảng tính giá thành sản phẩm lựa chọn phương pháp tính giá thành thích hợp, tổ chức công nghệ tính giá thành hợp lý, phục vụ việc kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch giá thành.

2.3.3. Kỳ tính giá thành sản phẩm

Kỳ tính giá thành sản phẩm là thời kỳ bộ phận kế toán giá thành cần tiến hành công việc tính giá thành cho các đối tượng tính giá thành.

Xác định kỳ tính giá thành thích hợp sẽ giúp cho việc tổ chức công tác tính giá thành sản phẩm theo khoa học, hợp lý, đảm bảo cung cấp số liệu về giá thành sản phẩm kịp thời, trung thực.

Trên cơ sở đặc điểm tổ chức sản xuất sản phẩm, chu kỳ sản xuất sản phẩm của doanh nghiệp mà có thể áp dụng 1 trong 3 trường hợp sau:

- Trường hợp tổ chức sản xuất nhiều, chu kỳ sản xuất ngắn và xen kẽ liên tục thì kỳ tính giá thành là hàng tháng.
- Trường hợp sản xuất mang tính chất thời vụ (sản xuất nông nghiệp), chu kỳ sản xuất dài thì kỳ tính giá thành là hàng năm hay kết thúc mùa vụ.
- Trường hợp tổ chức sản xuất đơn chiếc hoặc hàng loạt theo đơn đặt hàng, chu kỳ sản xuất dài, sản phẩm hoặc hàng loạt sản phẩm chỉ hoàn thành khi kết thúc chu kỳ sản xuất thì kỳ tính giá thành thích hợp là thời điểm mà sản phẩm và hàng loạt sản phẩm đã hoàn thành.

2.4. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất

2.4.1. Phương pháp tập hợp trực tiếp

Phương pháp này áp dụng trong trường hợp chi phí sản xuất phát sinh có liên quan trực tiếp đến từng đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất riêng biệt, do đó có thể căn cứ vào chứng từ ban đầu này, chi phí sản xuất phát sinh được tính trực tiếp cho từng đối tượng chịu chi phí nên đảm bảo độ chính xác cao, vì vậy cần sử dụng tối đa phương pháp này trong điều kiện cho phép.

2.4.2. Phương pháp phân bổ gián tiếp

Phương pháp này áp dụng trong trường hợp chi phí sản xuất phát sinh

có liên quan đến nhiều đối tượng kế toán tập hợp chi phí, không hạch toán trực tiếp cho từng đối tượng. Các chi phí này trước hết tập hợp chung, sau đó lựa chọn tiêu chuẩn phân bổ thích hợp để phân bổ khoản chi phí này cho từng đối tượng chịu chi phí. Việc phân bổ phải tiến hành theo trình tự.

- Xác định hệ số phân bổ:

Hệ số phân bổ = **Error!**

- Xác định mức chi phí phân bổ cho từng đối tượng:

Chi phí phân bổ
cho từng đối tượng = $\frac{\text{Tiêu chuẩn phân bổ cho từng đối tượng}}{\text{Tiêu chuẩn phân bổ cho từng đối tượng}}$ x Hệ số phân bổ

Chi phí trực tiếp không phải luôn được tập hợp trực tiếp, mà cũng có thể được phân bổ gián tiếp cho các đối tượng gián tiếp chịu chi phí. Điều quan trọng là tập hợp chi phí trực tiếp hay phân bổ gián tiếp là do mối quan hệ của các khoản chi phí phát sinh với đối tượng chịu chi phí và việc tổ chức hạch toán ban đầu quyết định

2.5. Kế toán chi phí sản xuất theo hệ thống kê khai thường xuyên

2.5.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Theo PGS.TS. Nghiêm Văn Lợi (2007), *Giáo trình Kế toán Tài Chính*, NXB Tài chính, Hà Nội.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là toàn bộ chi phí về NVL chính, vật liệu phụ, nhiên liệu, nửa thành phẩm mua ngoài...được sử dụng trực tiếp cho việc chế tạo sản phẩm hoặc thực hiện lao vụ dịch vụ

Phương pháp kế toán

Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014

- *Tài khoản sử dụng:*

Kế toán sử dụng TK 621 “Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp” dùng để phản ánh chi phí NVL sử dụng trực tiếp hoạt động sản xuất sản phẩm, thực hiện dịch vụ của các ngành công nghiệp, xây lắp, nông, lâm, ngư nghiệp, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, kinh doanh khách sạn, du lịch, dịch vụ khác.

- Nguyên tắc kế toán:

Chỉ hạch toán vào TK 621 những chi phí NL, VL được sử dụng trực tiếp để sản xuất sản phẩm, thực hiện dịch vụ trong kỳ sản xuất chi phí nguyên liệu, vật liệu phải tính theo giá thực tế khi xuất sử dụng.

Trong kỳ kế toán thực hiện việc ghi chép, tập hợp chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp vào bên Nợ tài khoản 621 “Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp” theo từng đối tượng sử dụng trực tiếp các nguyên liệu, vật liệu này (nếu khi xuất nguyên liệu, vật liệu cho quá trình sản xuất sản phẩm, thực hiện dịch vụ, xác định được cụ thể, rõ ràng cho từng đối tượng sử dụng); hoặc tập hợp chung cho quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm, thực hiện dịch vụ (nếu khi xuất sử dụng nguyên liệu, vật liệu cho quá trình sản xuất sản phẩm, dịch vụ không thể xác định cụ thể, rõ ràng cho từng đối tượng sử dụng).

Cuối kỳ kế toán, thực hiện kết chuyển (nếu nguyên liệu, vật liệu đã được tập hợp riêng biệt cho đối tượng sử dụng), hoặc tiến hành tính phân bổ và kết chuyển chi phí nguyên liệu, vật liệu (Nếu không tập hợp riêng biệt cho từng đối tượng sử dụng) vào tài khoản 154 phục vụ cho việc tính giá thành thực tế của sản phẩm, dịch vụ trong kỳ kế toán. Khi tiến hành phân bổ trị giá nguyên liệu, vật liệu vào giá thành sản phẩm, doanh nghiệp phải sử dụng các tiêu thức phân bổ hợp lý như tỷ lệ theo định mức sử dụng,...

Khi mua nguyên liệu, vật liệu, nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ thì trị giá nguyên liệu, vật liệu sẽ không bao gồm thuế GTGT. Nếu thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì trị giá nguyên liệu, vật liệu bao gồm cả thuế GTGT.

Phần chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp vượt trên mức bình thường không được tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ mà phải kết chuyển ngay vào TK 632 “Giá vốn hàng bán”.

- *Chứng từ kế toán sử dụng:*

Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp căn cứ vào phiếu xuất kho, các chứng từ có liên quan để xác định giá thực tế xuất kho theo phương pháp thích hợp mà đơn vị lựa chọn của sổ NVL dùng cho sản xuất chế tạo sản phẩm.

- *Sơ đồ hạch toán*

Trình tự hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (**Phụ lục 01**)

2.5.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp là những khoản tiền phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm hoặc trực tiếp thực hiện các hoạt động lao vụ dịch vụ bao gồm: Tiền lương chính, tiền lương phụ và các khoản phụ cấp có tính chất lương (phụ cấp khu vực, độc hại, phụ cấp làm thêm giờ, làm đêm...), các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của công nhân sản xuất.

Phương pháp kế toán

- *Tài khoản sử dụng:*

Kế toán sử dụng TK 622 “Chi phí nhân công trực tiếp” dùng để phản ánh chi phí nhân công trực tiếp tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh trong các ngành công nghiệp, xây lắp, nông lâm, ngư nghiệp, dịch vụ (giao

thông vận tải, bưu chính viễn thông, du lịch khách sạn, tư vấn).

- *Nguyên tắc kế toán:*

Không hạch toán vào tài khoản này những khoản phải trả về tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp... cho nhân viên phân xưởng, nhân viên quản lý, nhân viên của bộ máy quản lý doanh nghiệp, nhân viên bán hàng.

Tài khoản 622 phải mở chi tiết theo đối tượng tập hợp chi phí sản xuất, kinh doanh.

Phần chi phí nhân công trực tiếp vượt trên mức bình thường không được tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ mà phải kết chuyển ngay vào TK 632 “Giá vốn hàng bán”.

- *Chứng từ kế toán sử dụng:*

Chi phí tiền lương được xác định cụ thể tùy thuộc hình thức tiền lương sản phẩm hay lương thời gian mà doanh nghiệp áp dụng. Số tiền lương phải trả cho công nhân sản xuất cũng như các đối tượng lao động khác thể hiện trên bảng tính lương và thanh toán tiền lương, được tổng hợp phân bổ cho các đối tượng kế toán chi phí sản xuất trên bảng phân bổ tiền lương do kế toán theo dõi tiền lương thực hiện.

- *Sơ đồ hạch toán*

Trình tự hạch toán chi phí nhân công trực tiếp (**Phụ lục 02**)

2.5.3. Kế toán chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung là những khoản chi phí cần thiết khác (ngoài chi phí NVL trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp) phục vụ cho quá trình sản xuất sản phẩm, chi phí sản xuất chung bao gồm:

- Chi phí nhân viên phân xưởng: Phản ánh chi phí liên quan phải trả

cho nhân viên phân xưởng, bao gồm: chi phí tiền lương, tiền công, các khoản trích bảo hiểm xã hội, y tế, kinh phí công đoàn tính cho nhân viên phân xưởng như quản đốc phân xưởng, thủ kho phân xưởng, nhân viên kinh tế...

- Chi phí vật liệu: Phản ánh chi phí vật liệu dùng cho phân xưởng như vật liệu dùng cho sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ thuộc phân xưởng quản lý, sử dụng vật liệu dùng cho văn phòng phân xưởng.

- Chi phí dụng cụ sản xuất: Phản ánh chi phí về công cụ, dụng cụ sản xuất dùng cho phân xưởng sản xuất như mẫu đúc, dụng cụ cầm tay...

- Chi phí khấu hao tài sản cố định: khấu hao máy móc, thiết bị khấu hao của nhà xưởng, phương tiện vận tải...

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Chi phí điện, nước, điện thoại, chi phí sửa chữa tài sản cố định...

- Chi phí khác bằng tiền

Chi phí sản xuất chung còn phải được tổng hợp theo chi phí cố định và chi phí biến đổi

- Chi phí sản xuất chung cố định: Được phân bổ vào chi phí chế biến của mỗi đơn vị sản phẩm dựa trên công suất bình thường của máy móc sản xuất. Trường hợp mức sản phẩm thực tế sản xuất cao hơn công suất bình thường thì chi phí sản xuất chung cố định phân bổ theo chi phí thực tế phát sinh, và ngược lại thì phần chi phí sản xuất chung không được phân bổ mà được ghi nhận là giá vốn hàng bán trong kỳ.

- Chi phí sản xuất chung biến đổi: Là chi phí sản xuất gián tiếp thường thay đổi trực tiếp theo số lượng sản phẩm sản xuất ra như chi phí NVL, chi phí nhân công gián tiếp... Khi phát sinh chi phí sản xuất chung biến đổi được tính hết vào giá thành sản phẩm (được kết chuyển hết vào TK 154)

Phương pháp kế toán

- Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng TK 627 “Chi phí sản xuất chung” dùng để phản ánh chi phí phục vụ sản xuất, kinh doanh chung phát sinh ở phân xưởng, bộ phận, đội, công trường,... phục vụ sản xuất sản phẩm, thực hiện dịch vụ. Tài khoản này được mở chi tiết theo từng phân xưởng, bộ phận, tổ, đội sản xuất.

- Chứng từ kế toán sử dụng:

Hóa đơn GTGT dịch vụ mua vào, Phiếu chi, bảng tính lương và trích lương, bảng tính khấu hao Tài sản cố định....

- Sơ đồ hạch toán

Chi phí sản xuất chung thường được hạch toán riêng theo từng địa điểm phát sinh chi phí sau đó mới phân bổ cho các đối tượng chịu chi phí theo các tiêu chuẩn hợp lý như: định mức chi phí sản xuất chung, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp....

Trình tự hạch toán chi phí sản xuất chung (**Phụ lục 03**)

2.5.4. Kế toán chi phí sản xuất, kiểm kê và đánh giá SPDD

2.5.4.1. Kế toán chi phí sản xuất

Phương pháp kế toán

- Tài khoản sử dụng

TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” để tổng hợp chi phí sản xuất phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm, lao vụ.

- Sơ đồ hạch toán

Trình tự hạch toán chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (**Phụ lục 04**)

2.5.4.2. Kiểm kê và đánh giá sản phẩm dở dang

Trong các doanh nghiệp sản xuất do quá trình công nghệ sản xuất liên tục và xen kẽ lẫn nhau nên ở thời điểm cuối kỳ thường có sản phẩm sản xuất dở dang.

Sản phẩm dở dang là khối lượng sản phẩm, công việc còn đang trong quá trình sản xuất, chế biến, đang nằm trên dây chuyền công nghệ hoặc chưa đến kỳ thu hoạch.

Như vậy, chi phí sản xuất đã tập hợp trong kỳ không chỉ liên quan đến những sản phẩm, công việc đã hoàn thành trong kỳ mà còn liên quan đến sản phẩm dở dang cuối kỳ.

Để tính chính xác giá thành sản phẩm, một trong những điều kiện quan trọng là phải đánh giá chính xác sản phẩm dở dang cuối kỳ. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ là tính toán xác định phần chi phí sản xuất mà sản phẩm dở dang cuối kỳ phải chịu. Để đánh giá sản phẩm dở dang cần kiểm kê xác định chính xác khối lượng sản phẩm dở dang thực hiện có tại một thời điểm, thời gian thống nhất trong doanh nghiệp. Có như vậy số liệu mới không bị trùng và sót. Mặt khác doanh nghiệp phải xác định được mức độ chế biến hoàn thành của sản phẩm dở dang.

Tùy thuộc vào đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, tỷ trọng của các chi phí tham gia vào quá trình sản xuất sản phẩm, yêu cầu trình độ quản lý của doanh nghiệp mà kế toán có thể áp dụng một trong các phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang sau:

Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp hoặc chi phí nguyên vật liệu chính

Theo phương pháp này toàn bộ chi phí khác để chế biến được tính hết cho thành phẩm, nên trong sản phẩm dở dang chỉ bao gồm giá trị nguyên vật

liệu chính hoặc nguyên vật liệu trực tiếp.

$$\frac{\text{Chi phí NVL chính phân bổ cho SPDD cuối kỳ}}{\text{Chi phí NVL chính của SPDD đầu kỳ} + \text{Chi phí NVL chính phát sinh trong kỳ}} = \frac{\text{Chi phí NVL chính của SPDD đầu kỳ} + \text{Chi phí NVL chính phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng thành phẩm} + \text{Số lượng SPDD cuối kỳ}} \times \text{Số lượng SPDD cuối kỳ}$$

Trường hợp doanh nghiệp có quy trình công nghệ sản xuất phức tạp kiểu liên tục gồm nhiều giai đoạn công nghệ kế tiếp nhau thì sản phẩm dở dang ở giai đoạn công nghệ sau được đánh giá theo chi phí nửa thành phẩm của giai đoạn công nghệ trước đó.

Phương pháp này áp dụng cho doanh nghiệp sản xuất có chi phí NVL chính (NVL trực tiếp) chiếm tỉ trọng lớn trong giá thành sản phẩm. Phương pháp này có ưu điểm là đơn giản, dễ tính toán, xác định chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ được kịp thời phục vụ cho việc tính giá thành nhanh chóng. Tuy nhiên kết quả đánh giá sản phẩm dở dang có mức độ chính xác thấp do không tính chi phí chế biến cho sản phẩm dở dang, nên giá thành của thành phẩm cũng kém chính xác.

Trường hợp doanh nghiệp chỉ xác định sản phẩm làm dở cuối kỳ theo chi phí NVL chính thì cần tổ chức kế toán chi tiết khoản mục chi phí NVL trực tiếp thành chi phí NVL chính và các chi phí vật liệu trực tiếp khác.

Đánh giá sản phẩm làm dở theo sản lượng sản phẩm hoàn thành tương đương.

Theo phương pháp này sản phẩm dở dang cuối kỳ phải chịu toàn bộ chi phí sản xuất trong kỳ theo mức độ hoàn thành.

Phương pháp tính như sau:

- Đối với những chi phí bỏ vào một lần ngay từ đầu quá trình sản xuất

như nguyên vật liệu trực tiếp, nguyên vật liệu chính:

$$\text{Chi phí của sản phẩm dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Chi phí của sản phẩm dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí phát sinh trong kỳ}}{\text{Khối lượng sản phẩm thành phẩm} + \text{Khối lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}} \times \text{Khối lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}$$

- Đối với những chi phí bỏ dần trong quá trình sản xuất như chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung thì tính chi sản phẩm dở dang cuối kỳ theo mức độ hoàn thành.

$$\text{Chi phí của sản phẩm dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Chi phí của sản phẩm dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí phát sinh trong kỳ}}{\text{Khối lượng sản phẩm thành phẩm} + \text{Khối lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ tương đương sản phẩm hoàn thành}} \times \text{Khối lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ tương đương sản phẩm hoàn thành}$$

Trong đó:

$$\text{Khối lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ tương đương sản phẩm hoàn thành} = \frac{\text{Khối lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}}{\text{Khối lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}} \times \text{Tỷ lệ chế biến đã hoàn thành}$$

Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo khối lượng sản phẩm hoàn thành tương đương có ưu điểm kết quả chính xác nhưng khối lượng tính toán nhiều. Do vậy phương pháp này thích hợp với những doanh nghiệp có chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chiếm tỷ trọng không lớn lắm trong toàn bộ chi

phí sản xuất.

Đánh giá sản phẩm làm dở cuối kỳ theo chi phí sản xuất định mức

Theo phương pháp này kế toán căn cứ vào khối lượng sản phẩm dở dang và chi phí sản xuất định mức cho một đơn vị sản phẩm ở từng phân xưởng, giai đoạn để tính ra chi phí của sản phẩm dở dang cuối kỳ.

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sản} \\ \text{xuất làm dở} \\ \text{cuối kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất định} \\ \text{mức ở từng công đoạn} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm làm} \\ \text{dở ở công đoạn đó} \end{array}$$

Phương pháp này chỉ thích hợp với các doanh nghiệp hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo phương pháp định mức. Kết quả tính toán nhanh chóng, nhưng mức độ chính xác không cao vì chi phí thực tế thường không đúng như chi phí định mức.

2.6. Kế toán chi phí sản xuất theo hệ thống kiểm kê định kỳ

2.6.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Phương pháp kế toán

Do đặc điểm của phương pháp kiểm kê định kỳ nên chi phí vật liệu xuất dùng khó phân định được cho sản xuất, quản lý hay phục vụ bán hàng. Do vậy để phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm, lao vụ, ... kế toán cần theo dõi chi tiết chi phí vật liệu phát sinh liên quan đến từng đối tượng cụ thể như thế nào. Các chi phí nguyên vật liệu xuất dùng không ghi theo từng chứng từ xuất mà được ghi một lần vào cuối kỳ hạch toán sau khi tiến hành kiểm kê xác định giá trị vật liệu tồn kho, trên cơ sở vật liệu tồn kho đầu kỳ và nhập trong kỳ để tính.

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá vật liệu} \\ \text{xuất dùng} \\ \text{trong kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Trị giá vật} \\ \text{liệu tồn kho} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá vật liệu} \\ \text{nhập kho} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Trị giá vật liệu} \\ \text{xuất dùng} \\ \text{trong kỳ} \end{array}$$

- Tài khoản sử dụng

TK 621 “Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”

- Sơ đồ hạch toán

Trình tự hạch toán chi phí nguyên vật liệu (**phụ lục 05**)

2.6.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Phương pháp kế toán

Kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp theo phương pháp kiểm kê định kỳ tương tự với phương pháp kê khai thường xuyên. Nhưng cuối kỳ, kế toán kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vào tài khoản tính giá thành 631.

- Tài khoản sử dụng

TK 622 “ Chi phí nhân công trực tiếp sản xuất”

- Sơ đồ hạch toán

Trình tự hạch toán chi phí nhân công trực tiếp sản xuất (**phụ lục 06**)

2.6.3. Kế toán chi phí sản xuất chung

Quá trình tổng hợp giống với phương pháp kê khai thường xuyên. Sau đó được phân bổ và kết chuyển vào TK 631 theo chi tiết từng đối tượng để tính giá thành

2.6.4. Kế toán chi phí sản xuất

Phương pháp kế toán

-Tài khoản sử dụng

TK 631 “Giá thành sản xuất” để phản ánh tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Nội dung kế toán chi phí sản xuất: Sau khi xác định được đối tượng tập hợp chi phí thì kế toán căn cứ vào chứng từ tiến hành tập hợp chi

phí sản xuất cho từng đối tượng tập hợp chi phí

Ngoài ra kế toán còn sử dụng tài khoản 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang để phản ánh giá trị thực tế của sản phẩm, lao vụ dở dang cuối kỳ. Và một số Tk như sau: TK 152, TK 153, TK 111, TK 334, TK 338...

- Trình tự hạch toán giá thành sản xuất (**Phụ lục 07**)

2.7. Phương pháp tính giá thành sản phẩm

2.7.1. Tính giá thành theo phương pháp giản đơn

Phương pháp này thích hợp với các doanh nghiệp có quy trình công nghệ sản xuất giản đơn, khép kín từ khi đưa NVL vào sản xuất cho tới khi sản phẩm hoàn thành, mặt hàng sản phẩm ít, khối lượng lớn, chu kỳ sản xuất ngắn, đối tượng tập hợp chi phí phù hợp với đối tượng tính giá thành, kỳ tính giá thành phù hợp với kỳ báo cáo.

Cuối kỳ (cuối tháng) kế toán tổ chức kiểm kê, đánh giá xác định chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ sau đó tính giá thành thực tế của sản phẩm đã sản xuất theo công thức:

$$Z = Dđk + C - Dck$$

$$z = \text{Error!}$$

Trong đó:

Z: Tổng giá thành sản phẩm đã sản xuất

Dđk: Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ

Dck: Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ

C: Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ

z: Giá thành đơn vị sản phẩm

Q: Tổng số lượng sản phẩm

2.7.2. Tính giá thành theo phương pháp hệ số

Phương pháp này áp dụng trong trường hợp cùng một quy trình công nghệ sản xuất với cùng một loại NVL tiêu hao thu được nhiều loại sản phẩm khác nhau và chi phí không xác định riêng cho từng loại sản phẩm được.

Để tính giá thành phải căn cứ vào hệ số tính giá thành quy định cho từng loại sản phẩm, từ đó quy về một loại sản phẩm gốc để tính giá thành. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là toàn bộ quy trình công nghệ sản xuất, còn đối tượng tính giá thành là từng loại sản phẩm, trình tự tính giá được thực hiện như sau:

Bước 1: Xác định tổng giá thành của cả nhóm sản phẩm bằng phương pháp giản đơn.

Bước 2: Quy đổi số lượng sản phẩm từng loại trong nhóm thành sản phẩm tiêu chuẩn theo hệ số quy định.

$$\begin{array}{l} \text{Số lượng sản} \\ \text{phẩm} \\ \text{quy chuẩn} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm} \\ \text{mỗi thứ sản phẩm} \\ \text{trong nhóm} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Hệ số quy định cho} \\ \text{từng thứ sản phẩm} \\ \text{trong nhóm} \end{array}$$

Bước 3: Xác định giá thành đơn vị của sản phẩm tiêu chuẩn:

Giá thành đơn vị sản phẩm tiêu chuẩn = **Error!**

Bước 4: xác định giá thành đơn vị thực tế từng thứ sản phẩm trong nhóm:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành đơn vị} \\ \text{từng thứ sản} \\ \text{phẩm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thành đơn vị} \\ \text{sản phẩm tiêu} \\ \text{chuẩn} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Hệ số quy đổi của từng} \\ \text{thứ sản phẩm} \end{array}$$

2.7.3. Tính giá thành theo phương pháp tỷ lệ

Phương pháp này áp dụng trong cùng một quy trình công nghệ sản xuất thu được một nhóm sản phẩm với chủng loại, phẩm cấp, quy cách khác

nhau. Trong trường hợp này đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là nhóm sản phẩm còn đối tượng tính giá thành là từng qui cách sản phẩm trong nhóm sản phẩm đó.

Trình tự tính giá thành sản phẩm:

- Chọn tiêu chuẩn phân bổ giá thành. Tiêu chuẩn phân bổ có thể là giá thành kế hoạch hay giá thành định mức của sản phẩm tính theo sản lượng thực tế.

- Tính tổng tiêu chuẩn phân bổ:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng tiêu} \\ \text{chuẩn phân} \\ \text{bổ} \end{array} = \sum_{i=1}^n \begin{array}{l} \text{Sản lượng} \\ \text{thực tế sản phẩm} \\ \text{quy cách } i \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tiêu chuẩn phân} \\ \text{bổ của sản phẩm} \\ \text{quy cách } i \end{array}$$

- Tính tỷ lệ giá thành của nhóm sản phẩm:

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ tính} \\ \text{giá thành} \\ \text{(theo khoản mục)} \end{array} = \text{Error!}$$

- Tính giá thành từng loại sản phẩm:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng giá thành} \\ \text{từng quy cách} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tiêu chuẩn phân bổ} \\ \text{từng quy cách} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ tính giá} \\ \text{thành} \end{array}$$

2.7.4. Tính giá thành theo phương pháp đơn đặt hàng

Phương pháp này áp dụng thích hợp với các doanh nghiệp tổ chức sản xuất đơn chiếc hàng loạt nhỏ theo đơn đặt hàng. Trong trường hợp này đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là từng đơn đặt hàng, đối tượng tính giá thành là từng đơn hàng đã hoàn thành. Như vậy kỳ tính giá thành không phù hợp với kỳ báo cáo.

Theo phương pháp này kế toán tính giá thành thực tế của sản phẩm

bằng cách tổng hợp chi phí đã chi ra để sản xuất sản phẩm theo đơn đặt hàng.

Nếu đơn đặt hàng được sản xuất, chế tạo ở nhiều phân xưởng khác nhau thì phải tính toán, xác định số chi phí của từng phân xưởng liên quan đến đơn hàng đó. Những chi phí trực tiếp được tập hợp thẳng vào đơn đặt hàng, còn chi phí chung cần phân bổ theo tiêu thức thích hợp. Những đơn đặt hàng cuối tháng chưa hoàn thành vẫn tính tổng chi phí phát sinh trong tháng và chuyển sang tháng sau tính tiếp.

2.7.5. Tính giá thành theo phương pháp phân bước

Phương pháp này thích hợp với các doanh nghiệp có quy trình công nghệ phức tạp kiểu liên tục, sản phẩm phải trải qua nhiều giai đoạn chế biến liên tục kế tiếp nhau, nửa thành phẩm giai đoạn trước là đối tượng tiếp tục sản phẩm ở giai đoạn sau.

Đặc điểm kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành phân bước.

- Đối tượng kế toán chi phí sản xuất trong trường hợp này là từng công đoạn, từng bộ phận (phân xưởng) khác nhau của doanh nghiệp.

- Đối tượng tính giá thành: Việc xác định đối tượng tính giá thành còn phụ thuộc vào đặc điểm quy trình công nghệ và tính chất sử dụng sản phẩm.

Trong trường hợp này đối tượng tính giá thành có thể là thành phẩm hay nửa thành phẩm. Do có sự khác nhau về đối tượng tính giá thành nên phương pháp này có hai phương án.

2.7.5.1. Phương án tính giá thành phân bước có tính giá thành bán thành phẩm

Theo phương án này kế toán phải lần lượt tính giá thành bán thành phẩm của giai đoạn trước kết chuyển sang giai đoạn sau một cách tuần tự để tiếp tục tính giá thành bán thành phẩm ở giai đoạn sau, căn cứ như vậy cho

đến khi tính được giá thành thành phẩm ở giai đoạn cuối cùng.

Có thể khái quát trình tự tính giá thành như sau:

Giá thành bán thành phẩm giai đoạn 1	=	Chi phí NVL chính (trực tiếp)	+	Chi phí chế biến giai đoạn 1
Giá thành bán thành phẩm giai đoạn 2	=	Giá thành bán thành phẩm giai đoạn 1 chuyển sang	+	Chi phí chế biến giai đoạn 2
Giá thành bán thành phẩm giai đoạn i	=	Giá thành bán thành phẩm giai đoạn i-1 chuyển sang	+	Chi phí chế biến giai đoạn i

Việc kết chuyển tuần tự chi phí từ giai đoạn trước sang giai đoạn sau có thể theo số tổng hợp hoặc theo từng khoản mục giá thành.

Tổng giá thành bán thành phẩm giai đoạn i	=	Tổng giá thành bán thành phẩm giai đoạn (i - 1)	+	Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ giai đoạn i	+	Chi phí sản xuất trong kỳ giai đoạn i	-	Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ giai đoạn i
-------------------------------------------	---	-------------------------------------------------	---	---------------------------------------------	---	---------------------------------------	---	----------------------------------------------

Phương án tính giá thành phân bước có tính giá thành bán thành phẩm giúp tính được giá thành bán thành phẩm ở từng giai đoạn sản xuất, thuận tiện cho hạch toán bán thành phẩm.

2.7.5.2. Phương án tính giá thành phân bước không tính giá thành bán thành phẩm

Phương án này không cần đánh giá sản phẩm làm dở và tính giá thành bán thành phẩm ở từng giai đoạn sản xuất. Trình tự tính giá thành như sau:

- Đối với chi phí bỏ vào lần đầu của quá trình sản xuất:

$$\frac{\text{CPSX giai đoạn } i \text{ có trong thành phẩm}}{\text{CPSX dở dang DK giai đoạn } i} + \frac{\text{CPSX phát sinh giai đoạn } i}{\text{Số lượng SPDD cuối kỳ giai đoạn } i} \times \text{Số lượng thành phẩm}$$

- Đối với chi phí bỏ dần trong quá trình sản xuất:

$$\frac{\text{CPSX giai đoạn } i \text{ có trong thành phẩm}}{\text{CPSX dở dang DK giai đoạn } i} + \frac{\text{CPSX phát sinh giai đoạn } i}{\text{Số lượng SPDD cuối kỳ giai đoạn } i \text{ đã tính đổi}} \times \text{Số lượng thành phẩm hoàn thành ở giai đoạn cuối}$$

- Tính tổng giá thành thành phẩm hoàn thành ở giai đoạn cuối cùng

$$\frac{\text{Tính tổng giá thành thẩm quyền hoàn thành ở giai đoạn cuối cùng}}{\text{Tổng CPSX giai đoạn } i \text{ có trong thành phẩm}} =$$

2.7.6. Tính giá thành theo phương pháp định mức

Phương pháp này thích hợp với các doanh nghiệp có quy trình công nghệ sản xuất ổn định, có hệ thống các định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí hợp lý, có trình độ tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cao, công tác hạch toán ban đầu chặt chẽ.

Tính giá thành sản phẩm theo phương pháp định mức sẽ kiểm tra thường xuyên, kịp thời tình hình thực hiện định mức, dự toán chi phí vượt định mức, giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán của kế toán.

Phương pháp tính giá thành theo định mức được thực hiện theo trình tự như sau:

- Tính giá thành định mức của sản phẩm: Cơ sở để tính là định mức

kỹ thuật hiện hành. Kế toán có thể tính giá thành định mức cho sản phẩm, nửa thành phẩm hoặc các bộ phận chi tiết cấu thành nên sản phẩm.

Xác định số chênh lệch do thay đổi định mức. Do việc thay đổi định mức thường tiến hành vào đầu tháng nên khi tính số chênh lệch do thay đổi định mức chỉ cần thực hiện cho sản phẩm sản xuất dở dang đầu kỳ.

- Xác định số chênh lệch so với định mức: Số chênh lệch này phát sinh do tiết kiệm hoặc vượt chi.

- Tính giá thành thực tế của sản phẩm theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành} & & \text{Giá thành} & & \text{Chênh lệch do} & & \text{Chênh lệch so} \\ \text{thực tế sản} & = & \text{định mức sản} & \pm & \text{thay đổi định} & \pm & \text{với định mức} \\ \text{phẩm} & & \text{phẩm} & & \text{mức} & & \end{array}$$

Định mức chi phí sản xuất có thể thay đổi do các nguyên nhân như giá cả, tiến bộ khoa học kỹ thuật làm thay đổi công nghệ và vật liệu dùng cho quá trình sản xuất, chính vì vậy cần phải thay đổi định mức chi phí khi có thay đổi lớn về chi phí thực tế.

2.8. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm dưới góc độ kế toán quản trị

2.8.1. Xác định chi phí sản xuất

- Theo phương pháp chi phí thực tế: Chi phí của sản phẩm sản xuất được tính toán trên cơ sở chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung thực tế phát sinh trong quá trình sản xuất sản phẩm

- Theo phương pháp chi phí thông thường: Chi phí của sản phẩm sản xuất được tính toán bằng cách cộng các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp thực tế và chi phí sản xuất chung ước tính phát sinh trong quá trình sản xuất sản phẩm.

- Phương pháp chi phí tiêu chuẩn (Chi phí định mức): Xác định chi

phí sản phẩm sản xuất theo các chi phí định mức cho cả ba khoản mục chi phí (nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp và sản xuất chung)

2.8.2. Xác định giá thành sản phẩm sản xuất

- Phương pháp xác định chi phí theo công việc (theo đơn hàng)

Phương pháp xác định chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo công việc ghi chép lại một cách chi tiết thông tin của từng sản phẩm, nhóm sản phẩm tương tự nhau. Phương pháp này được áp dụng tại các doanh nghiệp sản xuất theo đơn đặt hàng, sản phẩm được sản xuất theo yêu cầu của khách hàng.

- Phương pháp xác định chi phí sản xuất sản phẩm theo quá trình sản xuất

Phương pháp này được ghi chép theo từng phân xưởng khi sản phẩm được chuyển từ phân xưởng này sang cho phân xưởng khác và trên cơ sở đó, xác định được chi phí và giá thành cho từng đơn vị sản phẩm. Phương pháp này áp dụng cho các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm theo quy trình công nghệ sản xuất liên tục qua nhiều bước chế biến, sản phẩm hoàn chỉnh ở giai đoạn này sẽ là đối tượng chế biến của giai đoạn sau.

2.8.3. Lập dự toán chi phí sản xuất

Dự toán là những dự kiến, những phối hợp chi tiết rõ cách huy động và sử dụng nguồn lực của doanh nghiệp trong từng thời kỳ và được biểu diễn bằng một hệ thống chỉ tiêu dưới dạng số lượng và giá trị. Dự toán sản xuất gồm có

Dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Dự toán chi phí nhân công trực tiếp

Dự toán chi phí sản xuất chung

2.8.4. Phân tích thông tin về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phục vụ cho việc ra quyết định sản xuất kinh doanh

Phân tích thông tin về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm có vai trò đặc biệt quan trọng, là công cụ hệ thống công cụ quản lý kinh tế. Thông qua đó nhà quản trị doanh nghiệp thấy rõ hiện trạng tình hình sản xuất kinh doanh trong kỳ, những ưu, nhược điểm của việc điều hành sản xuất kinh doanh cũng như những nguyên nhân khách quan và chủ quan, từ đó có những biện pháp xử lý kịp thời và ra các quyết định chính xác.

2.8.5. Tổ chức báo cáo, phân tích và ra quyết định về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Báo cáo kế toán quản trị là loại báo cáo kế toán phản ánh một cách chi tiết cụ thể tình hình tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí...của doanh nghiệp theo yêu cầu quản lý cụ thể của các cấp quản trị khác nhau. Một số báo cáo giúp nhà quản trị ra quyết định kinh doanh.

Báo cáo chi phí sản xuất

Báo cáo giá thành sản phẩm

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Toàn bộ chương 2 của luận văn đã đề cập tới những vấn đề lý thuyết cơ bản về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất trên nhiều khía cạnh: Bản chất chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm; phân loại chi phí sản xuất; phân loại giá thành sản phẩm; nhiệm vụ của kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm; đối tượng tập hợp chi phí sản xuất; đối tượng tính giá thành sản phẩm; kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Tác động của các chuẩn mực, thông tư đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành.

Nền tảng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của nhiều nước trên thế giới là chuẩn mực kế toán quốc tế. Việc tìm hiểu đặc điểm kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở các nước khác nhau và kinh nghiệm kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của một số nước trên thế giới cho thấy xu hướng hòa hợp với chuẩn mực kế toán quốc tế hiện nay. Từ đó cho thấy kế toán Việt Nam không nằm ngoài xu hướng này. Nhưng việc lựa chọn phương pháp phù hợp phải dựa vào các chuẩn mực chung và những bài học kinh nghiệm rút ra từ kế toán các nước. Từ đó kế toán Việt Nam nói chung và kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng sẽ có một cơ sở vững chắc trong việc hoàn thiện mình đáp ứng linh hoạt những biến động của các yếu tố môi trường xung quanh.

Trên cơ sở các vấn đề được hệ thống hóa ở chương 2, làm căn cứ cho việc đánh giá, phân tích thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng sẽ được đề cập đến ở chương 3.

CHƯƠNG 3
THỰC TRẠNG KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT
VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH
SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI AN HUNG

3.1. Giới thiệu chung về công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hung.

3.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty

Tên Công ty: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hung

Tên tiếng anh: ANHUNG MT CO., LTD

Địa chỉ: P112/G1-TTTHCS1-Thanh Xuân Bắc-Thanh Xuân-Hà Nội

Văn phòng giao dịch: P115-Ngõ 27-Khuất Duy Tiến-Thanh Xuân-Hà Nội

Nhà máy sản xuất: Cụm Công nghiệp Biên Giang-Hà Đông-Hà Nội

Điện thoại: 04 35531386

Fax : 04 355535542

Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH

Mã số thuế: 0101294405.

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hung tiền thân là xưởng gia công cơ khí An Hung, được xây dựng tại Hà Nội. Công ty được tổ chức dưới hình thức Trách nhiệm hữu hạn, được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018367 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04 tháng 10 năm 2002. Công ty chính thức đi vào hoạt động tháng 12 năm 2002. Sản phẩm của công ty sản xuất bao gồm : các loại quạt công nghiệp, hệ thống làm mát, hút bụi, lọc bụi, thiết bị chế biến nông lâm và các công trình khác về cơ khí.

Với đội ngũ cán bộ, công nhân, cộng tác viên, kỹ thuật viên dày dặn kinh nghiệm trong mọi lĩnh vực thiết kế, chế tạo các sản phẩm cơ khí phục vụ cho sản xuất công, nông nghiệp và dân dụng. Cùng với đó là đội ngũ công nhân lành nghề, sáng tạo được kế thừa từ xưởng gia công cơ khí An Hưng và liên tục được bổ sung, đào tạo, nâng cao tay nghề trong những năm qua.

Công ty TNHH SX & TM An Hưng luôn chú trọng đầu tư trang thiết bị máy móc, nâng cao đội ngũ tay nghề công nhân. Chi nhánh xưởng sản xuất của công ty hiện nay có diện tích 4.000m² đất với hơn 1.500m² nhà xưởng và được trang bị đầy đủ các máy móc thiết bị cơ bản phục vụ sản xuất các sản phẩm của công ty. Nhờ đó sản phẩm của công ty sản xuất ra đã và đang đáp ứng tốt các nhu cầu của khách hàng về chất lượng, mẫu mã, tiến độ, giá cả và ngày càng được ưa chuộng đánh giá cao.

Cho đến nay, sản phẩm của công ty đã có mặt trên khắp các nước và được một số nhà sản xuất lò hơi trong nước tích hợp vào hệ thống của mình để xuất sang thị trường Đông Nam Á như Malaysia, Indonesia...

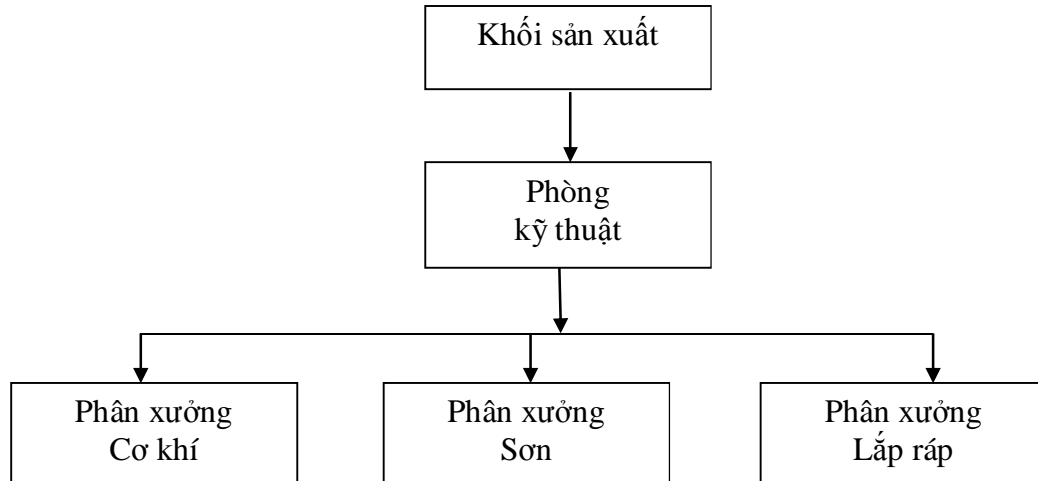
Năm 2010, sản phẩm quạt công nghiệp của công ty đã được hội sở hữu trí tuệ Việt Nam ghi nhận và được xếp vào top 100 sản phẩm vàng thời hội nhập – Golden Product.

Năm 2015, Viện nghiên cứu Người tiêu dùng Việt Nam và tổ chức giám sát chất lượng Quốc tế InterComfomity công nhận và cấp chứng chỉ an toàn chất lượng phù hợp với chuẩn mực CCI2015.

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng tin rằng với năng lực và kinh nghiệm của mình sẽ đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng, luôn mong muốn được hợp tác với khách hàng, với bạn hàng để cùng nhau góp phần xây dựng ngành hiện tại và làm giàu cho đất nước.

3.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng

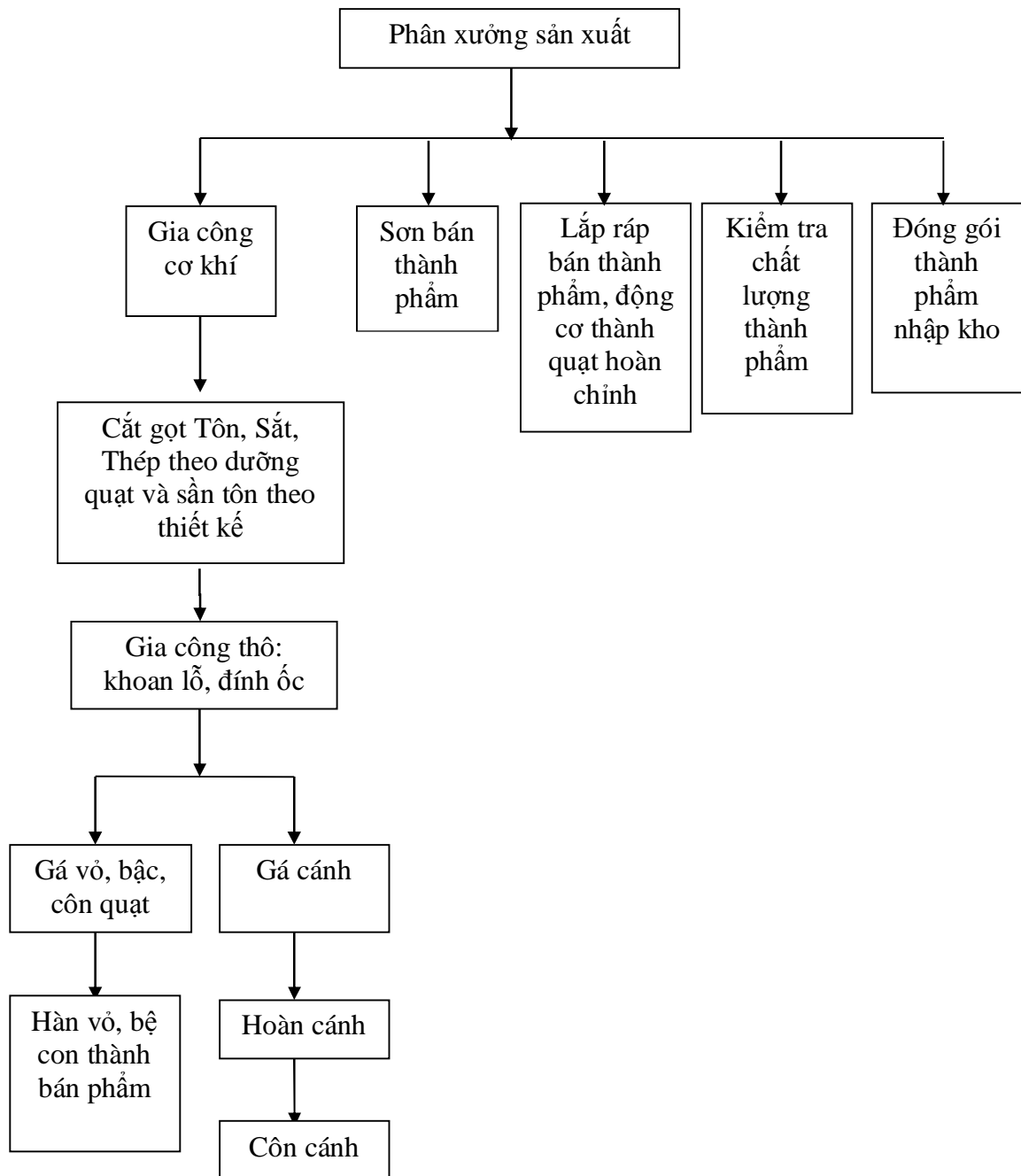
Công ty đã có sự phân công lao động và chuyên môn hóa của các bộ phận tuy gọn gàng, đơn giản nhưng vẫn đảm bảo được quá trình sản xuất thuận tiện.



Sơ đồ 3.1: Tổ chức sản xuất

Phòng kỹ thuật: có trách nhiệm tham mưu cho Giám đốc điều hành trong công tác tổ chức, quản lý và nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của tổng công ty. Phòng kỹ thuật bao gồm 3 phân xưởng phụ trách kỹ thuật: phân xưởng cơ khí, phân xưởng sơn và phân xưởng lắp ráp.

Ngoài ra, quy trình sản xuất cũng quan trọng và các bộ phận sản xuất đều hỗ trợ nhau để tạo ra sản phẩm.



Sơ đồ 3.2. Quy trình sản xuất sản phẩm quạt

Gia công cơ khí: Cắt ghép tôn, sắt, thép theo đường quạt và sản tôn theo thiết kế. Sau đó gia công thô như: khoan lỗ, đính ốc rỗng cáng, hàn cáng, côn cáng và gá vỏ, bạc, côn quạt tiếp theo là hàn vỏ, bệ con thành bán thành phẩm. Sau đó bán thành phẩm chuyển sang phân xưởng sơn để sơn bán thành phẩm.

Sơn: Phun sơn toàn bộ bán thành phẩm các chi tiết của quạt như: lồng, cáng, thân quạt

Lắp ráp hoàn chỉnh: Là khâu cuối cùng trong quá trình sản xuất quạt điện công nghiệp. Bán thành phẩm tại các khâu trên được đưa đến phân xưởng lắp ráp để tiến hành lắp ráp bán thành phẩm và động cơ thành quạt hoàn chỉnh.

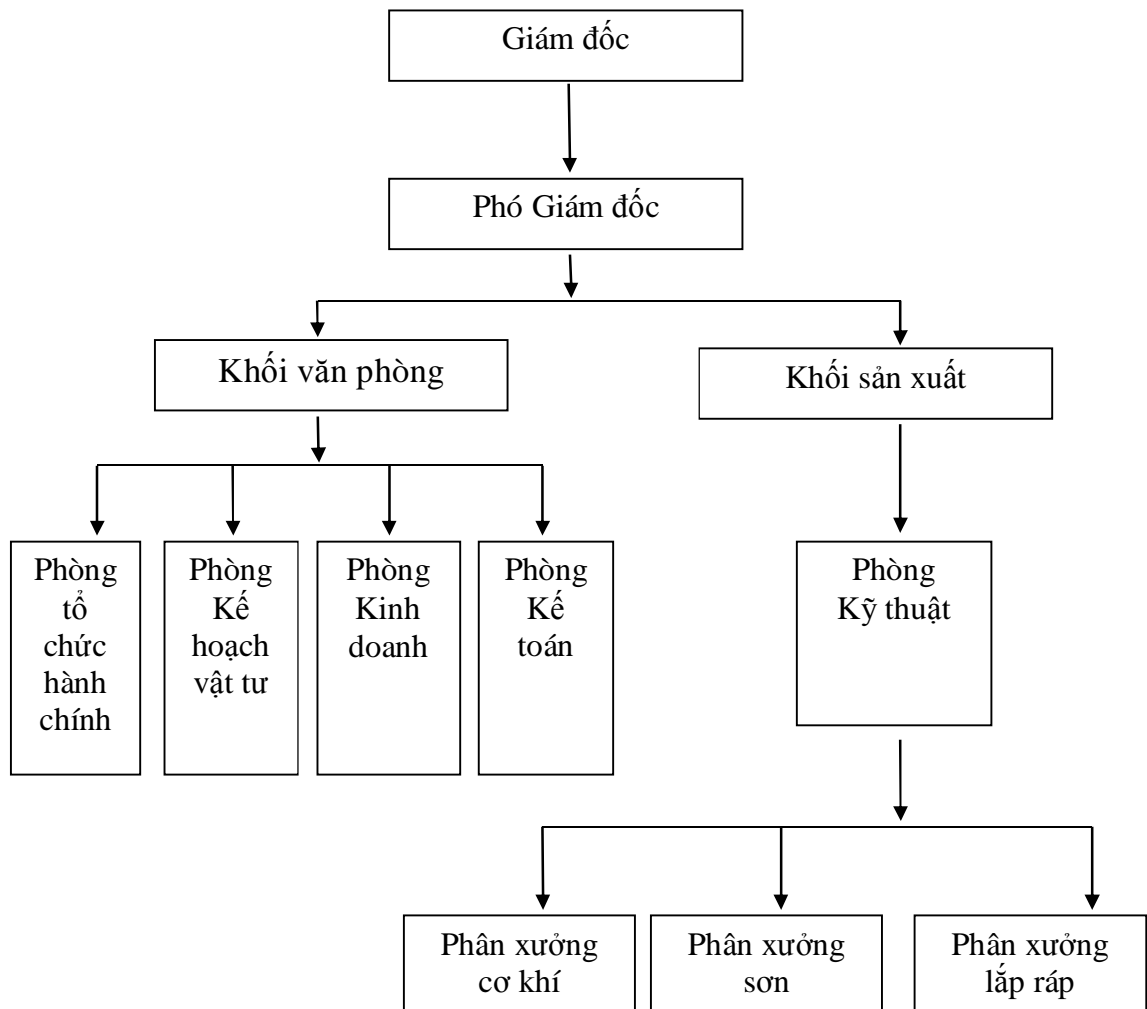
Kiểm tra chất lượng sản phẩm: Sau khi lắp ráp sản phẩm được đưa sang bộ phận kiểm định để kiểm tra chất lượng thành phẩm, nếu có sai hỏng tùy mức độ mà có các phương pháp xử lý cho phù hợp.

Đóng gói thành phẩm nhập kho: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn được đưa sang bộ phận đóng gói và nhập kho.

3.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng

Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng là phù hợp với đặc điểm và quy mô của công ty, mọi công việc đều được thực hiện theo tuần tự và được giám sát chặt chẽ từ trên xuống dưới. Các quyết định chỉ đạo của ban giám đốc sẽ nhanh chóng chuyển tới đối tượng thực hiện, ngược lại các thông tin báo cáo thực hiện cũng được phản hồi lại một cách nhanh chóng để ban giám đốc kiểm tra, điều chỉnh kịp thời những người chịu trách nhiệm thực hiện hoàn thành tốt công việc và kế hoạch của công ty được triển khai tốt. Giám đốc có thể chỉ đạo và nắm bắt

được bao quát toàn bộ các vấn đề của công ty qua phó giám đốc và các bộ phận tài chính kế toán của công ty qua kế toán trưởng.



Sơ đồ 3.3. Cơ cấu tổ chức công ty

Giám đốc: Điều hành của công ty, người quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của công ty và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao

Phó giám đốc: giúp việc cho giám đốc, chịu trách nhiệm trước giám đốc về phận việc được phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và điều lệ của công ty.

Dưới giám đốc và phó giám đốc là các phòng ban nghiệp vụ trực thuộc bao gồm:

Phòng tổ chức hành chính: Giúp giám đốc trong việc sắp xếp chương trình làm việc hàng ngày, tuần, tiếp khách, đối nội, đối ngoại. Tổ chức đội ngũ thống kê phân xưởng để quản lý lao động, xác định kết quả lao động của toàn công ty. Xây dựng định mức lao động, đơn giá tiền lương cho toàn bộ qui trình công nghệ chế tạo sản phẩm tại công ty. Hàng tháng xác định tiền lương, tiền thưởng cho cán bộ nhân viên toàn công ty.

Phòng kế hoạch vật tư: Tham mưu cho giám đốc trong việc xây dựng và chỉ đạo kế hoạch sản xuất và thực hiện cung cấp toàn bộ các yếu tố đầu vào cho quá trình sản xuất, thành phẩm, hạch toán vật tư thành phẩm với các phân xưởng sản xuất hàng tháng, quý, năm. tổ chức bảo quản và quản lý kho của công ty.

Phòng kinh doanh: Giúp giám đốc trong công tác tìm hiểu thị trường, xây dựng và thực hiện kế hoạch tiêu thụ sản phẩm, hoạch định chính sách phân phối sản phẩm.

Phòng kế toán: có chức năng trong việc lập kế hoạch sử dụng và quản lý nguồn tài chính của công ty, phân tích các hoạt động kinh tế, tổ chức công tác hạch toán kế toán theo đúng chế độ kế toán thống kê, tham mưu có giám đốc trong việc quản lý toàn bộ nguồn vốn của công ty, tính toán các hiệu quả kinh tế trong việc sản xuất kinh doanh và trong từng thời kỳ để giúp giám đốc có những quyết định kịp thời, chính xác.

Phòng kỹ thuật: Giúp giám đốc theo dõi việc thực hiện hệ thống quản lý chất lượng tại công ty, bố trí nhân viên tại các phân xưởng sản xuất kiểm tra đánh giá chất lượng sản phẩm. Có nhiệm vụ quản lý, xây dựng, tạo mẫu sản phẩm theo nhu cầu thị trường hoặc theo đơn hàng, định mức nguyên vật

liệu, xây dựng định mức về thời gian công nghệ cho toàn bộ sản phẩm của công ty, chỉ đạo trực tiếp các phân xưởng sản xuất về mặt kỹ thuật.

Nhiệm vụ các phân xưởng:

Phân xưởng cơ khí: Xẻ tôn theo khung và kích thước sản phẩm, gia công cơ khí, gia công nguội toàn bộ chi tiết các loại quạt theo tiêu chuẩn, hàn gắn đúng yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo mối hàn chính xác

Phân xưởng sơn: Sơn bảo vệ các chi tiết của quạt như: Cánh, Thân, chân quạt nhằm chống han gỉ trong các điều kiện môi trường đảm bảo độ sáng bóng về mẫu mã. Sau khi sơn khô sẽ được chuyển cho phân xưởng lắp ráp hoàn chỉnh sản phẩm.

Phân xưởng lắp ráp: Lắp ráp thành phẩm các loại quạt, quá trình lắp đặt gồm: Lắp inox, lắp hệ thống điện, động cơ, mika tùy thiết kế của từng sản phẩm và cuối cùng được sản phẩm hoàn thiện.

Với hình thức tổ chức này các phòng ban, bộ phận được quy định rõ ràng chức năng nhiệm vụ, không xảy ra tình trạng chồng chéo trong công việc, tránh việc gây lãng phí và đạt hiệu quả cao.

3.1.4. Tổ chức kế toán của công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng.

3.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của công ty gồm 5 người được tổ chức theo hình thức tập trung. Đứng đầu bộ máy kế toán là kế toán trưởng, giúp việc cho kế toán trưởng là các nhân viên kế toán thực hiện các phần hành kế toán theo nhiệm vụ được giao. Chức năng của các bộ phận kế toán được quy định như sau:

Kế toán trưởng: Làm công tác thống kê các số liệu về tình trạng hoạt động của công ty, tổng hợp số liệu kế toán, lên báo cáo tài chính. Có nhiệm vụ tổ chức công tác kế toán của công ty và có mối liên hệ trực tuyến với các

kế toán viên thành phần. Các kế toán thành phần có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, trao đổi trực tiếp với kế toán trưởng về các vấn đề liên quan đến các công việc kế toán như: các nghiệp vụ, chế độ kế toán hay chính sách Tài chính của Nhà Nước.

Kế toán tài sản cố định, kế toán lương, kế toán tiền mặt: Có nhiệm vụ tổng hợp TSCĐ, theo dõi TSCĐ ở các bộ phận trong công ty, tính và phân bổ khấu hao TSCĐ, sau đó lập báo cáo các kế toán nội bộ về tình hình tăng giảm TSCĐ. Ngoài ra, nhân viên này còn đồng thời phụ trách công việc hạch toán tiền lương và các khoản trích theo lương. Có nhiệm vụ theo dõi các nghiệp vụ thu, chi tiền mặt, theo dõi các khoản tạm ứng của công nhân viên, vốn vay ngắn hạn, dài hạn của công ty.

Kế toán thuế, kế toán công nợ phải trả: có nhiệm vụ tính và kê khai thuế trong doanh nghiệp như: VAT, thuế TNDN, thuế TTĐB, trừ kê khai thuế TNCN. Đồng thời, kế toán này giúp đỡ kế toán trưởng trong việc hạch toán kế toán, phụ trách kiểm tra, giám sát công tác kế toán của các kế toán viên. Ngoài ra, kế toán này còn theo dõi công nợ phải trả của công ty.

Kế toán vật tư, kế toán chi phí, kế toán giá thành: làm nhiệm vụ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp thẻ song song. Cuối tháng, kế toán này sẽ tổng hợp các số liệu lập bảng kê theo dõi nhập, xuất tồn. Ngoài ra, kế toán này còn có nhiệm vụ tổ chức ghi chép, phản ánh, tổng hợp số liệu chính xác, đầy đủ, kịp thời các loại chi phí phát sinh trong doanh nghiệp và tính giá thành cho sản phẩm đã hoàn thành, lập dự toán xác định giá thành kế hoạch làm căn cứ cho dự toán của các bộ phận khác.

Kế toán ngân hàng, kế toán bán hàng, kế toán công nợ phải thu: chuyên làm công việc giao dịch với ngân hàng, theo dõi tình hình luân chuyển tiền tệ, thực hiện thanh toán với các đối tác thông qua ngân hàng.

Hàng tháng, kế toán này lập bảng tổng hợp séc, sổ chi tiết đối chiếu với sổ sách thủ quỹ, sổ phụ ngân hàng, lập kế hoạch tiền mặt gửi ngân hàng. Ngoài ra, kế toán còn ghi chép các nghiệp vụ liên quan đến kế toán bán hàng: doanh thu, theo dõi chi tiết hàng hóa, thành phẩm xuất bán định kỳ làm báo cáo bán hàng theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp và theo dõi công nợ giữa công ty với khách hàng.

3.1.4.2. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty

Chế độ kế toán áp dụng: Công ty đang áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VNĐ)

Niên độ kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

Hình thức kế toán áp dụng : là hình thức nhật ký chung. Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải ghi sổ theo trình tự thời gian và nội dung kinh tế.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền: Trong các năm nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc theo tỷ giá bình quân liên Ngân hàng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên Ngân hàng, do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố cùng ngày.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Giá gốc

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

Phương pháp tính giá hàng xuất kho: Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền. Thời điểm tính giá hàng xuất kho là cuối tháng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ: phương pháp khấu hao đường thẳng.

Phương pháp tính thuế GTGT: phương pháp khấu trừ

Hiện tại, công ty đang sử dụng phần mềm kế toán SEASOFT phục vụ cho công tác kế toán. Đây là phần mềm mà doanh nghiệp đã thuê bên công ty thiết kế phần mềm nghiệp vụ thiết kế riêng nhằm mục đích thuận lợi hơn cho công tác kế toán của doanh nghiệp. Phần mềm này sử dụng hai ngôn ngữ chính là tiếng Anh và tiếng Việt. Được cập nhật theo chế độ kế toán mới nhất ở Việt Nam, đồng thời tạo điều kiện trong việc tính toán giá thành hàng hóa, sản phẩm của công ty. Với phần mềm này, người sử dụng chỉ cần cập nhật số liệu đầu vào phát sinh theo hệ thống chứng từ, máy tính sẽ tự động tính toán và đưa ra các sổ sách báo cáo tài chính, báo cáo quản trị và các thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Tất cả các báo cáo khi in đều có thể xuất sang các định dạng cơ bản như: word, excel, pdf,...; người dùng có thể sửa báo cáo và thực hiện in báo cáo tùy vào tình hình thực tế.

Công ty lập và trình bày báo cáo tài chính theo quy định hiện hành của hệ thống kế toán doanh nghiệp Việt Nam bao gồm 4 báo cáo: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Bảng cân đối tài khoản; Bảng thuyết minh báo tài chính.

3.2. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm và kỳ tính giá thành sản phẩm

3.2.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất

Công ty sản xuất một số ít mặt hàng với số lượng lớn, chu kỳ sản xuất ngắn, nên đối tượng kế toán chi phí sản xuất được tiến hành theo sản phẩm, mỗi mặt hàng sản xuất như: quạt công nghiệp, Quạt thông gió, Hệ thống làm mát... được mở một sổ theo dõi riêng chi phí sản xuất và tính giá thành.

3.2.2. Đối tượng tính giá thành sản phẩm

Công ty có quy trình công nghệ khép kín, phức tạp, chế biến liên tục, qua nhiều công đoạn chế biến liên tiếp. Chi phí sản xuất ở giai đoạn công nghệ cuối cùng mới được coi là thành phẩm, bán thành phẩm. Công ty không xuất bán ra ngoài bán thành phẩm. Do đó, công ty không tổ chức tính giá thành bán thành phẩm ở các phân xưởng sản xuất. Thêm vào đó công ty chuyên sản xuất loại quạt công nghiệp nên kế toán xác định đối tượng tính giá thành là thành phẩm hoàn thành ở giai đoạn cuối cùng: Để minh họa quy trình tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty tác giả lựa chọn 1 mặt hàng là Quạt cây công nghiệp 0,25kw.

3.2.3. Kỳ tính giá thành sản phẩm

Công ty sản xuất nhiều nhưng với chu kỳ ngắn và xen kẽ liên tục nên kỳ tính giá thành là hàng tháng. Phương pháp tính giá thành theo phương pháp giản đơn.

3.3. Phương pháp tập hợp, phân bổ chi phí sản xuất

Chi phí sản xuất của công ty được tập hợp theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Do đặc điểm của công ty là cùng lúc thực hiện nhiều đơn hàng, công ty đã tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cho từng đơn hàng, nhằm tạo điều kiện cho việc tính giá thành sản phẩm dễ dàng.

Các chi phí sản xuất chung, chi phí nhân công trực tiếp được phân bổ theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

3.4. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng

3.4.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng nguyên vật liệu trực tiếp chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm. Vì vậy hạch toán chính xác, đầy đủ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp có tầm quan trọng trong việc xác định mức tiêu hao nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất, đảm bảo giá thành tới mức thấp nhất để có thể cạnh tranh với các công ty sản xuất mặt hàng cùng loại trong và ngoài nước.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bao gồm nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ, nhiên liệu phục vụ trực tiếp cho sản xuất sản phẩm quạt cây công nghiệp tại công ty.

Nguyên vật liệu chính:

Thép tấm 2ly, thép tấm 3 ly: dùng để làm nan và cánh quạt.

Thép ống, thép U, thép V: dùng để làm thân và chân quạt.

Tôn, Sắt, inox.

Nguyên vật liệu phụ: Bulông, ốc vít, sơn, dầu mỡ.

Mặt hàng quạt cây công nghiệp của công ty gồm có loại mã 0,25

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được cung cấp bởi 2 nguồn chính là tự sản xuất và mua ngoài.

Đối với nguyên vật liệu do đơn vị tự sản xuất thì đơn vị tính giá thành nhập kho nguyên vật liệu như sau:

Giá thực tế nguyên liệu nhập kho = tổng giá thành sản xuất

Ngoài những vật liệu trên công ty còn mua một số Động cơ mua về lắp đặt thẳng

Đối với nguyên vật liệu do đơn vị mua ngoài. Giá thực tế nhập kho được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá trị thực tế nhập kho} = \text{Giá mua ghi trên hoá đơn} + \text{Chi phí thu mua} - \text{Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá (nếu có)}$$

Ví dụ 1: Ngày 14/5/2016 công ty có mua ngoài 40 động cơ điện 0,25kw với giá trên hóa đơn là 540.000/động cơ về để lắp đặt thẳng

Giá trị thực tế động cơ 0,25kw nhập kho = 40 x 540.000 = 21.600.000 đồng

Đối với giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho, công ty sử dụng phương pháp bình quân gia quyền. Công thức xác định là:

$$\text{Giá thực tế bình quân một đơn vị NVL} = \frac{\text{Trị giá thực tế của NVL tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế của NVL nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng NVL tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng NVL nhập trong kỳ}}$$

$$\text{Giá trị thực tế của NVL xuất dùng trong tháng} = \frac{\text{Giá thực tế bình quân một đơn vị NVL} \times \text{Số lượng NVL xuất trong tháng}}$$

Hàng ngày kế toán kho thực hiện công việc nhập xuất vật tư theo số lượng thực nhập, xuất lên bảng tổng hợp hàng tồn kho. Cuối tháng xác định giá vốn vật tư xuất kho dựa vào giá trị vật tư nhập kho và tồn đầu kỳ.

Việc lựa chọn phương pháp tính giá xuất nguyên vật liệu theo bình quân gia quyền là hoàn toàn phù hợp vì đồng nhất với kỳ tính giá thành của sản phẩm. Tuy nhiên đến cuối tháng kế toán lại tính giá thành trên excel mà không dùng phần mềm dẫn đến rất nhiều công việc của kế toán cần phải làm.

Chứng từ kế toán:

Kế toán Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp của công ty sử dụng các chứng từ kế toán theo quy định của Bộ tài chính, đồng thời tuân thủ theo một quy trình luân chuyển chứng từ chặt chẽ. Chứng từ kế toán được sử dụng trong kế toán Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại công ty bao gồm:

Hóa đơn GTGT: Sau khi gửi đơn đặt hàng hoặc sau khi ký kết hợp đồng kinh tế, trong đó cung cấp thông tin số lượng của sản phẩm cần mua cho người bán. Bên bán cung cấp số tiền cần phải thanh toán. Khi hàng về kế toán thanh toán và nhận Hóa đơn GTGT do bên bán cung cấp, Kế toán kho lập phiếu nhập thành 3 liên, một liên lưu tại bộ phận kho, một liên giao cho kế toán thanh toán đối chiếu với hóa đơn và một liên luân chuyển nội bộ phục vụ ghi sổ kế toán.

Phiếu yêu cầu vật tư:

Phiếu xuất kho (mẫu 02-VT): Kế toán sử dụng phiếu xuất kho nhằm theo dõi chặt chẽ số lượng vật liệu xuất cho từng loại sản phẩm, làm căn cứ để hạch toán trị giá vật tư xuất trong kỳ

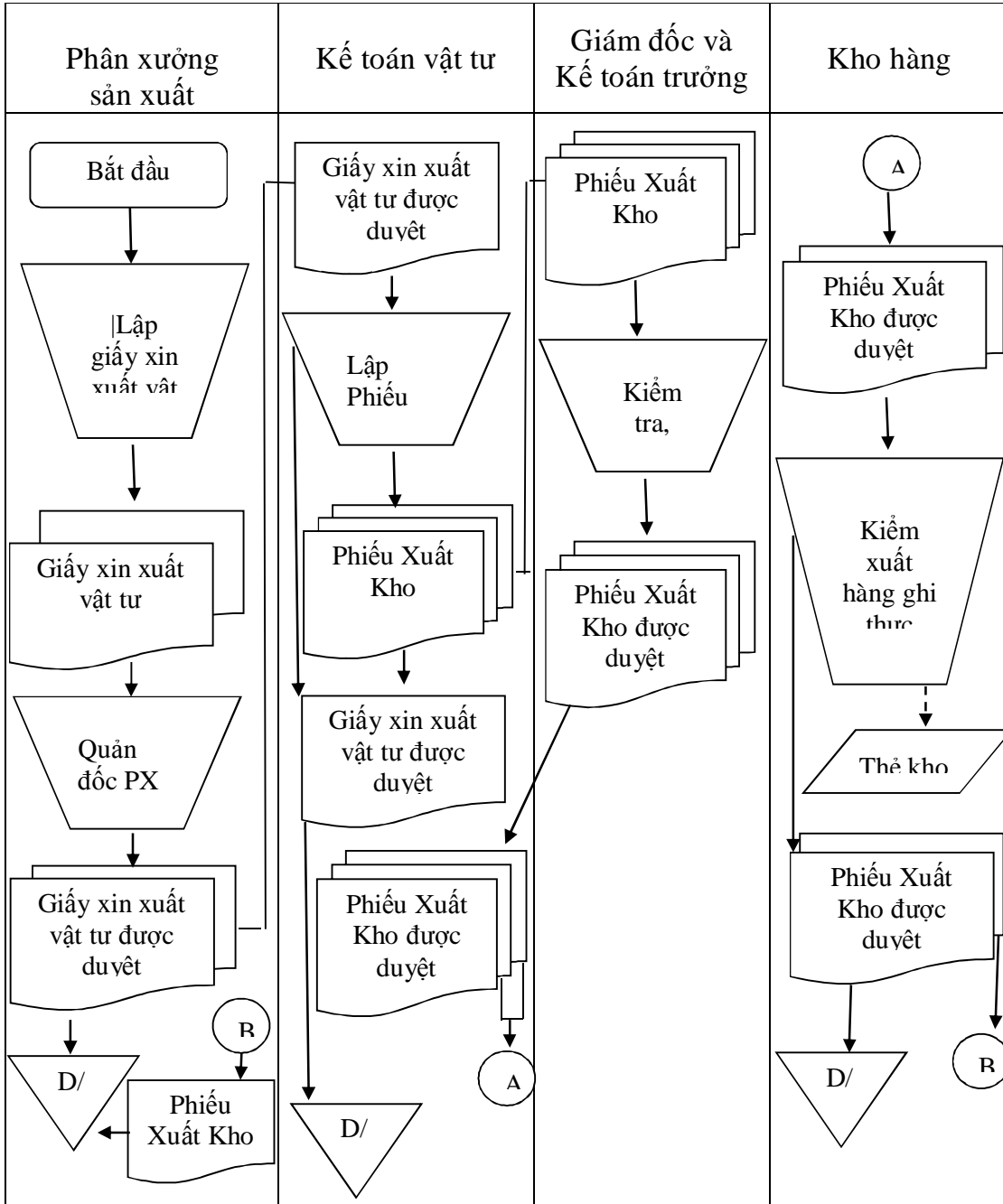
Quy trình luân chuyển chứng từ

Bộ phận sản xuất khi bắt đầu tiến hành sản xuất hoặc trong quá trình sản xuất cần vật tư để sản xuất sẽ tiến hành lập lập giấy xin xuất vật tư thành 2 liên và được quản đốc phân xưởng duyệt, liên 1 lưu tại bộ phận, liên 2 chuyển sang cho kế toán vật tư.

Kế toán vật tư dựa vào giấy xin xuất vật tư được duyệt tiến hành lập phiếu xuất kho thành 3 liên và chuyển cho Giám đốc và kế toán trưởng ký duyệt. Phiếu xin xuất vật tư được lưu tại bộ phận.

Nhận được phiếu xuất kho của bộ phận kế toán vật tư chuyển sang Giám đốc và kế toán trưởng kiểm tra, duyệt phiếu xuất kho sau đó chuyển sang cho bộ phận kế toán vật tư. Liên 1 lưu tại bộ phận kế toán vật tư, liên 2 và 3 chuyển sang bộ phận kho hàng.

Dựa vào phiếu xuất kho được duyệt bộ phận kho hàng kiểm xuất hàng ghi thực xuất sau đó lập thẻ kho, liên 2 lưu tại bộ phận, liên 3 chuyển cho bộ phận sản xuất lưu.



Sơ đồ 3.4. Quy trình luân chuyển chứng từ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Tài khoản và vận dụng tài khoản kế toán.

Để hạch toán, phản ánh chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại Công ty sử dụng tài khoản 621 -Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, được chi tiết thành các tài khoản cấp 2. Tại công ty Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được ghi chép phản ánh trên các tài khoản chi tiết:

Tk 6211 – Chi phí nguyên vật liệu chính

Tk 6212 – Chi phí nguyên vật liệu phụ

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến chi phí nguyên vật liệu trực tiếp đều được lập đầy đủ các chứng từ kinh tế phát sinh.

Ví dụ 2: Ngày 19/5 phân xưởng cơ khí cần 420kg thép tấm để sản xuất sản phẩm quạt cây công nghiệp 0,25kw. Quản lý phân xưởng đã lập phiếu yêu cầu vật tư và chuyển lên cho phòng kế toán.

Căn cứ vào phiếu yêu cầu vật tư từ phân xưởng sản xuất mà bộ phận kho lập phiếu xuất kho xuất vật liệu cho phân xưởng. Sau khi lập phiếu xuất kho kế toán sẽ hạch toán các bút toán như sau:

Nợ TK 621: 21.600.000

Có TK 1521 : 21.600.000

Cuối tháng kế toán căn cứ vào Phiếu xuất kho kế toán lập bảng tổng hợp phiếu xuất kho kế toán tiến hành tính chi phí xuất vật liệu cho phân xưởng sau đó vào sổ nhật ký chung, sổ chi tiết Tk 621, sổ cái TK 621

Cuối tháng kế toán tính giá thành kết chuyển hết Tk 621 sang Tk 154

Nợ Tk 154: 39.959.324

Có Tk 621: 39.959.324

PHIẾU YÊU CẦU VẬT TƯ

Tháng 05 năm 2015

Người yêu cầu: Nguyễn Văn Thành

Bộ phận: Phân xưởng cơ khí

Sản phẩm cần sử dụng: Quạt công nghiệp 0,25kw

STT	Nguyên Vật Liệu	Số lượng	Đơn vị
1	Thép tấm	420	Kg

Người đề nghị
(ký, họ tên)

Giám Đốc
(ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng)

Đơn Vị:
Bộ Phận:

Mẫu: 02 – VT
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính

PHIẾU XUẤT KHO
Ngày 15 tháng 05 năm 2015

Số: 26
Nợ Tk: 621
Có TK: 152

Họ và tên người nhận: Nguyễn Văn Thao

Đơn vị: Phân xưởng cơ khí

Xuất tại kho: Kho 1

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên Vật liệu	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thép tấm	Kg	420	13.800	5.796.000
	Tổng				5.796.000

Người lập Người nhận Thủ kho Kế toán trưởng Thủ trưởng đơn vị
(ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng)

Đơn Vị:
Bộ Phận:

Mẫu: C21 – HD
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính

BẢNG TỔNG HỢP PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 28 tháng 05 năm 2015

Tên Sản phẩm: Quạt công nghiệp 0,25kw

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Tên Vật liệu	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
PXK26	15/5	Thép tấm	Kg	420	13.800	5.796.000
PXK27	18/5	Sơn màu	Kg	12	39.667	476.004
PXK28	20/5	Động cơ 0,25kw	Cái	40	540.000	21.600.000
PXK29	20/5	Bu lông, ốc vít	Kg	240	1.400	336.000
PXK30	20/5	Máy ơ	Cái	40	86.500	3.460.000
PXK30	20/5	Nam cánh	Cái	1,280	950	1.216.000
PXK30	20/5	Đĩa cánh	Kg	84	84.230	7.075.320
		Tổng				39.959.324

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng)

Đơn Vị:
Bộ Phận:

Mẫu: S38 – DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TK 621
tháng 05 năm 2015

Tên Sản phẩm: Quạt công nghiệp 0,25kw

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Tên Vật liệu	TK ĐỐI ứng	Thành tiền	
				Nợ	Có
PXK26	15/5	Thép tấm	152	5.796.000	
PXK27	18/5	Sơn màu	152	476.004	
PXK28	20/5	Động cơ 0,25kw	152	21.600.000	
PXK29	20/5	Bu lông, ốc vít	152	336.000	
PXK30	20/5	Máy ơ	152	3.460.000	
PXK30	20/5	Nam cánh	152	1.216.000	
PXK30	20/5	Đĩa cánh	152	7.075.320	
		Kết chuyển toàn bộ chi phí nguyên vật liệu sang TK 154			39.959.324
		Tổng		39.959.324	39.959.324

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng)

Đơn Vị: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng
Bộ Phận:

Mẫu: S03b – DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính

SỔ CÁI TK 621

tháng 05 năm 2015

Tên tài khoản: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	NKC		TK Đối ứng	Số tiền	
	Số	Ngày		Trang sổ	TTD		Nợ	Có
			SDDK					
			Số phát sinh					
29/5	PXK 31	29/5	Xuất vật liệu để sản xuất quạt công nghiệp 0,25kw			152	39.959.324	
			Cộng phát sinh				39.959.324	
			SDCK					39.959.324

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng)

3.4.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp của công ty bao gồm: Tiền lương chính, tiền làm thêm giờ, phụ cấp và các khoản trích theo lương của công nhân trực tiếp sản xuất tại phân xưởng.

Chi phí nhân công trực tiếp là một bộ phận cấu thành nên giá thành sản phẩm. Do đó việc tính toán, hạch toán đầy đủ, chính xác và hợp lý cũng như việc trả và thanh toán lương kịp thời, chính xác cho người lao động có ý nghĩa lớn trong vấn đề quản lý lao động, quản lý tiền lương cũng như việc khuyến khích người lao động. Tiến tới quản lý tốt chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận, cải thiện đời sống cho cán bộ công nhân viên của công ty.

Công ty có hai hình thức trả lương, đó là trả lương theo thời gian và trả lương theo sản phẩm. Để trả lương cho công nhân, công ty tiến hành xây dựng: mức lương khoán cho một sản phẩm; tiền lương theo thời gian như sau:

- Tiền lương thời gian cũng được xây dựng trên cơ sở bậc lương và được quy định trên bảng đơn giá tiền lương áp dụng cho toàn doanh nghiệp. Nó được tính trên mức lương cơ bản của từng công nhân.

Cách tính lương theo thời gian:

Tiền lương thực tế phải trả trong tháng = Mức tiền lương theo ngày x Số ngày làm việc thực tế + Phụ cấp (Nếu có)

Ví dụ: Anh Nguyễn Văn Thuận Trong tháng 5/2015, Anh đi làm được 24 ngày công và với mức lương một ngày công là: 180.000đ/ngày.

Tiền lương thực tế của anh Thuận = 180.000 x 24 = 4.320.000 đồng

Ngoài tiền lương chính công nhân cũng được nhận thêm tiền ăn ca. Trong các ngày nghỉ phép hoặc hội họp, học tập, công nhân cũng được trả lương

theo thời gian (ngày công nhật).

Cách tính lương theo sản phẩm:

Tiền lương thực tế phải trả trong tháng = Khối lượng công việc hoàn thành x Đơn giá

Ví dụ: Ông Nguyễn Văn Nam là công nhân lắp đặt, khối lượng công việc hoàn thành là 210 kg, đơn giá một sản phẩm là 9,000 đồng. Vậy số tiền lương ông nhận được là:

Tiền lương thực tế = 420 x 9.000 = 3.780.000 (đồng).

Tiêu chuẩn sử dụng để phân bổ chi phí nhân công trực tiếp là: Khối lượng sản phẩm hoàn thành và đơn giá tiền lương (theo định mức).

Đơn giá tiền lương theo sản phẩm

Chứng từ kế toán:

Để hạch toán chi phí nhân công trực tiếp hàng tháng kế toán căn cứ vào các chứng từ như: Bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương...

Quy trình luân chuyển chứng từ:

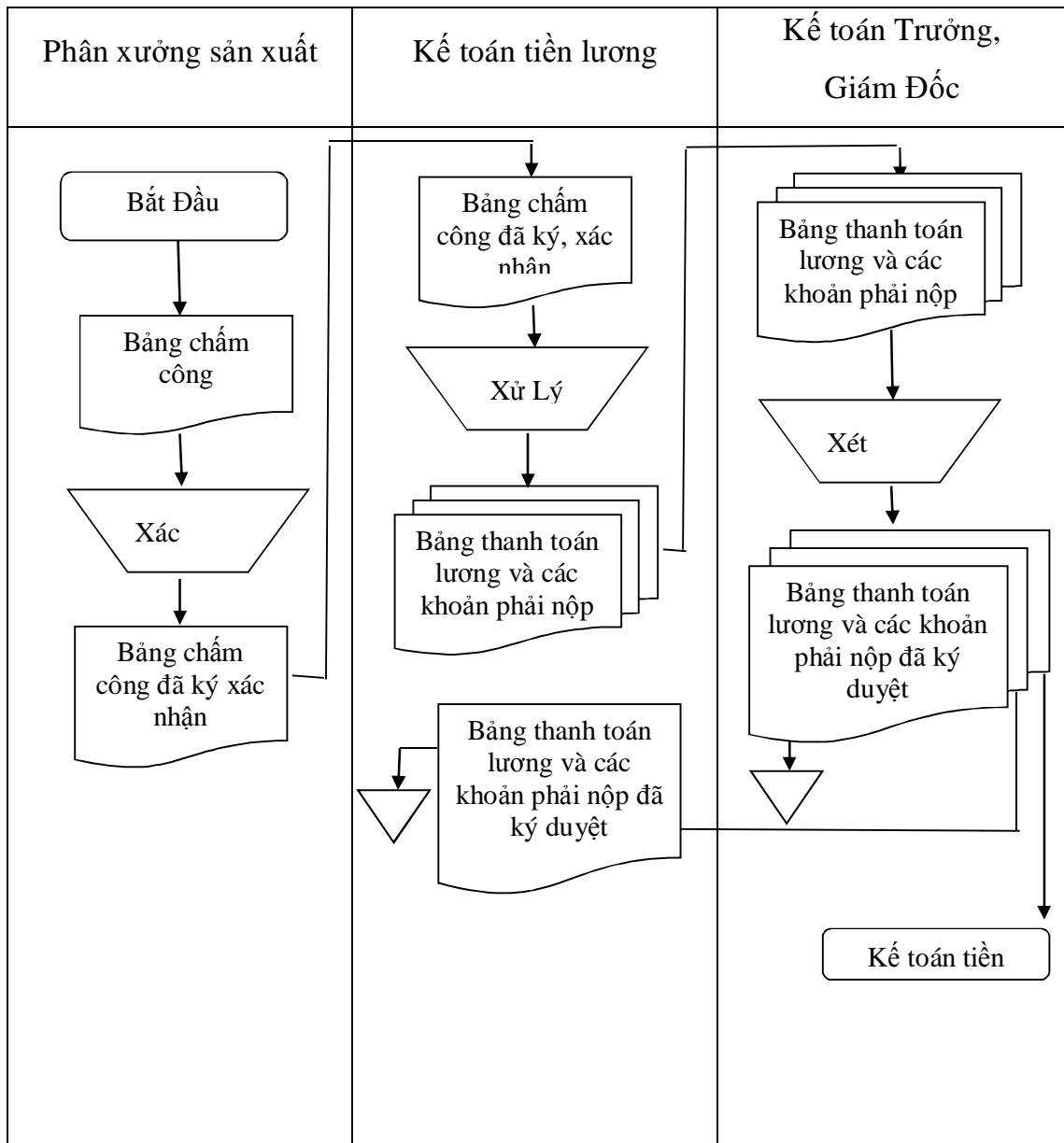
Ở phân xưởng, căn cứ vào bảng chấm công do nhân viên quản lý phân xưởng (quản đốc phân xưởng) ghi chép và theo dõi ngày công thực tế làm việc, ngày nghỉ việc, ngừng việc, là thêm ca ... để tính lương, BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN cho từng người ở phân xưởng. Cuối tháng quản đốc phân xưởng ký vào bảng chấm công và biên bản quyết toán khối lượng sản phẩm hoàn thành để tính toán lương của từng người trong phân xưởng. (Vì khối lượng hoàn thành của toàn bộ phân xưởng không chia tách được khối lượng hoàn thành cho từng người nên phải căn cứ vào bảng chấm công để phân chia lương cho từng thành viên trong phân xưởng).

Cuối tháng, dựa vào bảng chấm công đã được ký, xác nhận sẽ được chuyển lên cho kế toán tiền lương quản đốc phân xưởng chuyển lên phòng kế toán của công ty.

Kế toán tiền lương kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của chứng từ sẽ tiến hành định mức đơn giá tiền lương cho từng phân xưởng, lập bảng thanh toán

lượng các khoản trích theo lương và các khoản phải nộp khác thành 3 liên. Sau đó chuyển lên cho Kế toán trưởng và Giám Đốc.

Kế toán trưởng và Giám Đốc sau khi nhận được bảng thanh toán lương và các khoản phải nộp xét duyệt và ký nhận. Liên 1 lưu tại bộ phận, liên 2 chuyển cho kế toán tiền lương lưu, liên 3 chuyển cho kế toán tiền mặt thực hiện chi lương.



Sơ đồ 3.5. Quy trình luân chuyển chứng từ nhân công trực tiếp

Tài khoản và vận dụng tài khoản kế toán.

Để theo dõi các khoản chi phí nhân công trực tiếp, kế toán sử dụng tài khoản 622 “Chi phí nhân công trực tiếp”. Tài khoản này cũng được sử dụng chung cho các phân xưởng mà không mở chi tiết đến tài khoản cấp 2.

Ngoài ra công ty còn sử dụng Tk 338: Các khoản trích theo lương

Các nhân viên chính thức của doanh nghiệp sẽ được trích nộp các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ. Các khoản này được trích trên lương của người lao động theo tỷ lệ quy định của hiện hành của nhà nước. Theo quy định của nhà nước hiện nay thì tỷ lệ doanh nghiệp có nghĩa vụ đóng cho người lao động và được tính vào chi phí được trừ của doanh nghiệp như sau:

Số tiền đóng BHXH phải trích = 18% x Tổng tiền lương tháng đóng BHXH theo quy định.

Số tiền đóng BHYT phải trích = 3% x Tổng tiền lương tháng đóng BHXH theo quy định.

Số tiền đóng BHTN phải trích = 1% x Tổng tiền lương tháng đóng BHXH theo quy định

Số tiền đóng KPCĐ phải trích = 2% x Tổng tiền lương tháng đóng BHXH theo quy định.

Các khoản trích này là cơ sở dữ liệu để lập bảng tổng hợp tiền lương bảng phân bổ tiền lương và BHXH

Trên cơ sở số liệu này, kế toán tập hợp chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương cho công nhân sản xuất theo từng phân xưởng sản xuất. Tuy vậy tài khoản 622 lại không mở chi tiết cho từng phân xưởng mà tập hợp chung toàn phân xưởng. Từ các chứng từ ban đầu, kế toán lên sổ nhật ký chung cái TK 622

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng

ĐƠN GIÁ TIỀN LƯƠNG SẢN PHẨM

Tháng 05 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

Chủng loại	Đơn vị tính	Đơn giá
Lắp ráp	Kg	900
Vỏ hoàn thành	Sản phẩm	3.000
Cánh hoàn thành	Sản phẩm	10.000
Sọc then các loại	Kg	3.929
Thép hoàn thành	Kg	3.000

(Nguồn: Phòng Kế toán – Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng)

Công Ty TNHH Sản Xuất và Thương mại An Hưng

BẢNG CHẤM CÔNG

Tháng 05 năm 2015

Xưởng sản xuất

TT	Họ và tên	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
1	Nguyễn Duy Quang	+	+	0	+	+	+	+	+	+	0	+	+	+	+	+	0	+	+	+	+	+	+	0	+	+	+	+	+	+	0	
7	Nguyễn Thị Vy	+	+	0	+	+	+	+	+	+	0	+	+	0	+	+	+	0	+	+	+	+	+	+	0	+	+	+	+	+	+	0
8	Nguyễn Thị luận	+	+	0	+	+	+	+	+	0	0	+	+	+	+	+	0	+	+	+	+	+	+	+	0	+	+	+	+	+	+	0
9	Nguyễn Văn Thuận	+	+	0	0	+	+	+	+	+	0	0	+	+	+	+	+	0	+	+	+	+	+	+	0	+	+	+	+	+	0	

Ngày 31 tháng 05 năm 2015

Người Chấm công
(Đã ký)

Quản lý phân xưởng
(Đã ký)

Đơn vị: CT TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng
Địa chỉ:

Mẫu số: 02- LĐTL
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG
CÔNG NHÂN TRỰC TIẾP SẢN XUẤT QUẠT 0,25KW
Tháng 5/2015

Đơn vị tính: Đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương thời gian			Lương sản phẩm			Tổng số
			Số công	Lương ngày công	Số tiền	Số sản phẩm (Kg)	Lương sản phẩm	Số tiền	
1	Nguyễn Duy Quang	Thợ chính	26	200.000	5.200.000				5.200.000
2	Nguyễn Thị Luận	Thợ phụ	25	180.000	4.500.000				4.500.000
3	Nguyễn Thị Vy	Thợ phụ	25	180.000	4.500.000				4.500.000
4	Nguyễn Văn Thuận	Thợ phụ	23	180.000	4.140.000				4.140.000
....		...							
8	Nguyễn Văn An	Công nhân lắp đặt				3.500	900	3.150.000	3.150.000
	Cộng								21.490.000

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng)

Đơn vị: CT TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng
Địa chỉ:

Mẫu số: 11- LĐTL
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI

Tháng 5/2015

Đơn vị tính: Đồng

STT		Tk 334 Phải trả người lao động			TK 338 Phải trả, phải nộp khác				TK 335	Tổng cộng
		Lương	Các khoản khác	Tổng Có 334	KPCĐ	BHXH	BHYT	Cộng Có 338		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	TK 622 – Chi phí nhân công trực tiếp	21.490.000		21.490.000	429.800	3.868.200	644.700	4.942.700		26.432.700
	Công nhân trực tiếp Sản phẩm quạt 0,25kw	21.490.000		21.490.000	429.800	3.868.200	644.700	4.942.700		
2	TK 627 – Chi phí sản xuất chung	7.000.000		7.000.000	140.000	126.000	210.000	476.000		7.476.000
	Quản lý phân xưởng	7.000.000		7.000.000	140.000	126.000	210.000	476.000		
	Cộng			28.490.000				5.418.700		33.908.700

Ngày 31 tháng 05 năm 2015

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng)

Đơn Vị: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng
 Bộ Phận:

Mẫu: S03a – DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 05 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	Đã ghi sổ Cái	Số TT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
15/5	PXK26	15/5	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp			621	5.796.000	
			Xuất thép tấm để sản xuất			152		5.796.000
...
18/5	PXK27	18/5	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp			621	476.004	
			Xuất sơn màu để sản xuất			152		476.004
...
31/5	800	31/5	Chi phí Sản xuất kinh doanh dở dang			154	39.959.324	
			Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp			621		39.959.324
31/5	810	31/5	Chi phí Sản xuất kinh doanh dở dang			154	26.432.700	

			Chi phí nhân công trực tiếp			622		26.432.700
31/5	811	31/5	Chi phí Sản xuất kinh doanh dở dang			154	14.413.000	
			Chi phí sản xuất chung			627		14.413.000
....
			Tổng cộng				432.000.000	432.000.000

Sổ này cótrang, đánh từ trang 01 đến.....trang

Ngày mở sổ.....

Người lập
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 05 năm 2015

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng)

Đơn Vị: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng
Bộ Phận:

Mẫu: S03b – DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính

SỔ CÁI TK 622

tháng 05 năm 2015

Tên tài khoản: Chi phí nhân công trực tiếp

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn Giải	NKC		TK Đối ứng	Số tiền	
	Số	Ngày		Trang số	TTD		Nợ	Có
			SDDK					
			Số phát sinh					
31/05	678	31/05	Lương của công nhân trực tiếp sản xuất			334	21.490.000	
31/05	680	31/05	Các khoản phải nộp, phải trả			338	4.492.700	
			Cộng phát sinh				26.432.700	
			SDCK					26.432.700

Sổ này cótrang, đánh từ trang 01 đến.....trang

Ngày mở sổ.....

Ngày 31 tháng 05 năm 2015

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng)

3.4.3. Kế toán chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung phát sinh tại Công ty bao gồm nhiều loại: khấu hao nhà xưởng, máy móc thiết bị; lương cho nhân viên phân xưởng; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác bằng tiền.

Theo kết quả điều tra thì trong chi phí sản xuất chung, chi phí khấu hao tài sản cố định chiếm tỉ trọng nhỏ bằng 1/3 so với chi phí dịch vụ mua ngoài. Tỉ trọng chi phí sản xuất chung so với chi phí nguyên vật liệu rất ít chỉ khoảng bằng 1/4. Điều này cho thấy trong Công ty, chi phí sản xuất phát sinh chủ yếu là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Tuy nhiên, theo định hướng phát triển của Công ty trong tương lai, thì xu hướng chi phí khấu hao tài sản cố định sẽ ngày càng tăng do Công ty đầu tư mua sắm thêm trang thiết bị hiện đại.

Đối với chi phí nhân viên phân xưởng thì căn cứ vào bảng thanh toán lương của bộ phận nhân viên quản lý phân xưởng, nhân viên kỹ thuật... ở phân xưởng sản xuất. Tiền lương của nhân viên phân xưởng cũng áp dụng theo hình thức trả lương theo sản phẩm. Cách tính lương của nhân viên phân xưởng được tính toán tương tự như trả lương cho công nhân trực tiếp sản xuất.

Chi phí vật liệu: phản ánh các chi phí vật liệu sử dụng để sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ, dùng cho quản lý chung ở các phân xưởng. Cách tập hợp cũng được tính toán căn cứ vào quyết toán hàng tháng của phân xưởng cơ khí, phân xưởng sơn, phân xưởng lắp ráp.

Chi phí dụng cụ sản xuất: là những loại chi phí dùng chung cho phân xưởng như khuôn mẫu, dụng cụ cầm tay. Loại chi phí này thường chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng chi phí sản xuất.

Chi phí vật liệu và chi phí dụng cụ sản xuất, có loại đã nằm trong định mức ở mục chi phí sửa chữa nhỏ của phân xưởng, nhưng có những loại nằm ngoài định mức thì công ty sẽ kế toán đưa thẳng vào chi phí sản xuất chung của công ty. Nếu là chi phí phát sinh trong sản xuất nhưng ngoài định mức thì thủ tục kế toán các khoản chi phí cũng tương tự như quy trình nhập, xuất nguyên nhiên vật liệu. Kế toán sẽ nhập kho và xuất kho báo nợ tài khoản chi phí.

Đối với chi phí khấu hao TSCĐ: Công ty sử dụng phương pháp khấu hao là phương pháp khấu hao theo đường thẳng. Theo nguyên tắc tính khấu hao là tròn tháng. Căn cứ vào nguyên giá tài sản, năm sử dụng, tỉ lệ khấu hao, kế toán lập bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc : 6 – 35 năm

Máy móc, thiết bị: 5 – 10 năm

Phương tiện vận tải: 8 – 10 năm

Thiết bị dụng cụ quản lý: 5 – 6 năm

Tài sản cố định vô hình: 5 năm

TSCĐ trích khấu hao trong kỳ bao gồm cả TSCĐ chưa trích khấu hao hết từ kỳ trước chuyển sang và các TSCĐ tăng trong kỳ.

Mức tính khấu tháng = Nguyên giá/ Số năm sử dụng/ 12 tháng

Căn cứ vào Bảng tính khấu hao TSCĐ hàng tháng, chi tiết cho từng loại chi phí kế toán tiến hành kế toán khấu hao tài sản.

Bảng tính khấu hao TSCĐ

Việc tính chi phí khấu hao theo phương pháp đường thẳng tuy đơn giản, dễ tính toán nhưng không phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị. Do

công ty là đơn vị sản xuất nên sản phẩm sản xuất chủ yếu dựa vào dây chuyền công nghệ. Do đó độ hao mòn của máy móc thiết bị là khác nhau nếu công suất sử dụng là khác nhau. Nên nếu sử dụng phương pháp tính khấu hao theo đường thẳng đối với máy móc thiết bị không phù hợp.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định cũng được tiến hành trích trước và đưa vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn. Khi phát sinh các chi phí sửa chữa thực tế sẽ kết chuyển vào các tài khoản chi phí sản xuất chung.

Đối với chi phí thiệt hại về sản phẩm hỏng, ngừng sản xuất: Sản phẩm hỏng là sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng. Thiệt hại ngừng sản xuất là những chi phí để duy trì hoạt động của doanh nghiệp do nguyên nhân khách quan hoặc chủ quan mà doanh nghiệp không thể tiến hành sản xuất kinh doanh bình thường. Hiện nay, công ty không phân biệt chi phí thiệt hại trong định mức và chi phí thiệt hại ngoài định mức để kế toán vào các tài khoản theo quy định. Mà công ty kế toán toàn bộ chi phí về thiệt hại vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để tính giá thành.

Chi phí dịch vụ mua ngoài: là các loại lao vụ, dịch vụ mua ngoài để phục vụ cho hoạt động chung ở phân xưởng như tiền điện, tiền nước, chi phí bốc xếp...

Chi phí dịch vụ mua ngoài, có loại đã nằm trong định mức ở mục chi phí nhiên liệu động lực của phân xưởng, nhưng có những loại nằm ngoài định mức thì công ty sẽ kế toán đưa thẳng vào chi phí sản xuất chung của công ty. Nếu là chi phí phát sinh trong sản xuất ngoài định mức thì thủ tục kế toán các khoản chi phí cũng tuân theo quy trình thanh toán của các loại chi phí khác. Kế toán sẽ kế toán báo nợ tài khoản chi phí.

Chi phí khác bằng tiền: là các khoản chi phí nằm ngoài các khoản chi phí kể trên như chi phí tiếp khách, hội nghị tổng kết phân xưởng... thì thủ

tục kế toán và thanh toán các khoản chi phí này cũng tuân theo quy trình thanh toán như các loại chi phí khác. Kế toán sẽ kế toán báo nợ tài khoản chi phí.

Chứng từ kế toán

Các chứng từ sử dụng trong kế toán chi phí sản xuất chung gồm: Bảng chấm công, bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội, bảng thanh toán lương, bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định, phiếu chi....

Tài khoản sử dụng

Tài khoản sử dụng trong kế toán chi phí sản xuất chung, kế toán sử dụng TK 627: Chi phí sản xuất chung. Tài khoản này được chi tiết theo từng yếu tố chi phí, bao gồm:

- + TK 6271: Chi phí nhân công
- + TK 6272: Chi phí vật liệu
- + TK 6273: Chi phí dụng cụ
- + TK 6274: Chi phí khấu hao tài sản cố định
- + TK 6277: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6278: Chi phí bằng tiền khác

Từ các chứng từ ban đầu, kế toán sẽ tập hợp và vào sổ các chi phí sản xuất chung phát sinh theo yếu tố chi phí: Sổ chi tiết TK 6271, 6272, 6273, 6274, 6277, 6278, Sổ cái TK 6271, 6272, 6273, 6274, 6277, 6278

Sổ Cái TK 627 (bao gồm cả tài khoản cấp 2)

Đơn Vị: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng

Bộ Phận:

BẢNG TÍNH KHẤU HAO TSCĐ

Tháng 05 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

TT	TSCĐ	Nguyên Giá	Ngày sử dụng	Số tháng trích khấu hao	Giá trị khấu hao 1 tháng	Đã trích khấu hao	Trích khấu hao kỳ này	Còn lại cuối kỳ
1	Máy cắt kim loại	81.000.000	01/07/2014	48	1.687.500	6.750.000	1.687.500	72.562.500
2	Bộ khuôn	65.000.000	31/12/2013	48	1.354.166	21.666.656		43.333.344
3	Máy đúc khuôn	250.000.000	31/12/2013	48	5.208.333	83.333.328		166.666.672
4	Máy cân bằng động	60.000.000	31/12/2013	48	1.250.000	20.000.000	1.250.000	38.750.000
	Tổng cộng	456.000.000			9.319.999	131.749.984	2.937.500	321.312.516

Ngày 31 tháng 05 năm 2015

Người lập
(Ký, họ và tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ và tên)

Giám đốc
(Ký, họ và tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng)

Đơn Vị: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng
 Bộ Phận:

Mẫu: S38 – DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính

SỔ CÁI TK 627

Tháng 05 năm 2015

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất chung

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	NKC		TK ĐỐI ỨNG	Số tiền	
	Số	Ngày		Trang	TTD		Nợ	Có
			SDDK					
			Số phát sinh					
31/05	712	31/05	Lương của quản lý phân xưởng			334	7.000.000	
31/05	713	31/05	Các khoản phải nộp, phải trả			338	476.000	
....
31/05		31/05	Chi phí khấu hao máy móc			214	2.937.000	
31/05		31/05	Dịch vụ mua ngoài: điện, nước			111	2.000.000	
			Cộng phát sinh				14.413.000	
			SDCK					

Sổ này cótrang, đánh từ trang 01 đến.....trang

Ngày mở sổ.....

Người lập
 (ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 05 năm 2015

Kế toán trưởng
 (ký, họ tên)

Đơn Vị: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng
Bộ Phận:

Mẫu: S38 – DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính

SỔ CÁI TK 627

Tháng 05 năm 2015

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất chung

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	NKC		TK Đối ứng	Số tiền	
	Số	Ngày		Trang	TTD		Nợ	Có
			SDDK					
			Số phát sinh					
31/05	712	31/05	Lương của quản lý phân xưởng			334	7.000.000	
31/05	713	31/05	Các khoản phải nộp, phải trả			338	476.000	
....
31/05		31/05	Chi phí khấu hao máy móc			214	2.937.000	
31/05		31/05	Dịch vụ mua ngoài: điện, nước			111	2.000.000	
			Cộng phát sinh				14.413.000	
			SDCK					

Sổ này cótrang, đánh từ trang 01 đến.....trang

Ngày mở sổ.....

Ngày 31 tháng 05 năm 2015

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng)

3.4.4. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất, kiểm kê và đánh giá SPDD

3.4.4.1. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất

Cuối kỳ kế toán, sau khi đã tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung trên các tài khoản 621, 622, 627, kế toán sẽ tiến hành kết chuyển các loại chi phí này để tập hợp toàn bộ chi phí sản xuất cho đối tượng chịu chi phí. Công ty sử dụng TK 154 để tập hợp chi phí sản xuất trong kỳ.

Trên chứng từ này đã thể hiện tất cả các khoản chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất quạt công nghiệp 0,25kw. Sau khi cập nhật xong chứng từ này thì kế toán tiến hành vào các sổ như: Sổ cái và sổ chi tiết các tài khoản 621, 622, 627, 154. Trích sổ Cái TK 154

3.4.4.2. Kiểm kê và đánh giá sản phẩm dở dang

Để tính giá thành sản phẩm, Công ty tiến hành kiểm kê và đánh giá sản phẩm dở dang. Hơn nữa, các thông tin về sản phẩm dở dang không những ảnh hưởng đến giá trị hàng tồn kho trên bảng cân đối kế toán mà còn ảnh hưởng đến lợi nhuận trên báo cáo tài chính. Vì vậy, đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ có ý nghĩa rất quan trọng đối với doanh nghiệp.

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng tiến hành đánh giá sản phẩm dở dang vào cuối kỳ kế toán, đó cũng chính là thời điểm tính giá thành sản phẩm.

Tuy nhiên Trong tháng 05 toàn bộ các phân xưởng đều không có sản phẩm dở dang, toàn bộ chi phí sử dụng hết để tạo ra sản phẩm cuối cùng là quạt công nghiệp 0,25kw để xuất cho đơn đặt hàng của khách từ đầu tháng

Đơn Vị: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng
Bộ Phận:

Mẫu: S38 – DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT BTC ngày
22/12/2014 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính

SỔ CÁI TK 154

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Tháng 05 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ	Tên Vật liệu	TK Đối ứng	Thành tiền	
			Nợ	Có
31/05	Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	621	39.959.324	
31/05	Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp	622	26.432.700	
31/05	Kết chuyển chi phí sản xuất chung	627	14.413.000	
	Tổng		80.805.024	80.805.024

Sổ này cótrang, đánh từ trang 01 đến.....trang

Ngày mở sổ.....

Ngày 31 tháng 05 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng)

3.5. Tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng

Do quy trình công nghệ sản xuất liên tục, khép kín, đối tượng tính giá thành là sản phẩm hoàn thành ở giai đoạn cuối cùng nên Công ty đã áp dụng phương pháp tính giá thành giản đơn.

Quy trình tính giá thành: Căn cứ vào sản phẩm dở dang đầu kỳ, chi phí sản xuất tập hợp được trong kỳ, sản lượng hoàn thành trong kỳ, chi phí sản phẩm dở dang cuối kỳ.

Phương pháp tính giá thành:

$$\begin{array}{rcccc} \text{Tổng giá thành} & & \text{Chi phí sản xuất} & & \text{Chi phí} & & \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{sản xuất sản phẩm} & = & \text{dở dang} & + & \text{sản xuất} & - & \text{dở dang} \\ \text{Quạt cây công} & & \text{đầu kỳ} & & \text{P/s trong kỳ} & & \text{cuối kỳ} \\ \text{nghiệp} & & & & & & \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Tổng giá thành} \\ \text{Giá thành đơn vị} \end{array} = \frac{\text{Tổng giá thành sản xuất sản phẩm quạt công nghiệp}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành}}$$

Bảng tính giá thành sản phẩm quạt công nghiệp 0,25kw

Việc tính giá thành chính xác sẽ giúp doanh nghiệp có kế hoạch, định hướng đúng đắn trong chiến lược kinh doanh. Giá thành sản phẩm sản xuất ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Vì giá thành thấp thì chi phí vốn của hàng bán thấp thì khả năng lợi nhuận của doanh nghiệp đạt được mới có thể cao và có thể cạnh tranh với các đơn vị khác được. Như vậy việc lựa chọn phương pháp tính giá cần phải phù hợp với hoạt động sản xuất của đơn vị và điều kiện thị trường

BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH

Sản Phẩm Quạt công nghiệp 0,25kw

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Giá trị dở đang đầu kỳ	Phát sinh	Giá trị dở đang cuối kỳ	Giá thành	Giá thành đơn vị
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	0	39.959.324	0		
Chi phí nhân công trực tiếp	0	26.432.700	0		
Chi phí sản xuất chung	0	16.413.000	0		
Tổng Giá thành	0	80.805.024	0	80.805.024	1.616.100

Ngày 31 tháng 05 năm 2015

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng)

3.6. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng dưới góc độ kế toán quản trị

Hiện nay, công tác kế toán quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty mới chỉ thực hiện được nội dung về xây dựng định mức còn các nội dung khác công ty chưa được quan tâm và thực hiện.

Công ty đã tiến hành xây dựng định mức cho các loại chi phí sản xuất cụ thể như sau:

Đối với chi phí nguyên vật liệu: Được công ty xây dựng thông qua định mức lượng nguyên vật liệu trực tiếp và định mức giá nguyên vật liệu trực tiếp.

Đối với chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung: Công ty cũng tiến hành xây dựng định mức theo từng dạng sản phẩm, tuy nhiên căn cứ để xây dựng các loại định mức này chỉ là dựa trên số liệu thống kê và kinh nghiệm thực tế chủ quan của các nhà quản trị.

Đây chính là căn cứ để tiến hành chuẩn bị các yếu tố đầu vào phục vụ cho sản xuất sản phẩm và nó được so sánh với chi phí thực tế để đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu chi phí, giá thành của sản phẩm sản xuất.

CHƯƠNG 4

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI AN HƯNG

4.1. Thành tựu và hạn chế kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng

4.1.1. Thành tựu

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng, là một đơn vị hạch toán kế toán độc lập, có hệ thống sổ sách kế toán riêng, có tài khoản tiền gửi. Trong quá trình hoạt động công ty không ngừng phấn đấu mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao trình độ quản lý, trình độ chuyên môn, kỹ thuật của cán bộ công nhân viên, hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, nhằm giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, ngày càng tăng khối lượng sản phẩm quạt công nghiệp của công ty cung cấp cho thị trường.

Về tổ chức bộ máy kế toán: Được tổ chức gọn nhẹ, chặt chẽ từ trên xuống dưới, có sự phối hợp đồng bộ giữa các đơn vị thành viên trong nội bộ doanh nghiệp nhằm đảm bảo việc phân công công tác hạch toán các phần hành kế toán một cách khoa học.

Công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng được thực hiện một cách có nề nếp, đảm bảo cung cấp thông tin về chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm cho ban lãnh đạo công ty, giúp cho các nhà quản lý có những quyết định đúng đắn kịp thời trong việc chỉ đạo sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Về cơ bản hệ thống kế toán nói chung, phần hành kế toán chi phí sản

xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng đã tuân thủ theo đúng quy định về công tác kế toán của nhà nước. Việc kế toán được thực hiện đúng quyết định 15/2006/QĐ-CP, và thông tư 200/2014/TT-BTC.

Về Chứng từ ban đầu được tổ chức hợp lý, hợp pháp, hợp lệ. Quá trình luân chuyển chứng từ đúng và hợp lý, được thực hiện khá quy củ, tuân thủ quy định của Luật kế toán. Những thông tin về các nghiệp vụ kế toán được phản ánh đầy đủ trung thực hợp lý trên các chứng từ. Chứng từ ban đầu được tập hợp theo từng phần hành kế toán được bảo quản và lưu trữ một cách khoa học đảm bảo dễ tìm, dễ kiểm tra.

Về phân loại chi phí sản xuất: CPSX được phân loại theo khoản mục chi phí, trong khoản mục chi phí lại phân thành các yếu tố sản xuất: Chi phí NVL trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí KHTSCĐ... Việc phân loại này đáp ứng được nhu cầu cung cấp thông tin phục vụ kế toán tài chính. Là cơ sở để xác định các chỉ tiêu quan trọng trên báo cáo tài chính.

Chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành quạt công nghiệp của Công ty do đó việc sử dụng hợp lý, tiết kiệm nguyên vật liệu trên cơ sở các định mức kỹ thuật và dự toán chi phí có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong mục tiêu hạ giá thành sản phẩm. Việc xuất dùng nguyên vật liệu cho sản xuất sản phẩm thường theo các định mức do phòng kỹ thuật quản lý, xây dựng dựa trên kinh nghiệm. Quá trình thu mua nguyên vật liệu dựa trên kế hoạch sản xuất sản phẩm và quá trình xuất kho nguyên vật liệu dựa trên định mức đã giúp công ty tránh được tình trạng ứ đọng vốn do dự trữ quá nhiều và tránh lãng phí trong quá trình sản xuất sản phẩm.

Với cách trả lương theo sản phẩm đối với công nhân trực tiếp sản xuất đã tạo được động lực trong lao động sản xuất, kích thích người lao động làm việc ở những vị trí phức tạp, có nhiều đóng góp hơn nữa cho Công ty, góp phần thực hiện quy chế dân chủ từ các đơn vị đến Công ty ngày càng tốt

hơn. Hơn nữa, việc áp dụng hình thức trả lương phù hợp với từng đối tượng lao động đã góp phần quan trọng trong việc huy động và sử dụng hiệu quả lao động, từ đó tiết kiệm hợp lý về lao động sống trong chi phí sản xuất kinh doanh, góp phần hạ giá thành sản phẩm, đẩy mạnh lợi nhuận.

Mức lương và các khoản trích theo lương do Nhà nước quy định có thay đổi nhưng công ty đã cập nhật kịp thời và hạch toán theo đúng chế độ quy định.

Trong quy trình sản xuất công ty đã xây dựng định mức chi phí cho từng phân xưởng theo từng công đoạn sản xuất, nâng cao trách nhiệm quản lý và sử dụng nguyên vật liệu cho từng phân xưởng tương đối hợp lý từ đó góp phần giảm chi phí sản xuất, giúp cho việc hạ giá thành sản phẩm tạo điều kiện cho sản phẩm của công ty có thể cạnh tranh với các sản phẩm khác trên thị trường.

Công ty xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất theo từng phân xưởng, đối tượng tính giá thành là chiếc quạt công nghiệp 0,25kw cách xác định này là rất hợp lý, phần nào giúp cho các nhà quản lý quản lý tốt kết quả làm việc của từng phân xưởng, từ đó có thể xác định được phân xưởng nào tiết kiệm hay lãng phí chi phí sản xuất làm ảnh hưởng tới giá thành sản phẩm. Đồng thời các nhà quản lý có thể biết được các nhân tố ảnh hưởng tích cực tới việc hạ giá thành để tìm cách khuyến khích phát huy, nhân tố nào làm tăng giá thành sản phẩm để có các biện pháp khắc phục hợp lý.

Với hệ thống tài khoản hoàn chỉnh rất phù hợp và thuận tiện trong việc quản lý và cập nhật thông tin của công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng.

Trong điều kiện thực tế của công tác kế toán hiện nay, việc áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung là rất phù hợp để phản ánh hoạt động sản

xuất kinh doanh. Với đặc điểm đa dạng, phức tạp, với yêu cầu cao của việc quản lý sử dụng vật tư, tài sản và tiền vốn thì các bảng kê, nhật ký chung, các bảng phân bổ là thích hợp nhất để theo dõi và cung cấp số liệu về tình hình tài sản, sự vận động của tài sản. Hệ thống sổ sách kế toán đồng bộ, khá đầy đủ theo đúng quy định của Bộ tài chính, luôn có sự giúp đỡ tư vấn từ các cơ quan chức năng như kiểm toán về các lĩnh vực tài chính có liên quan nên việc ghi chép, nghiên cứu đều có hệ thống và theo đúng pháp luật. Quá trình luân chuyển chứng từ, sổ sách giữa phòng kế toán với các bộ phận liên quan được tổ chức nhịp nhàng, quy củ tạo điều kiện thuận lợi cho kế toán thực hiện chức năng giám sát, đặc biệt là cho việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Công ty đã áp dụng được hệ thống máy vi tính vào trong công tác hạch toán kế toán do đó các số liệu kế toán được cập nhật thường xuyên, tránh được nhầm lẫn trong tính toán giúp cho việc tập hợp chi phí một cách nhanh chóng và chính xác đáp ứng được yêu cầu của công tác hạch toán kế toán.

Công ty áp dụng phần mềm SEASOFT của công ty TNHH phần mềm kế toán. Đây là phần mềm được thiết kế để phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty nên thuận tiện cho kế toán trong quá trình thu thập xử lý và cung cấp thông tin.

Như vậy về cơ bản, kế toán CPSX và tính giá thành tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng đã đáp ứng được yêu cầu của kế toán tài chính.

4.1.2. Hạn chế của công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An dưới góc độ tài chính

** Về dây chuyền sản xuất*

Do từ khi thành lập công ty đến nay dây chuyền công nghệ sản xuất của công ty chỉ được sửa chữa và khắc phục nên dẫn đến chất lượng của dây chuyền thấp, năng suất lao động không cao. Vì vậy mà chất lượng sản phẩm chưa thật tốt nên sản phẩm chưa có được chỗ đứng trên thị trường. Mặt khác công nghệ sơn còn chưa hiện đại và gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

** Về hệ thống tài khoản*

Công ty xác định đối tượng tập hợp chi phí là từng sản phẩm quạt. Tuy nhiên, hệ thống tài khoản chi phí của công ty mới chỉ chi tiết theo khoản mục (khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung) mà không chi tiết theo từng phân xưởng như phân xưởng cơ khí, phân xưởng sơn, phân xưởng lắp ráp thành phẩm... khiến cho việc theo dõi chi phí phát sinh tại từng phân xưởng cũng như việc so sánh giữa giá thành định mức và giá thành thực tế không thực hiện được chi tiết tại phân xưởng. Từ đó gây khó khăn trong việc kiểm soát chi phí, khó phát hiện được yếu tố chi phí nào tăng, giảm bất thường tại từng phân xưởng sản xuất.

** Về xây dựng giá thành định mức*

Giá thành định mức tại công ty xây dựng là giá thành toàn bộ, giá thành này xây dựng riêng cho từng phân xưởng sản xuất và được xây dựng chung cho toàn bộ quá trình sản xuất. Tuy nhiên giá thành định mức này bao gồm chi phí lãi vay (chi phí này thuộc chi phí hoạt động tài chính), và gộp chung chi phí bán hàng vào chi phí quản lý doanh nghiệp điều này làm sai lệch bản chất của giá thành toàn bộ, không đánh giá được sự biến đổi của chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Hơn nữa, giá thành định mức này được xây dựng theo yếu tố chi phí khi kế toán hạch toán chi phí sản xuất lại hạch toán theo khoản mục. Lúc này lại phải mất một công đoạn là bóc tách chi phí theo từng khoản mục, tốn về thời gian và công sức mà đôi khi lại để sót yếu tố chi phí.

Giá thành định mức tại công ty được xây dựng mỗi năm một lần vào cuối năm tài chính điều này không phù hợp với sự biến đổi không ngừng của chi phí đầu vào, hiện nay công ty đang sử dụng giá thành định mức là một công cụ quan trọng để tính giá thành thành phẩm và giá bán trong kỳ do đó nếu giá thành định mức được xây dựng không phù hợp làm ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

** Về hạch toán chi phí sản xuất*

Công ty hạch toán chi phí sản xuất theo định mức mà không tính đến chênh lệch giữa giá trị chênh lệch giữa thực tế với định mức. Làm cho giá trị của các khoản mục chi phí không phản ánh đúng tình hình thực tế.

** Về công tác tính giá thành sản phẩm*

Đối với công tác tính giá thành sản phẩm: công ty áp dụng phương pháp giản đơn để tính giá thành sản phẩm, hiện tại phương pháp này vẫn phù hợp với đặc điểm quy trình công nghệ, tổ chức quản lý và tổ chức kế toán, đơn giản và dễ tính toán. Nhưng phương pháp này lại không chính xác và không thuận tiện cho việc lập kế hoạch hạ giá thành sản phẩm, kế hoạch chi tiêu nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

** Về công tác giảm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm*

Toàn bộ công tác kế toán về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của công ty phụ thuộc hoàn toàn vào phòng kế hoạch, từ việc xây dựng định mức đến việc đánh giá khối lượng thực hiện. Nếu không có biện pháp quản lý chặt chẽ sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới toàn bộ công tác này.

Công ty cần xây dựng một số biện pháp quản lý chung về giảm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm.

4.1.3. Hạn chế của công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An dưới góc độ quản trị

** Bộ máy kế toán làm công tác kế toán quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm*

Bộ máy kế toán làm công tác kế toán quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của công ty hiện nay chưa được quan tâm nhiều như kế toán tài chính, vì vậy mà việc cung cấp thông tin cho nhà quản trị chưa được đảm bảo kịp thời và chính xác. Chính vì lí do đó mà ảnh hưởng rất lớn đến các quyết định đầu tư của ban giám đốc. Đây là mặt hạn chế rất lớn của công ty, vì công tác kế toán chi phí và tính giá thành là rất quan trọng nó ảnh hưởng đến lợi nhuận của công ty. Chính vì vậy mà công ty nên chú trọng quan tâm đến kế toán quản trị hơn để đảm bảo được các thông tin cho nhà quản trị ra quyết định kịp thời.

** Công tác phân loại chi phí theo biến phí và định phí, lập báo cáo quản trị theo yêu cầu của kế toán quản trị*

Do không chú trọng đến kế toán quản trị nên công ty không phân loại chi phí theo biến phí và định phí mà chỉ phân loại và tập hợp chi phí một cách chung chung và theo cảm tính của người làm kế toán. Vì vậy việc lập báo cáo quản trị không cung cấp được thông tin cần thiết cho nhà quản lý ra các quyết định kinh doanh, mà còn làm sai lệch các thông tin kế toán.

** Về lập dự toán*

Trước khi tiến hành sản xuất doanh nghiệp không lập dự toán sản xuất. Trước tình trạng này cho thấy việc sản xuất sản phẩm ban đầu không xác định được mức chi phí vật liệu đầu vào cho lượng hàng cần sản xuất. Vì thế việc xác định lượng vật liệu đầu vào cho quá trình sản xuất không được

khoa học và chính xác, không có căn cứ để quản lý các chi phí đầu vào.

Doanh nghiệp cũng không có kế hoạch thu tiền của khách hàng theo từng tháng, quý là do không lập dự toán thu tiền. Không có kế hoạch thu đã ảnh hưởng tới rất nhiều hoạt động của đơn vị vì không biết lượng tiền hàng vào như thế nào để lập kế hoạch cho các hoạt động đầu tư khác và chưa giúp được nhà quản trị đưa ra được quyết định kinh doanh.

Không nắm bắt được tình hình thị trường và tiềm năng của đơn vị nên việc sản xuất không được đều đặn lúc thừa hàng lúc thiếu hàng, tình trạng này dẫn đến doanh nghiệp mất rất nhiều cơ hội kinh doanh khác khi bán được hàng và mất thêm các khoản chi phí khác như bảo quản lưu kho làm giảm lợi nhuận.

Không xác định được lượng hàng tiêu thụ cho các tháng sau nên đơn vị không có kế hoạch sản xuất chính xác nên quá trình sản xuất không được diễn ra liên tục mà thường xuyên bị gián đoạn. Điều này cho thấy đây là một điểm yếu của đơn vị, để quá trình sản xuất được diễn ra đều đặn thì đơn vị nên lập dự toán tiêu thụ dựa vào các điều kiện của doanh nghiệp và tình hình biến động của thị trường.

4.2. Phương hướng và giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng

4.2.1. Phương hướng hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng

Trong những năm qua, công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng nhận thức rằng đáp ứng nhu cầu về sản phẩm của khách hàng với chất lượng ngày càng cao là điều kiện quyết định sự tồn tại và phát triển của công ty. Với tầm nhìn trở thành doanh nghiệp cung cấp sản phẩm chất lượng tốt

nhất, đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất cho khách hàng, công ty phải có biện pháp phù hợp, có hiệu quả để quản lý chi phí sản xuất và giá thành sản xuất.

Công tác hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành là một tất yếu khách quan trong nền kinh tế thị trường hiện nay. Mặt khác, đặc điểm cũng như điều kiện kinh doanh của mỗi doanh nghiệp là khác nhau, do vậy, mỗi doanh nghiệp cũng phải tự lựa chọn cho mình một mô hình kế toán phù hợp nhất nhằm phát huy tối đa năng lực kinh doanh, đem lại hiệu quả cao nhất. Vì vậy, hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành nói riêng cần đảm bảo nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế quản lý tài chính, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, phù hợp với thông tư, nghị định của Nhà Nước. Việc tổ chức công tác kế toán ở mỗi đơn vị cụ thể được phép vận dụng và cải biến sao cho phù hợp với tình hình của từng đơn vị, không dập khuôn máy móc nhưng cũng chỉ được sáng tạo trong chừng mực nhất định.

- Hoàn thiện phù hợp với yêu cầu quản lý và đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Tùy theo từng ngành nghề, lĩnh vực, quy mô mà doanh nghiệp lựa chọn theo chế độ, quyết định phù hợp với mình. Hoàn thiện công tác kế toán chính vì mục tiêu cuối cùng là nhằm giảm bớt sự phức tạp, giảm bớt khối lượng công việc kế toán nhưng phải đảm bảo phù hợp với chế độ. Hoàn thiện phải phù hợp với đặc trưng của doanh nghiệp đặc biệt là trình độ và năng lực của đội ngũ nhân viên phòng kế toán.

- Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng thông tin một cách kịp thời, chính xác, góp phần làm tăng tính hiệu quả cho công tác quản lý doanh nghiệp. Đặc biệt là các thông tin kế toán nội bộ càng chính xác, kịp thời thì các quyết định quản trị càng khả thi và giúp cho doanh nghiệp bắt kịp được với sự phát triển của nền kinh tế thị trường. Thông tin kế toán có được sau khi đã hoàn thiện phải tốt hơn, chuẩn hơn, đầy đủ hơn so với trước.

- Hoàn thiện phải đảm bảo tính khả thi dựa trên nguyên tắc tiết kiệm mà hiệu quả. Tiết kiệm làm sao để chi phí bỏ ra là thấp mà hiệu quả thu được là cao thì khi đó việc hoàn thiện mới thực sự có kết quả tốt. Ngược lại, để hoàn thiện công tác kế toán mà chi phí bỏ ra quá lớn trong khi đó lợi ích thu lại không đủ bù đắp được thì cũng không khả thi.

4.2.2. Giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng dưới góc độ tài chính.

Hoàn thiện về dây chuyền công nghệ

Công ty sử dụng công nghệ tiên tiến tự động hoá ở mức cao, lựa chọn thiết bị phù hợp nhằm đảm bảo sản xuất sản phẩm đa dạng. Tiết kiệm tối đa nguyên vật liệu và năng lượng trong sản xuất quặng công nghiệp. Đa dạng hoá nguồn nguyên liệu, nhiên liệu cho sản xuất quặng công nghiệp trong đó có sử dụng phế thải, phế liệu của các ngành công nghiệp khác, bảo đảm các chỉ tiêu về chất lượng sản phẩm và bảo vệ môi trường theo tiêu chuẩn quy định. Chuyển đổi công nghệ sơn từ thủ công sang công nghệ tự động hiện đại để đảm bảo vệ sinh môi trường và giảm thiểu chi phí nhân công đây cũng là biện pháp tăng lợi nhuận cho công ty.

Hiện nay trên thị trường nước ngoài như Đức đang có một dây chuyền phun sơn tự động sử dụng công nghệ sơn tĩnh điện tích hợp phương pháp sơn bột và sơn nước.

Dây chuyền sơn được coi là hiện đại đồng bộ nhất hiện nay ở Singapore, bao gồm: hệ thống tiền xử lý, hệ thống sơn nước 3 lớp (sơn lót, sơn bề mặt, sơn bóng), phòng phun sơn bột, hệ thống sấy khô, thiết bị dẫn chuyển, hệ thống điều khiển điện. Đặc biệt hệ thống xử lý nước thải hoàn toàn tự động, Sơn có độ bền cao chống xước, không bị ăn mòn bởi hóa chất thông thường hay tác động của thời tiết. Như vậy Công ty nên tìm hiểu và

ngiên cứu các dây chuyền trên để sử dụng cho việc sản xuất được hiệu quả hơn.

Hoàn thiện về hệ thống tài khoản

Công ty mở sổ chi tiết TK 621, TK 622, TK 627, TK 154 chưa được hợp lý và khoa học, không mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất. Vì vậy tác giả đề xuất công ty nên mở sổ chi tiết đối với từng phân xưởng, ví dụ như đối với khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp có thể mở các sổ chi tiết như:

TK 621: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chi tiết thành:

+ TK 621.1: Phân xưởng cơ khí

+ TK 621.2: Phân xưởng sơn

+ TK 621.3: Phân xưởng lắp ráp

Tương tự như vậy đối với sổ chi tiết TK 622, TK 627 và TK 154.

Khi có nghiệp vụ phát sinh, căn cứ vào các chứng từ gốc như phiếu nhập, phiếu xuất,... tập hợp cho từng phân xưởng, kế toán sẽ phản ánh vào các sổ chi tiết TK tương ứng với từng phân xưởng sản xuất.

Căn cứ vào các sổ chi tiết TK 621, TK 622 và TK 627 của từng phân xưởng, nhà quản lý có thể biết được chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí sản xuất chung phát sinh ở mỗi phân xưởng đã được sử dụng như thế nào, có hợp lý và tiết kiệm không, để từ đó ban lãnh đạo có thể đề ra biện pháp quản lý tốt nhất cho từng khoản mục chi phí ở từng phân xưởng một cách hiệu quả, làm cho chi phí sản xuất được tiết kiệm một cách tối đa và hạ giá thành sản phẩm. Không những vậy khi mở sổ chi tiết theo đối tượng chi phí đến cuối kỳ tính giá thành có thể so sánh giữa giá thành thực tế với giá thành định mức đã được xây dựng chi tiết cho từng phân xưởng.

Hoàn thiện về việc xây dựng giá thành định mức

Xây dựng lại giá thành định mức thuận tiện hơn trong công tác hạch toán, giá thành định mức không bao gồm chi phí lãi vay phải trả. Các chi phí trong giá thành định mức nên được xây dựng chi tiết theo khoản mục chi phí, trong khoản mục lại phân chia theo yếu tố cụ thể như sau:

Bảng 4.1: Giá thành định mức sản xuất 1 chiếc quạt công nghiệp

Đơn vị tính: đồng

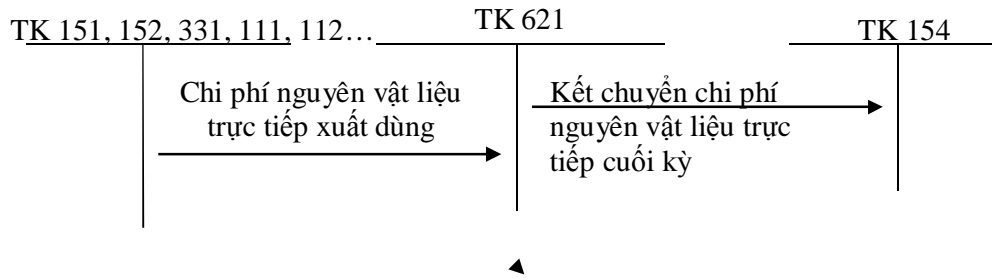
STT	Danh mục	ĐVT	Định mức	Đơn giá	Thành tiền
I	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp				
1	Thép	Kg	7	13.300	
2	Sơn màu	Kg	0.30	39.667	
3	Động cơ	Cái	1	540.000	
4	Đinh tán	Kg	6	1.400	
5	BL+E+MP	Kg	21	469	
6	Máy ơ	Cái	1	86.500	
7	Nan cánh	Cái	32	30.400	
II	Chi phí nhân công trực tiếp				
1	Lương công nhân	Đồng		295.569	
III	Chi phí sản xuất chung	Đồng		177.904	
1	Chi phí nhân công quản lý	Đồng		40.000	
2	Khấu hao TSCĐ	Đồng		70.000	
3	Chi phí sửa chữa nhỏ	Đồng		7.904	
4	Chi phí chung	Đồng		60.000	
IV	Tổng giá thành sản xuất	Đồng		1.337.852	
V	Thuế VAT đầu vào	Đồng			
VI	Giá thành xuất kho có VAT	Đồng			

Công tác xây dựng giá thành định mức nên được thực hiện thường xuyên theo tháng, như vậy sẽ tính toán được kịp thời sự thay đổi giá cả chi phí đầu vào. Giúp công ty xây dựng được giá bán phù hợp tạo sự cạnh tranh trên thị trường sản phẩm quạt công nghiệp trong khu vực.

Hoàn thiện về hạch toán chi phí sản xuất

Công ty nên tiến hành hạch toán chi phí sản xuất theo xuất dùng trực tiếp, nguyên vật liệu xuất dùng cho phân xưởng nào căn cứ vào phiếu xuất kho vật liệu sẽ hạch toán ngay trên tài khoản chi phí sản xuất.

Sơ đồ hạch toán như sau:



Ngày 30/04/2015 kế toán vật tư tiến hành lập phiếu xuất kho số 250, kho vật tư: 03, Xuất thép tấm cho sản xuất. Kế toán định khoản:

Nợ TK 621.1: 67.200.000 đồng

Có TK 1523: 67.200.000 đồng

Cách hạch toán này ghi nhận giá trị các khoản mục chi phí theo đúng chi phí thực tế phát sinh khác phục được nhược điểm các khoản mục chi phí sản xuất tại đơn vị hạch toán theo định mức. Để vẫn giữ được ưu điểm của công tác khoán phân xưởng công ty nên định kỳ hàng tháng tiến hành lập bảng so sánh giữa chi phí thực tế và chi phí định mức. Phần chênh lệch giữa 2 loại chi phí này công ty nên tìm hiểu rõ nguyên nhân, nếu nguyên nhân từ việc xây dựng định mức thì nên điều chỉnh lại định mức cho phù hợp, còn nếu nguyên nhân từ phía phân xưởng thì đưa ra các biện pháp quy kết trách nhiệm cho những đối tượng liên quan. Như vậy, vừa giúp cho công tác kế toán theo dõi được chi phí thực tế phát sinh từng phân xưởng, dẫn đến việc tập hợp giá thành đúng với thực tế không phải hạch toán theo giá thành định mức như đơn vị đang tiến hành. Bảng so sánh chi phí sản xuất thực tế với chi phí theo định mức được xây dựng như sau:

Bảng 4.2: So sánh chi phí sản xuất thực tế với chi phí theo định mức

Stt	Chỉ tiêu	Theo định mức	Thực tế	Chênh lệch
I	Phân xưởng Cơ khí			
1	Chi phí NVLTT			
	...			
2	Chi phí NCTT			
	...			
3	Chi phí SXC			
	...			
II	Phân xưởng Sơn			
1	Chi phí NVLTT			
	...			
2	Chi phí NCTT			
	...			
3	Chi phí SXC			
	...			
III	Phân xưởng lắp ráp			
			

Trong mỗi khoản mục chi phí lại phân thành yếu tố chi phí cụ thể như vậy vừa đánh giá vừa kiểm soát được tình hình tăng giảm chi phí sản xuất.

Hoàn thiện về phương án tính giá thành

Đối với mỗi doanh nghiệp sản xuất, việc xác định cách tính giá thành sản phẩm theo phương án nào là vấn đề then chốt đảm bảo được tính chính xác cao, phát huy được tác dụng của giá thành trong công tác quản lí kinh tế. Vì vậy để giúp kế toán quản trị thuận tiện trong quá trình lập kế hoạch hạ giá thành sản phẩm, thuận lợi cho việc theo dõi chi phí từng khoản mục trong giá thành sản phẩm từ đó có những biện pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả quản lí trong sản xuất của công ty. Mặt khác trong những năm sắp tới khi công nghệ được cải tiến công ty có thể xuất bán ra ngoài bán thành phẩm của quá

trình sản xuất. Xuất phát từ những lí do trên, công ty nên áp dụng phương án phân bước có tính giá thành bán thành phẩm.

Phương án tính giá thành này thích hợp với việc sản xuất sản phẩm của công ty có quy trình công nghệ sản xuất qua nhiều giai đoạn công nghệ chế biến liên tiếp theo một quy trình nhất định, bán thành phẩm của bước trước là đối tượng chế biến của bước sau, tổ chức sản xuất nhiều và ổn định, chu kì sản xuất ngắn và liên tục.

Ví dụ: Cách tính giá thành quạt công nghiệp 0.25Kw trong tháng 4/2015, các chi phí tập hợp được theo bảng sau.

Khoản mục	Phân xưởng Cơ khí	Phân xưởng Sơn	Phân xưởng lắp ráp	Tổng chi phí sản xuất
Chi phí nguyên vật liệu	19.979.662	11.987.797	7.991.865	39.959.324
Chi phí nhân công	13.216.350	7.929.810	5.286.540	26.432.700
Chi phí sản xuất chung	8.206.500	4.923.900	3.282.600	16.413.000
Cộng	41.402.512	24.841.507	16.561.005	82.805.024

Đến cuối tháng :

+ Phân xưởng cơ khí hoàn thành 50 nửa thành phẩm, còn 20 sản phẩm dở dang mức độ hoàn thành 40%.

+ Phân xưởng sơn nhận 50 nửa thành phẩm của phân xưởng cơ khí tiếp tục sản xuất được 45 nửa thành phẩm, còn 5 sản phẩm dở dang mức độ hoàn thành 30%

+ Phân xưởng lắp ráp nhận 45 nửa thành phẩm của phân xưởng sơn tiếp tục sản xuất hoàn thành 40 thành phẩm nhập kho, còn 5 sản phẩm làm dở mức độ hoàn thành là 20%.(cả 3 phân xưởng đều không có sản phẩm dở dang đầu kỳ)

Bước 1: Tính giá thành nửa thành phẩm ở phân xưởng cơ khí

Đánh giá sản phẩm dở dang theo sản phẩm hoàn thành tương đương

$$\text{NVL TT} = \frac{19.979.662}{50 \times 20} \times 20 = 5.708.475$$

$$\text{NC TT} = \frac{13.216.350}{50 + 20 \times 40\%} \times 20 \times 40\% = 1.822.945$$

$$\text{SXC} = \frac{8.206.500}{50 + 20 \times 40\%} \times 20 \times 40\% = 1.131.931$$

Bảng 4.3: Tính giá thành nửa thành phẩm phân xưởng cơ khí

Đơn vị tính: Đồng

Khoản mục	DD đk	PS trong kỳ	DDck	Tổng giá thành	Giá thành đơn vị
Chi phí nguyên vật liệu	-	19.979.662	5.708.475	14.271.187	356.780
Chi phí nhân công	-	13.216.350	1.822.945	11.393.405	284.835
Chi phí sản xuất chung	-	8.206.500	1.131.931	7.074.569	176.864
Cộng	-	41.402.512	8.663.351	32.739.161	818.479

Bước 2: Tính giá thành nửa thành phẩm ở phân xưởng sơn

Đánh giá sản phẩm dở dang

$$\text{NVL TT} = \frac{11.987.797}{45 \times 5} \times 5 = 386.703$$

$$\text{NC TT} = \frac{7.929.810}{45 + 5 \times 30\%} \times 5 \times 30\% = 255.800$$

$$\text{SXC} = \frac{4.923.900}{45 + 5 \times 30\%} \times 5 \times 30\% = 801.339$$

Bảng 4.4: Tính giá thành nửa thành phẩm phân xưởng Sơn

Đơn vị tính: Đồng

Khoản mục	DDdk	Chi phí Sản xuất dở dang trong tháng			Chi phí Sản xuất dở dang cuối tháng			Tổng giá thành	Giá thành đơn vị
		PX1 CS	PX2	Cộng	PX1 CS	PX2	Cộng		
Chi phí Nguyên vật liệu	-	14.271.187	11.987.797	26.258.984	5.708.475	386.703	6.095.178	20.163.806	448.084
Chi phí nhân công	-	11.393.405	7.929.810	19.323.215	1.822.945	255.800	2.078.745	17.244.470	383.210
Chi phí sản xuất chung	-	7.074.569	4.923.900	11.998.469	1.131.931	158.835	1.290.767	10.707.702	237.948
Cộng	-	41.402.512	24.841.507	57.580.668	8.663.351	801.339	9.464.690	48.115.979	1.069.244

Bước 3: Tính giá thành thành phẩm ở phân xưởng Lắp ráp

Đánh giá sản phẩm dở dang

$$\begin{aligned} \text{NVL TT} &= \frac{7.991.865}{40 \times 5} \times 5 = 194.924 \\ \text{NC TT} &= \frac{5.286.540}{40 + 5 \times 20\%} \times 5 \times 20\% = 128.940 \\ \text{SXC} &= \frac{3.282.600}{40 + 5 \times 20\%} \times 5 \times 20\% = 80.063 \end{aligned}$$

Bảng 4.5: Tính giá thành thành phẩm phân xưởng lắp ráp

Đơn vị tính: Đồng

Khoản mục	DDđk	Chi phí Sản xuất dở dang trong tháng			Chi phí Sản xuất dở dang cuối tháng			Tổng giá thành	Giá thành đơn vị
		PX2 CS	PX3	Cộng	PX2 CS	PX3	Cộng		
Chi phí Nguyên vật liệu	-	20.163.806	7.991.865	28.155.671	386.703	194.924	581.627	27.574.044	689.351
Chi phí nhân công	-	17.244.470	5.286.540	22.531.010	255.800	128.940	384.740	22.146.270	553.656
Chi phí sản xuất chung	-	10.707.702	3.282.600	13.990.302	158.835	80.063	238.899	13.751.404	343.785
Cộng	-	48.115.979	16.561.005	64.676.984	801.339	403.927	1.205.266	63.471.718	1.586.793

Hoàn thiện về giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm

Công khai và minh bạch trong việc xây dựng định mức của phòng kế hoạch, định mức được tiến hành xây dựng lại theo tháng hoặc theo quý để sát thực với tình hình thay đổi của giá cả.

Tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chiếm tỉ trọng lớn tới 56,3% trong giá thành sản phẩm. Vì vậy để giảm chi phí sản xuất thì việc tiết kiệm nguyên vật liệu là thực sự cần thiết, công ty có thể áp dụng các biện pháp sau:

Đề ra định mức sản xuất hợp lí, theo dõi thường xuyên kịp thời những biến động giá cả vật tư trên thị trường, mở rộng quan hệ bạn hàng ổn định nhằm cung cấp nguyên vật liệu đầy đủ, kịp thời, giá cả hợp lí, đảm bảo chất lượng nguyên vật liệu.

Khi tìm hiểu về giá cả, công ty nên xem xét, tính toán và cân nhắc so sánh các chi phí nguyên vật liệu giữa các nhà cung cấp. Nếu có thể đảm bảo tốt nguyên vật liệu thì công ty nên mua số lượng lớn sẽ có lợi hơn. Trên cơ sở công ty cần một lượng lớn nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất vì thế công ty nên tìm kiếm các nguồn nguyên liệu trong nước thay thế để có thể hạn chế thấp nhất việc nhập khẩu. Còn những nguyên liệu không có trong nước bắt buộc phải nhập khẩu thì nhập khẩu từ nước ngoài thì công ty nên sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và tránh lãng phí nguyên liệu.

Tìm hiểu thị trường vật liệu và lựa chọn nhà cung cấp vật liệu đáp ứng phù hợp về giá cả, chất lượng, chủng loại và thời gian cung cấp... Công ty không nên chỉ phụ thuộc vào một nhà cung cấp sản phẩm vì như vậy sẽ bị phụ thuộc và ép giá.

Quản lý chặt chẽ số nguyên vật liệu cần để sản xuất như: Lắp camera theo dõi, mọi người ra vào khu sản xuất phải được kiểm tra nghiêm ngặt tránh thất thoát vì giá trị nguyên vật liệu rất lớn

Nghiên cứu, tìm hiểu ứng dụng khoa học kỹ thuật trong việc sử dụng vật liệu mới với giá cả hợp lý có hiệu quả.

Có chế độ khen thưởng xử phạt đối với những cá nhân tổ đội sản xuất tiết kiệm hay lãng phí nguyên vật liệu, khuyến khích cán bộ công nhân viên đóng góp ý kiến cải tiến kỹ thuật như: tăng lương, thăng chức, tổ chức cho đi du lịch nghỉ mát.

Bên cạnh đó công ty cần có các biện pháp tăng năng suất lao động như: tổ chức tăng ca trong quá trình sản xuất, thực hiện ngày làm 3 ca sản xuất giảm được chi phí máy móc tăng được số lượng sản phẩm, giảm thiểu chi phí xuống mức thấp nhất

Sắp xếp khối lượng công việc theo trình tự hợp lý, tránh đình trệ gây tổn thất cho công ty, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Khen thưởng kịp thời thích đáng đối với các cá nhân tập thể có tinh thần trách nhiệm. Hàng năm nên cho cán bộ công nhân viên đi học nhằm nâng cao trình độ năng lực chuyên môn. Tổ chức các cuộc thi công nhân sản xuất giỏi khuyến khích sự sáng tạo trong sản xuất.

4.2.3. Giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng dưới góc độ quản trị.

** Xây dựng, hoàn thiện bộ máy kế toán làm công tác kế toán quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm*

Xây dựng bộ máy kế toán làm công tác kế toán quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng cần phải tổ chức bộ máy kế toán quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Bộ máy kế toán này chuyên nghiệp, bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả. Bộ máy kế toán quản trị nên được tổ chức theo mô hình kết hợp với bộ máy kế toán tài chính nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho chức năng thông tin và kiểm tra của kế toán được toàn diện, phong phú và hiệu quả hơn. Nhân viên kế toán các phân hành vừa đảm nhiệm công việc ghi chép của kế toán tài chính vừa kiêm thêm công việc cụ thể của kế toán quản trị.

Ngoài ra, cần cài đặt các phần mềm hỗ trợ công việc của các nhân viên kế toán để giảm số lượng nhân viên cần thiết cũng như giúp các nhân viên kế toán có thể tập trung vào việc phân tích thông tin và báo cáo cho các nhà quản trị doanh nghiệp. Đặc biệt lưu ý là các nhân viên kế toán không chỉ cần có trình độ cao về kế toán mà cần có sự am hiểu về các vấn đề quản lý, kinh doanh để có thể tiến hành tổ chức thu thập và xử lý thông tin theo nhu cầu quản trị doanh nghiệp.

** Công tác phân loại chi phí theo biến phí và định phí*

Việc lập báo cáo quản trị cần đòi hỏi những thông tin có giá trị là cơ sở cho việc tổng hợp phân tích phục vụ cho hoạt động quản trị. Vì vậy việc đầu tiên đòi hỏi doanh nghiệp phải phân biệt rõ ràng và nhận diện các loại chi phí. Trong đó phân loại chi phí theo cách ứng xử (biến phí và định phí) là cách phân loại thông dụng trên thế giới. Có thể phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí như sau:

Bảng 4.6: Phân loại chi phí theo ứng xử

Nội dung chi phí	Biến phí	Định phí	CP hỗn hợp
1. Giá vốn hàng bán	X		
2. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	X		
3. Chi phí nhân công trực tiếp	X		
4. Chi phí sản xuất chung			X
Chi phí nhân viên phân xưởng		X	
Chi phí vật liệu			X
Chi phí dụng cụ sản xuất			X
Chi phí khấu hao TSCĐ		X	
Chi phí dịch vụ mua ngoài			X
Chi phí khác bằng tiền		X	
5. Chi phí bán hàng			X
Chi phí nhân viên bán hàng		X	
Chi phí vật liệu bao bì			X
Chi phí dụng cụ đồ dùng		X	
Chi phí khấu hao TSCĐ		X	
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp			X
Chi phí nhân viên quản lý		X	
Chi phí đồ dùng văn phòng		X	
Chi phí khấu hao TSCĐ		X	
Thuế, phí và lệ phí			X
Chi phí dự phòng		X	
Chi phí khác bằng tiền		X	
Chi phí dịch vụ mua ngoài			X

Phân loại chi phí nhằm mục đích ra quyết định trong việc phân tích mối quan hệ giữa chi phí - khối lượng - lợi nhuận. phân tích mối quan hệ này để thấy được hiệu quả của việc sử dụng chi phí đối với tiêu thức là như thế nào để từ đó có biện pháp điều chỉnh, cân bằng lại chi phí giữa các tiêu thức giúp việc sử dụng chi phí một cách tiết kiệm nhất nhưng lại thu được hiệu quả cao nhất

** Về lập Dự toán*

Để quá trình sản xuất được diễn ra thuận lợi và thông suốt thì công ty nên lập dự toán sản xuất để tránh tình trạng sản xuất thừa thiếu so với nhu

cầu của thị trường. Vì vậy Công ty nên lập dự toán tiêu thụ để xác định được lượng hàng bán được, lượng tiền thu về để có kế hoạch sản xuất đạt hiệu quả giúp nhà quản trị doanh nghiệp đưa ra được các quyết định đúng đắn trong kinh doanh. Đặc biệt là giúp doanh nghiệp lường trước được các khó khăn

Cụ thể: Sau khi xem xét tình hình thực hiện sản lượng sản phẩm tiêu thụ trong quý 1 và tìm hiểu nhu cầu thị trường, giá cả thị trường liên quan đến sản phẩm sản xuất của doanh nghiệp, dự toán tiêu thụ cho quý 2/2016 như sau:

Bảng 4.7: Dự toán tiêu thụ Quý II/2016

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Tháng			Quý II
	4	5	6	
Khối lượng tiêu thụ dự kiến	50	40	60	150
Đơn giá dự kiến(1000đ)	2.100	2.100	2.100	2.100
Doanh thu dự kiến (1000đ)	105.000	84.000	126.000	315.000

Qua tình hình hoạt động kinh doanh của quý 1/2016 mà xác định được tiền bán hàng thu được ngay trong tháng khoảng 60%, còn lại thanh toán vào tháng sau.

Bảng 4.8: Dự toán thu tiền quý II/2016

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Tháng			Quý II
	4	5	6	
Khoản phải thu của quý trước				80.000
Dự kiến thu Quý I	80.000			80.000
Dự kiến thu tháng 4	63.000	42.000		105.000
Dự kiến thu tháng 5		50.400	33.600	84.000
Dự kiến thu tháng 6			75.600	75.600
Tổng cộng	143.000	92.400	109.200	344.600

Từ 2 dự toán trên doanh nghiệp có thể biết được lượng hàng bán được và lượng tiền thu về hàng tháng để lên kế hoạch sản xuất giảm thiểu được tình trạng thừa hàng dẫn đến không bán được kéo theo chi phí bảo quản lưu kho tăng lên làm giảm lợi nhuận của công ty. Thiếu hàng không có đủ hàng để cung cấp ra thị trường đây là một mất mát vô cùng lớn, làm mất đi nhiều cơ hội kinh doanh của đơn vị. Vì vậy cần có kế hoạch sản xuất thật chính xác giúp doanh nghiệp giảm thiểu tối đa chi phí và đem lại nhiều cơ hội đầu tư khác.

Cụ thể: Lượng hàng tồn kho cuối quý 2 của doanh nghiệp là 20. Giả sử nhu cầu hàng tồn kho cuối tháng là 20% sản lượng tiêu thụ của tháng sau.

Bảng 4.9: Dự toán sản lượng sản xuất quý II/2016

Đơn vị tính: Chiếc

Chỉ tiêu	Tháng			Quý II
	4	5	6	
1. Sản lượng tiêu thụ	50	40	60	150
2. Tồn kho cuối kỳ dự kiến	10	12	20	20
3. Tồn kho đầu kỳ	20	10	12	20
4. Sản lượng sản xuất (1+2-3)	40	42	68	150

4.3. Điều kiện để thực hiện giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng.

* Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng cần nhận thức được vai trò của hệ thống thông tin kế toán trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Bản thân các nhà quản lý của công ty cần nhận thức rõ về tầm quan trọng của hệ thống thông tin kế toán nói chung và hệ thống thông tin về tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm của công ty nói riêng trong việc điều hành hoạt động kinh doanh của công ty mình. Có như vậy, các nhà quản lý mới thấy được sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm và đảm bảo cho tính khả thi của các định hướng hoàn thiện đã nêu trên như:

- Xây dựng hệ thống chỉ tiêu thông tin kế toán nội bộ một cách đồng bộ và thống nhất, tránh sự trùng lặp nhằm đảm bảo cho việc truyền tải thông tin nhanh chóng và thuận lợi, cũng như không xuất hiện sự mâu thuẫn lẫn nhau giữa các thông tin được cung cấp đây chính là việc xây dựng, hình thành bộ phận cung cấp thông tin, kiểm soát thông tin trong công ty. Thiết kế một cấu trúc tổ chức khoa học có sự phân định rõ ràng về trách nhiệm và quyền hạn của từng bộ phận trong việc thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin. Có như vậy mới tạo nên một hệ thống thông tin kế toán nội bộ hoàn chỉnh đáp ứng được nhu cầu thông tin của các đối tượng sử dụng trong công ty.

- Trên cơ sở các định mức kinh tế và căn cứ vào tình hình thực tế tại công ty, công ty nên thường xuyên nghiên cứu, phân tích, đánh giá để có thể xây dựng một hệ thống định mức kinh tế tối ưu phù hợp với đặc điểm thực tế tại đơn vị để vận dụng trong công ty, nhằm cung cấp một nguồn dữ liệu đáng tin cậy cho kế toán quản trị trong việc dự báo và kiểm soát chi phí.

** Cần sớm hoàn thiện bộ máy quản lý trong đó bộ máy kế toán phù hợp theo phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán.*

Để có thể thực hiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng như đã nêu trên, bộ máy kế toán cần được hoàn thiện tương xứng bằng việc đầu tư tuyển

dụng các nhân viên có trình độ, bố trí sắp xếp công việc hợp lý phù hợp theo mô hình tổ chức kế toán quản trị trong cùng một bộ máy kế toán.

- Cần thực hiện nghiêm túc, đúng và đầy đủ các chính sách, chế độ về quản lý của Nhà nước cũng như những quy định kế toán hiện hành của Bộ Tài chính.

- Trong quá trình thực hiện công việc của mình, cần tìm hiểu và nghiên cứu kỹ các chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các chuẩn mực của kế toán quốc tế. Phòng Kế toán – Tài chính cần hoàn thiện công tác tổ chức để phù hợp tình hình thực tế phát sinh của công việc, đảm bảo thuận lợi, phù hợp với ngành nghề và đặc điểm kinh doanh của đơn vị mình.

- Đôn đốc triển khai việc phổ biến áp dụng các chuẩn mực mới khi Bộ Tài chính có quyết định ban hành. Kế toán trưởng hoặc những người đi tập huấn cần phải hoàn thành tốt vai trò của mình, tránh hiện tượng chậm triển khai áp dụng, chậm tiến độ và không kịp thời.

** Cần tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ*

Bản thân công ty phải thương xuyên liên tục tổ chức các kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất như kiểm tra chứng từ, kiểm tra việc chấp hành chế độ ghi chép ban đầu, ghi chép trên sổ kế toán, kiểm tra việc lập báo cáo kế toán. Tăng cường hoạt động của bộ máy kiểm soát nội bộ công ty.

Kiểm soát nội bộ là những phương pháp và chính sách được thiết kế để ngăn chặn gian lận, giảm thiểu sót. Khuyến khích hiệu quả hoạt động, và nhằm đạt được sự tuân thủ các chính sách và quy trình được thiết lập. Một hệ thống kiểm soát nội bộ vững mạnh sẽ giúp đem lại các lợi ích sau cho công ty:

Đảm bảo tính chính xác của các số liệu kế toán và báo cáo tài chính của công ty;

Giảm bớt rủi ro gian lận hoặc trộm cắp đối với công ty do bên thứ ba hoặc nhân viên của công ty gây ra;

Giảm bớt rủi ro không tuân thủ chính sách và quy trình kinh doanh của công ty, và ngăn chặn việc tiếp xúc những rủi ro không cần thiết do quản lý rủi ro chưa đầy đủ.

** Cần chú trọng đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ nhân viên kế toán.*

Các công ty nói chung và công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng nói riêng cần nhận thức được tầm quan trọng của các nhân viên kế toán. Nếu các nhân viên kế toán có trình độ cao, có chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp thì họ có khả năng xây dựng được các thông tin hữu ích, thiết kế các báo cáo kế toán đặc thù một cách nhanh chóng, trung thực để trợ giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp.

Như vậy, công ty cần quan tâm đến việc cử người đi học các lớp tập huấn về chế độ kế toán, bồi dưỡng kiến thức về kế toán tài chính, về sử dụng máy vi tính, về chuẩn mực đạo đức hành nghề cho cán bộ kế toán để nâng cao hiệu quả kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh nói riêng.

** Chế độ lương, thưởng, đãi ngộ cho nhân viên kế toán*

Bên cạnh đó, là một công ty có uy tín với mức lợi nhuận hàng năm không phải là thấp, công ty cần có chính sách lương thưởng, chế độ đãi ngộ với cán bộ nhân viên kế toán để giữ được những kế toán lâu năm, những người có kinh nghiệm làm kế toán để thuận lợi hơn cho công tác kế toán của công ty, tránh sự xáo trộn trong bộ máy kế toán làm ảnh hưởng tới công tác kế toán toàn công ty.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

Qua việc thảo luận đánh giá thực trạng công tác kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng. Chương 4 đã làm rõ sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm và mạnh dạn đưa ra các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng.

Những nội dung hoàn thiện được nghiên cứu một cách khoa học dựa trên cơ sở đánh giá khách quan về thực trạng công tác kế toán kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng mà tác giả luận văn đã khảo sát thực tế. Các nội dung hoàn thiện trong bài viết vừa mang tính khái quát, vừa mang tính cụ thể. Với mục đích giúp cho công tác kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng thực hiện chặt chẽ, tiết kiệm, khoa học và hiệu quả.

KẾT LUẬN

Đất nước ta đang trong quá trình hội nhập và phát triển kinh tế đòi hỏi doanh nghiệp đều phải có năng lực hoạt động vững mạnh trước sự cạnh tranh gay gắt của nền kinh tế thị trường. Công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một vấn đề luôn được các doanh nghiệp quan tâm. Trước những thách thức, sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường, mục tiêu tiết kiệm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm có vai trò quyết định sự sống còn của doanh nghiệp. Quản lý tốt chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là việc mà tất cả các doanh nghiệp phải đặt lên hàng đầu vì nó ảnh hưởng trực tiếp tới lợi nhuận mà doanh nghiệp thu được. Do vậy, hoàn thiện chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm rất quan trọng trong công tác kế toán, gắn liền với việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Xuất phát từ tầm quan trọng đó, luận văn " kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng" đã nghiên cứu và rút ra kết luận cơ bản sau:

Một là: luận văn đã nghiên cứu và làm sáng tỏ vấn đề lý thuyết về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất nói chung bao gồm: Bản chất, nội dung, các cách phân loại chi phí, giá thành, đối tượng tập hợp chi phí, đối tượng tính giá thành, phương pháp tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm trong kế toán tài chính, sự chi phối của các chuẩn mực tới chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Hai là: luận văn phân tích cụ thể thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng. Trên cơ sở đó, đánh giá, rút ra những ưu điểm, những tồn tại cơ bản

mà Công ty cần khắc phục và hoàn thiện nhằm nâng cao hiệu quả việc quản lý chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm.

Ba là: trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, luận văn đã đề xuất các nội dung hoàn thiện về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Hưng vừa mang tính khái quát, vừa mang tính cụ thể.

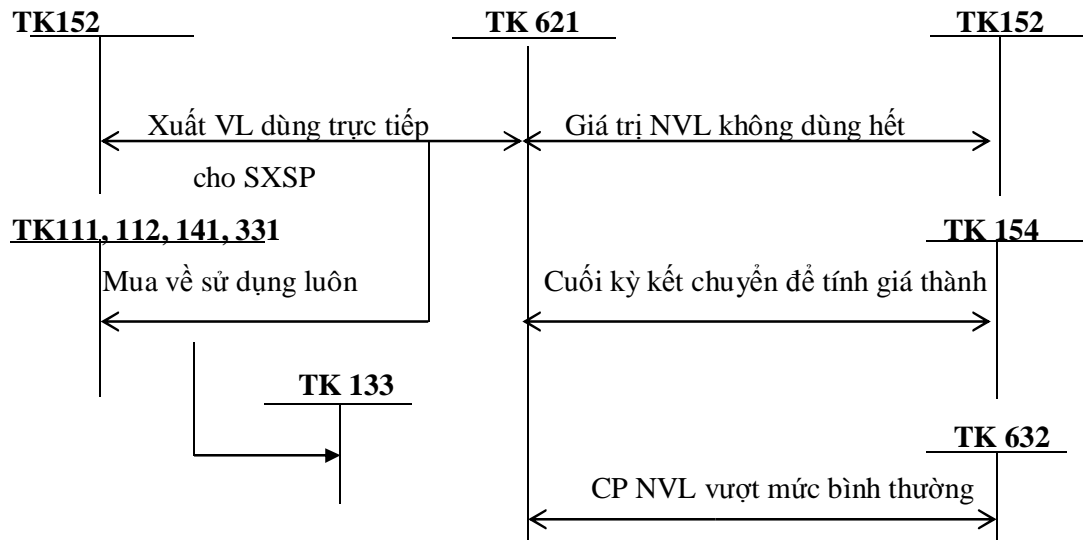
Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất là một đề tài có phạm vi rộng và hết sức quan trọng. Do vậy, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ngày càng phải được quan tâm và hoàn thiện hơn nữa. Mặt khác bài viết này mới chỉ đi sâu vào phương diện kế toán tài chính mà chưa đi nghiên cứu về phương diện kế toán quản trị. Mặc dù đã có nhiều cố gắng, tuy nhiên trong quá trình nghiên cứu hoàn thiện luận văn không thể không tránh khỏi những thiếu sót, tồn tại nhất định. Tác giả rất mong nhận được sự giúp đỡ, hướng dẫn của các thầy cô giáo, các nhà khoa học để luận văn được hoàn thiện và có giá trị về mặt lý luận và thực tiễn cao hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài Chính (2007), Chế độ kế toán Việt Nam, NXB Lao Động.
2. Bộ Tài Chính (11-2008), Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam – Hướng dẫn thực hiện 26 chuẩn mực kế toán, NXB Lao động.
3. EURP- TAPVIET, Dự án Kế toán – Kiểm Toán (2000), Hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế, NXB Tài Chính.
4. Luật kế toán số 03/2003/QH11 (ngày 17./06/2003), Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
5. GS.TS.NGND Ngô Thế Chi, TS Trương Thị Thủy (2010), Giáo trình kế toán tài chính, NXB Tài Chính.
6. TS Đặng Thị Hòa, TS Phạm Đức Hiếu, TS Đoàn Vân Anh, TS Lê Thị Thanh Hải, TS Trần Thị Hồng Mai, TS Phạm Thị Thu Thủy.. (2009), Giáo trình Kế toán tài chính doanh nghiệp, NXB Giáo dục Việt Nam
7. TS Nguyễn Phú Giang (2010), Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính, NXB Tài Chính.
8. PGS. TS Nghiêm Văn Lợi (2007), Giáo trình kế toán tài chính, NXB Tài Chính.
9. Website: tapchiketoan.com
10. Website: tapchithue.com
11. Website: ebook.edu.vn

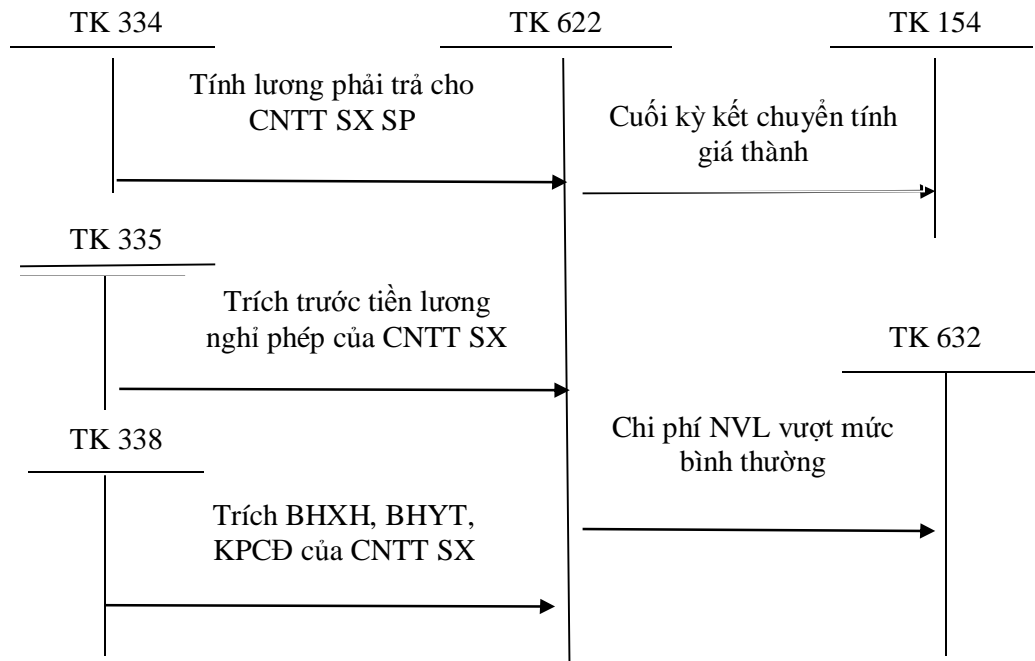
PHỤ LỤC 01

SƠ ĐỒ HẠCH TOÁN CHI PHÍ NGUYÊN VẬT LIỆU TRỰC TIẾP



PHỤ LỤC 02

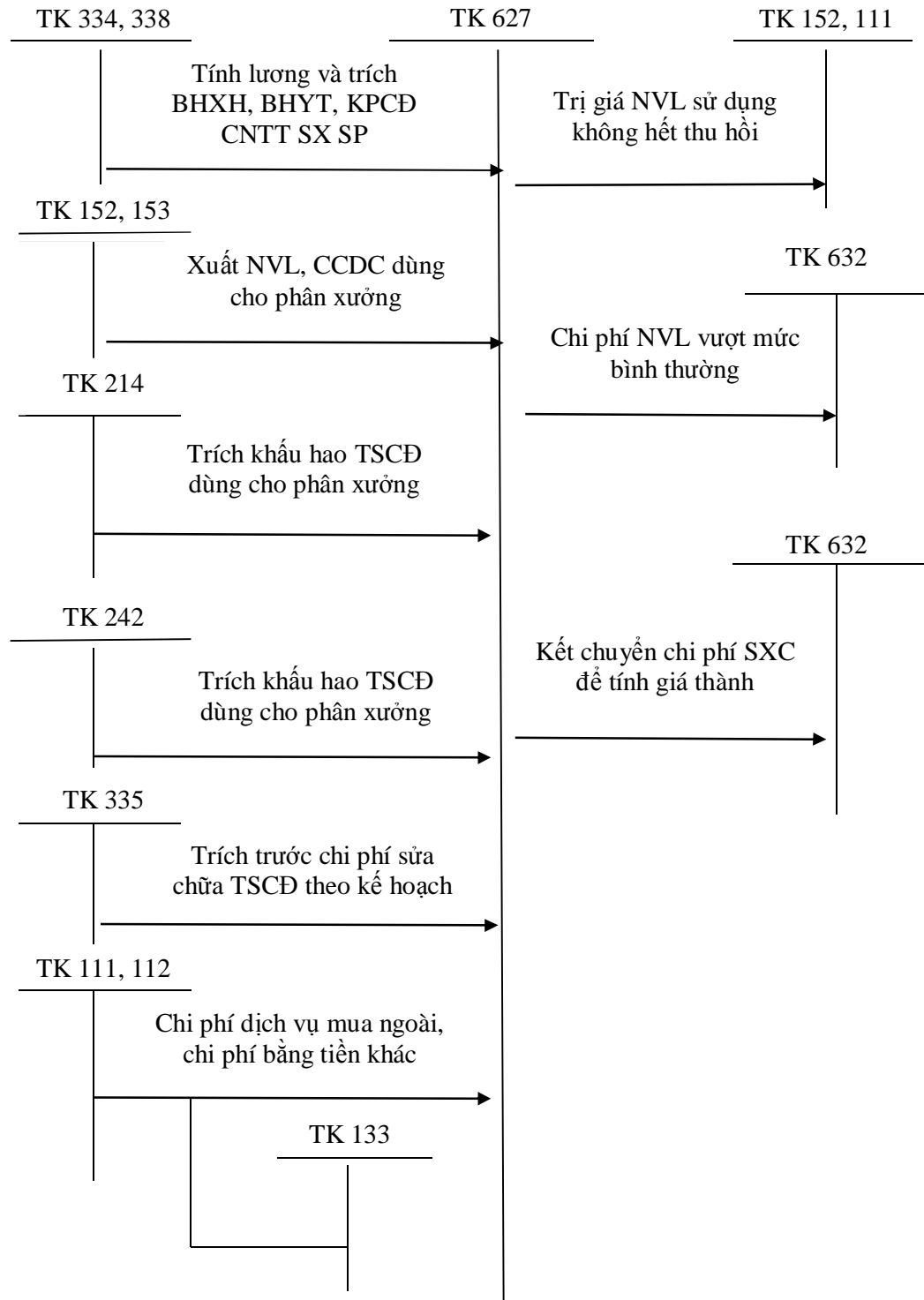
SƠ ĐỒ HẠCH TOÁN CHI PHÍ NHÂN CÔNG TRỰC TIẾP



PHỤ LỤC 03

SƠ ĐỒ HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG

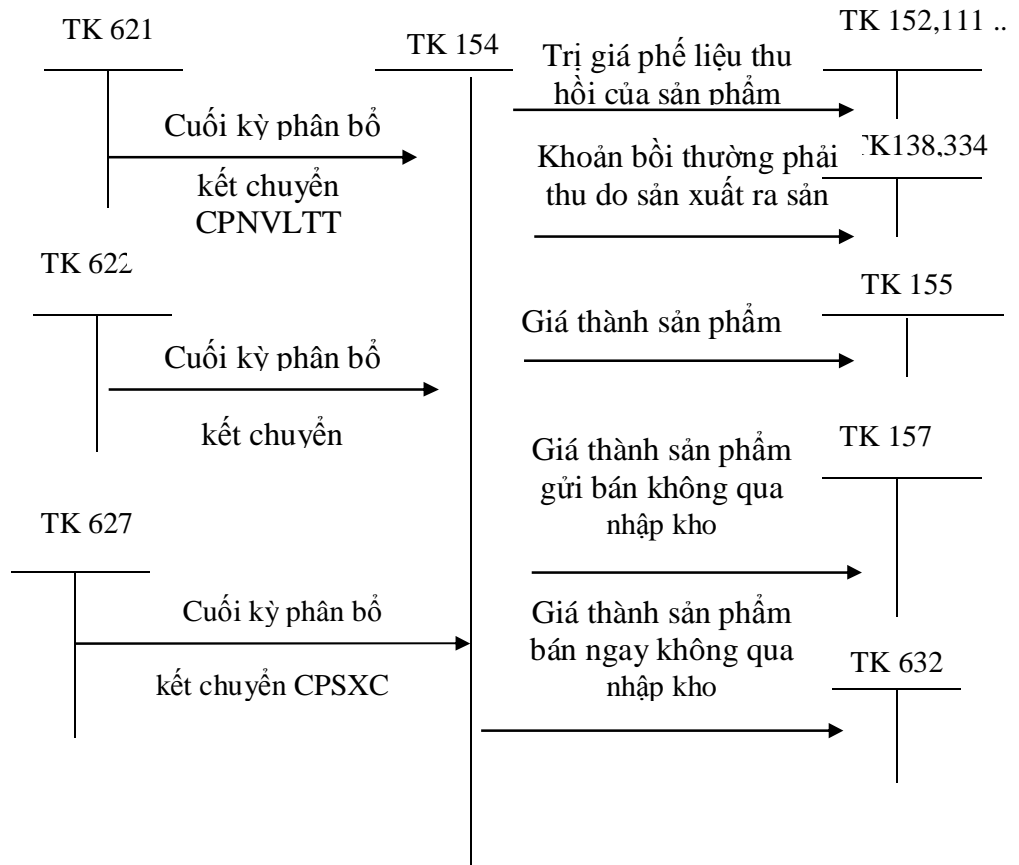
TK 627



PHỤ LỤC 04

SƠ ĐỒ HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỒ DANG

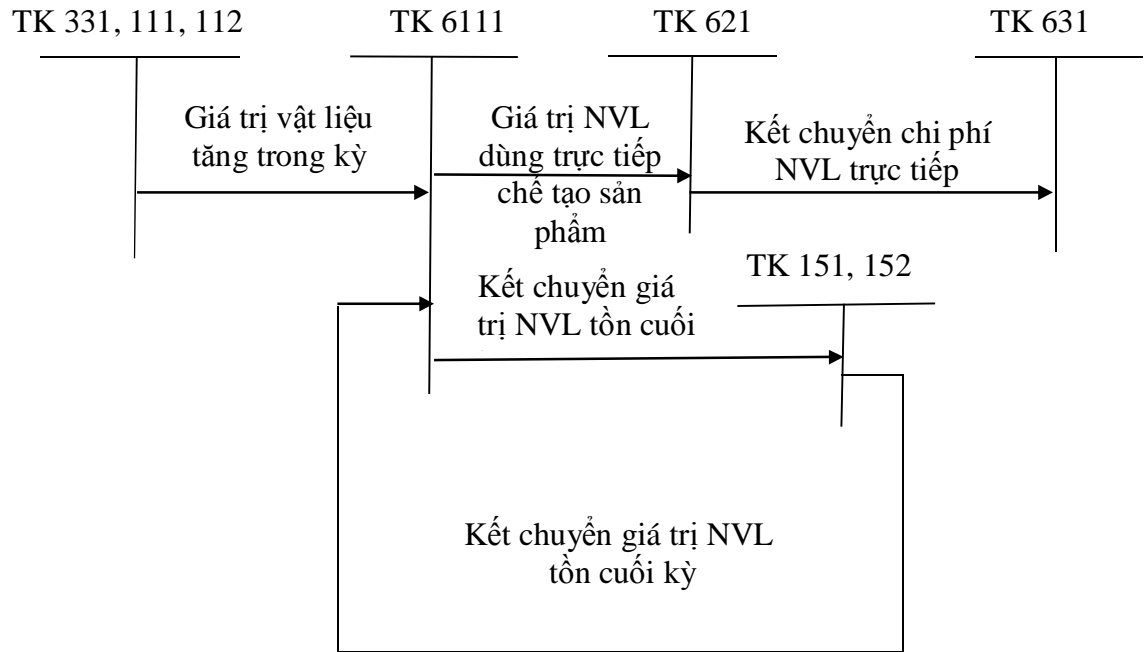
TK 154



PHỤ LỤC 05

SƠ ĐỒ HẠCH TOÁN CHI PHÍ NGUYÊN VẬT LIỆU TRỰC TIẾP

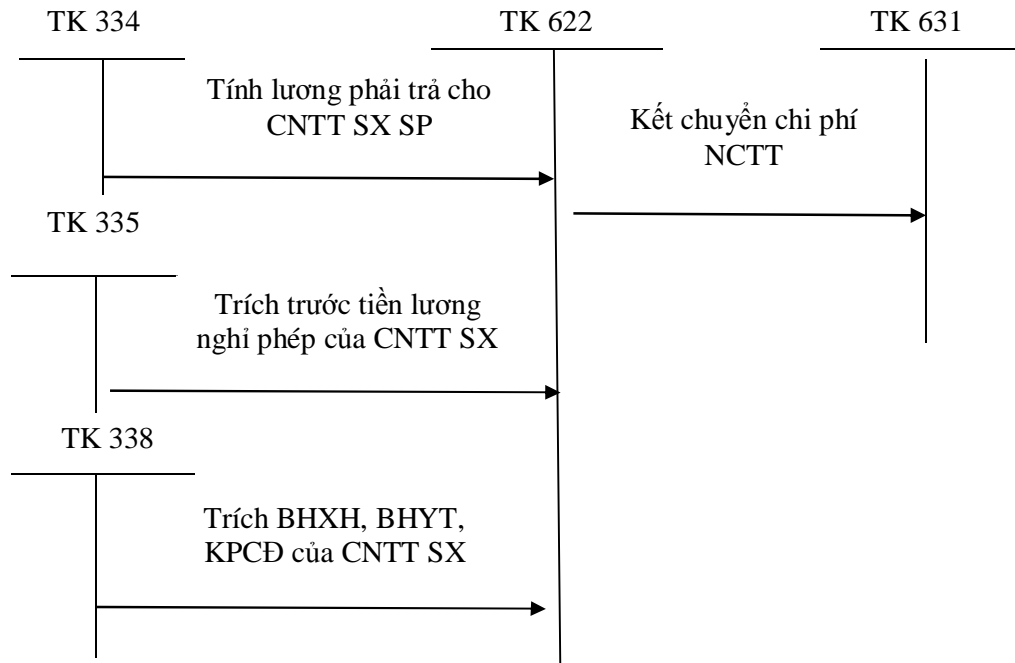
TK 621



PHỤ LỤC 06

SƠ ĐỒ HẠCH TOÁN CHI PHÍ NHÂN CÔNG TRỰC TIẾP SẢN XUẤT

TK 622



PHỤ LỤC 07

SƠ ĐỒ HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT

TK 631

